

Số: 233 -2019/QĐ-NPM

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“**Công Ty**”) ngày 15 tháng 10 năm 2019, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Căn cứ Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTV ngày 05 tháng 06 năm 2019 của Hội đồng Thành viên Công Ty (“**Nghị Quyết Số 07**”);
- Căn cứ Giấy ủy quyền số 05-UQ/NPM-2019 ngày 05 tháng 06 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công Ty;
- Trên cơ sở thông báo số 2109/2019/TB-TCBS ngày 06 tháng 11 năm 2019 (“**Thông Báo Số 2109**”) và thông báo số 2149/2019/TB-TCBS ngày 13 tháng 11 năm 2019 (“**Thông Báo Số 2149**”) của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Kỹ Thương;
- Xét rằng, Công Ty đã hoàn tất đợt phát hành các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và không phải là nợ thứ cấp của Công Ty với tổng mệnh giá 210.000.000.000 VND (“**Trái Phiếu NPMPO2022_01**”) theo phương án phát hành được Hội đồng Thành viên Công Ty thông qua tại Nghị Quyết Số 07 và Trái Phiếu NPMPO2022_01 đã được phân phối cho tối thiểu cho 100 nhà đầu tư theo thông báo của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Kỹ Thương tại Thông Báo Số 2109; và
- Xét yêu cầu niêm yết Trái Phiếu NPMPO2022_01 của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Kỹ Thương với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Thông Báo Số 2149.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thông qua các công việc sau:

- (i) đăng ký Trái Phiếu NPMPO2022_01 tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam; và
- (ii) niêm yết Trái Phiếu NPMPO2022_01 trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc Công Ty, và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.


TỔNG GIÁM ĐỐC

Craig Richard Bradshaw

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
NUI PHAO MINING COMPANY LTD**

Số/ No.: 07/2019/NQ-HĐTV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 06 năm 2019
Thai Nguyen, June 5, 2019

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
RESOLUTION OF THE MEMBERS' COUNCIL
OF NUI PHAO MINING COMPANY LTD**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
MEMBERS' COUNCIL**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Pursuant to Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 passed by the National Assembly of Vietnam on November 26, 2014 and its implementing documents;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm), và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Pursuant to Law on Securities No. 70/2006/QH11 passed by the National Assembly of Vietnam on June 29, 2006 (as amended from time to time) and its implementing documents;

Căn cứ Điều lệ hợp nhất ngày 28/11/2018 của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("**Công Ty**"), được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm; và

*Pursuant to the consolidated Charter dated November 28, 2018 of Nui Phao Mining Company Ltd (the "**Company**"), as amended, supplemented from time to time; and*

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Thành viên số 07/2019/BBH-HĐTV ngày 05 tháng 06 năm 2019,

Pursuant to Minutes of Meeting of the Members' Council No. 07/2019/BBH-HĐTV dated June 5, 2019,

**QUYẾT NGHỊ:
RESOLVES:**

Điều 1. Thông qua việc Công Ty phát hành trái phiếu ("**Trái Phiếu**") theo phương án phát hành trái phiếu ("**Phương Án Phát Hành**") được đính kèm tại Phụ Lục 1.

*Article 1. To approve the issuance by the Company of the bonds (the "**Bonds**") in accordance with the bond issuance plan (the "**Issuance Plan**") attached hereto as Annex 1.*

Điều 2. Thông qua việc các nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu được bảo đảm bởi (i) các cổ phần do Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan phát hành thuộc sở hữu của Công ty TNHH Tầm Nhìn Masan ("**Cổ Phần Thế Chấp**"), và/hoặc (ii) các tài sản khác của Công Ty và/hoặc tài sản của (các) bên thứ ba khác theo quyết định của người được uỷ quyền quy định lại Điều 4 của Nghị quyết này.

Article 2. To approve that the payment obligations of the Company in relation to the Bonds shall be secured by (i) the shares issued by Masan Resources Corporation and owned by Masan Horizon Company Limited (the “**Mortgaged Shares**”), and/or (ii) other assets of the Company and/or assets of other third party(ies) as may be decided by the authorized persons as provided in Article 4 hereof.

Điều 3. Thông qua các giao dịch được quy định trong, và việc Công Ty ký kết, chuyên giao và thực hiện, tất cả các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu mà Công Ty là một bên tham gia, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

Article 3. To approve the transactions contemplated in, and the execution, delivery and performance by the Company of, all agreements, contracts and other documents relating to the Bonds to which the Company is a party, including but not limited to:

- (a) mỗi hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết với mỗi bên đặt mua trái phiếu;
each bond subscription agreement to be signed with each bond subscriber;
- (b) hợp đồng tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng, bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết trái phiếu;
the public offering consultancy, bond underwriting and bond listing consultancy agreement;
- (c) hợp đồng đại lý lưu ký trái phiếu;
the bond depository agency agreement;
- (d) hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu;
the bondholders' agency agreement;
- (e) hợp đồng bảo đảm bằng Cổ Phần Thế Chấp và (các) hợp đồng bảo đảm khác (nếu có);
the security agreement regarding the Mortgaged Shares and other security agreement(s) (if any);
- (f) các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu; và
other agreements, contracts and documents relating to the Bonds; and
- (g) các bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc thay thế của các tài liệu được nêu từ đoạn (a) đến đoạn (f) của Điều này,
the amendments, supplementations, termination or replacements of the documents as stated in paragraphs (a) to (f) of this Article.

(các thỏa thuận, hợp đồng và tài liệu quy định tại Điều này được gọi chung là “**Các Tài Liệu Giao Dịch**”).

(the aforementioned agreements, contracts and documents are referred to collectively as the “Transaction Documents”).

Điều 4. Thông qua việc ủy quyền cho Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Công Ty, được thay mặt và đại diện cho Công Ty:

Article 4. To approve the authorization in favor of the Chairman of the Members' Council, or the General Director or the Deputy General Director or the Chief Financial Officer of the Company, to act for and on behalf of the Company to:

- (a) quyết định các nội dung cụ thể, việc ký kết và chuẩn bị hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng với danh mục các tài liệu được liệt kê tại Phụ Lục 2 phù hợp với Phương Án Phát Hành được nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và/hoặc các cơ quan chức năng có liên quan để đăng ký chào bán Trái Phiếu theo Phương Án Phát Hành ("**Các Tài Liệu Của Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán**");
*decide specific contents of, execution of and preparation of the documents of the bond public offering dossier in accordance with the Issuance Plan as listed in Annex 2 hereof to be submitted to the State Securities Commission of Vietnam and/or related regulatory bodies to get approval for the public offering of the Bonds in accordance with the Issuance Plan ("**Documents of the Offering Dossier**")*;
- (b) tổ chức triển khai thực hiện Phương Án Phát Hành; và quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Phương Án Phát Hành và Các Tài Liệu Của Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật, điều kiện thị trường và lợi ích của Công Ty;
organize the implementation of the Issuance Plan; and decide the amendment of, supplementation to, or modification of, the Issuance Plan and Documents of the Offering Dossier (if any) upon the request of relevant authorities and in accordance with laws, market conditions and interests of the Company;
- (c) tổ chức triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
organize the implementation of registration procedures of the public offering of the Bonds;
- (d) quyết định loại, giá trị tài sản khác của Công Ty (nếu có) và/hoặc của (các) bên thứ ba khác làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu;
decide the type and value of other assets of the Company (if any) and/or those of third party(ies) which are used as collateral to secure the repayment obligations of the Company relating to the Bonds;
- (e) quyết định lựa chọn tổ chức định giá thực hiện định giá tài sản bảo đảm để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu;
decide the appointment of the valuer to implement the valuation of the assets being secured for the repayment obligation of the Company relating the Bonds;
- (f) quyết định nội dung các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch phù hợp với Phương Án Phát Hành;
decide the specific terms and conditions of the Bonds and the Transaction Documents in accordance with the Issuance Plan;
- (g) quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, kể cả mức phân bổ số tiền thu được từ việc chào bán các Trái Phiếu cho các mục đích phù hợp với phương án sử dụng vốn được nêu tại Phương Án Phát Hành đã được phê duyệt, cách thức thực hiện và việc bố trí nguồn trả nợ Trái Phiếu;
decide the matters relating to the use of the proceeds from the issuance of the Bonds, including the allocation of the proceeds from offering the Bonds in accordance with the plan for use of proceeds provided in the approved Issuance Plan, the payment method and resources for repayment of the Bonds;

- (h) quyết định danh sách các nhà đầu tư Trái Phiếu;
decide the list of investors of the Bonds;
- (i) quyết định việc đăng ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và niêm yết Trái Phiếu trên sở giao dịch chứng khoán được công nhận tại Việt Nam sau khi Trái Phiếu được phát hành phù hợp với Điều 1 của Nghị quyết này;
decide the depository of the Bonds at the Vietnam Securities Depository and listing of the Bonds at a stock exchange recognized in Vietnam after the issuance of the Bonds in accordance with Article 1 hereof;
- (j) quyết định và tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để đăng ký và niêm yết Trái Phiếu theo quy định tại Điều này, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau: (A) quyết định khối lượng Trái Phiếu sẽ được đăng ký, niêm yết, thời điểm đăng ký niêm yết, và các điều kiện cụ thể khác; (B) quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu sẽ nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật; và (C) làm việc và giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký và niêm yết và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu;
decide and organize the tasks necessary to effect the depository and listing of the Bonds in accordance with the provisions of this Article, including but not limited to the following tasks: (A) decide the volume of the Bonds to be deposited and listed, and the time of depositing and listing, and other terms; (B) decide and sign the dossiers and documents to be submitted to the relevant authorities for depositing and listing of the Bonds in accordance with the laws; and (C) work with and explain to the relevant authorities and related regulatory bodies regarding the depository and listing dossiers and other matters relating to the depository and listing of the Bonds;
- (k) quyết định việc mua lại Trái Phiếu trước hạn theo phương án mua lại Trái Phiếu được quy định trong Các Tài Liệu Giao Dịch; và
decide the early redemption of the Bonds in accordance with the plan of redemption as provided under the Transaction Documents; and
- (l) quyết định và thực hiện tất cả các hành động cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công Ty, Các Tài Liệu Giao Dịch và Nghị quyết này để hoàn tất việc đăng ký chào bán Trái Phiếu, phát hành Trái Phiếu ra công chúng, việc phân phối Trái Phiếu, việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu, và việc công bố thông tin và báo cáo liên quan đến Trái Phiếu.
decide and implement all other necessary tasks in accordance with the laws, the Charter of the Company, the Transaction Documents, and this Resolution to complete the registration of the Bond offering, the public offering of the Bonds, the allotment of the Bonds, the depository and listing of the Bonds, and the public disclosures and reports relating to the Bonds.

Điều 5. Các thành viên Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và các phòng ban có liên quan của Công Ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
Article 5. The members of the Members' Council, the General Director, the Deputy General Director, Chief Financial Officer and relevant departments of the Company shall be responsible for implementing this Resolution.

Điều 6. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ghi tại phần đầu của Nghị quyết.
Article 6. This Resolution shall be effective as of the date first above written.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
FOR AND ON BEHALF OF THE MEMBERS' COUNCIL



NGUYỄN THIỆU NAM
Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Chairman of the Members' Council

PHU LUC 1

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

I. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông Tin Chung:

- Tên Tiếng Việt : Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
- Tên Tiếng Anh : Nuiphao Mining Company Ltd.,
- Trụ Sở Giao Dịch : Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Thành Lập : Theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 ngày 05 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư tỉnh Thái Nguyên cấp, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm
- Người Đại Diện Theo Pháp Luật : Ông Nguyễn Thiệu Nam
- Chức Vụ : Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên
- Vốn Điều Lệ : 4.789.010.000.000 VND
- Ngành Nghề Kinh Doanh :
 - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, đồng, bismut và vàng);
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và tài nguyên nước (thăm dò khoáng sản);
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);
 - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
 - Hoạt động tư vấn quản lý;
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
 - Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác); và

- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành:

2.1 **Các chỉ tiêu tài chính tiêu biểu trong 03 (ba) năm liên tiếp trước các Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng (như định nghĩa bên dưới):**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: (triệu Đồng)		
	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Doanh thu thuần	4.048.817	5.404.645	6.865.011
Lợi nhuận trước thuế	196.719	477.322	1.013.652
Lợi nhuận sau thuế	182.410	455.837	965.230
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông	176.906	360.626	818.985
Tổng tài sản	22.196.078	22.993.176	23.998.353
Tiền và các khoản tương đương tiền	600.602	776.324	458.214
Tài sản ngắn hạn	2.482.947	3.437.254	4.305.594
Tài sản dài hạn	19.709.131	19.555.922	19.692.759
Vốn điều lệ	4.789.010	4.789.010	4.789.010
Vốn chủ sở hữu	4.788.368	5.244.206	5.513.783
Vay ngắn hạn	2.227.003	2.406.158	2.467.361
Vay dài hạn	10.813.672	10.858.710	9.900.501
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu ¹	272,35%	252,94%	224,34%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ²	4,03%	7,75%	15,83%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và 2018 của Tổ Chức Phát Hành)

2.2 **Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tiếp trước các Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng:**

Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong năm 2016, 2017 và 2018.

2.3 **Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổ Chức Phát Hành:**

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 (bao gồm kết quả riêng lẻ và hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành): báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2018, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực

¹ Giá trị nợ được sử dụng để tính toán hệ số nợ/vốn chủ sở hữu bao gồm nợ vay ngắn hạn, nợ vay dài hạn và trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành vào thời điểm kết thúc năm tài chính có liên quan.

² Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu được tính trên cơ sở đã loại bỏ lợi ích của cổ đông thiểu số và bình quân vốn chủ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành.

kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN CHI TIẾT

1. Mục Đích Phát Hành: Trái Phiếu được chào bán ra công chúng nhằm huy động vốn để sử dụng vào mục đích cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành nhằm lành mạnh hóa các chỉ tiêu tài chính của Tổ Chức Phát Hành trong thời gian tới.
2. Phương Án Sử Dụng Vốn chi tiết: Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với các mục đích phát hành nêu trên. Cụ thể:

STT	Nội dung	Tổng mệnh giá các Trái Phiếu NPM082020 được mua lại trước hạn (VND)
1.	Mua lại trước hạn các trái phiếu được phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành ngày 13/08/2015 và đáo hạn ngày 13/08/2020 (“ Trái Phiếu NPM082020 ”) trong nhiều đợt tương ứng với các Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng	3.000.000.000.000

Việc mua lại trước hạn Trái Phiếu NPM082020 được quy định cụ thể tại Điều Kiện 7.3 của các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu NPM082020, theo đó, Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu NPM082020 trước hạn. Sau khi hoàn tất mỗi Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng, Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng vốn huy động được từ Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng đó để thực hiện mua lại trước hạn các Trái Phiếu NPM082020 theo từng đợt mua lại tương ứng.

III. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN TRÁI PHIẾU

1. Loại Trái Phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
2. Khối Lượng Phát Hành: Tổng khối lượng phát hành tối đa là 3.000.000.000.000 VND (ba nghìn tỷ Đồng), dự kiến được chào bán ra công chúng trong 3 (ba) đợt (mỗi đợt chào bán ra công chúng như vậy là một “**Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng**”). Khối lượng cụ thể của từng Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng dự kiến như sau:
 - Trái phiếu đợt 1: Tối đa 1.000.000.000.000 VND (sau đây gọi là “**Trái Phiếu Đợt 1**”);
 - Trái phiếu đợt 2: Tối đa 1.000.000.000.000 VND (sau đây gọi là “**Trái Phiếu Đợt 2**”);
 - và
 - Trái phiếu đợt 3: Tối đa 1.000.000.000.000 VND (sau đây gọi là “**Trái Phiếu Đợt 3**”).

Khối lượng phát hành cụ thể của từng Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định.

3. Tính Chất: Trái Phiếu tạo thành các nghĩa vụ nợ trực tiếp và không phải nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. Nếu khi xử lý tài sản bảo đảm nhưng nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu còn tồn đọng do số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm

không đủ thì phần nghĩa vụ còn tồn đọng đó sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ khác, không phải là nợ thứ cấp và không được bảo đảm ở thời điểm hiện tại hoặc tương lai của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

4. Loại Tiền Tê Phát Hành và Thanh Toán: Đồng Việt Nam (VND).
5. Lãi Suất của Trái Phiếu: các Trái Phiếu của mỗi Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng có lãi suất như sau:
 - (a) Đối với giai đoạn 12 (mười hai) tháng đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành (“**Năm Tính Lãi Thứ Nhất**”): lãi suất cố định 10%/năm (mười phần trăm một năm); và
 - (b) Đối với mỗi giai đoạn 6 (sáu) tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc Năm Tính Lãi Thứ Nhất cho đến Ngày Đáo Hạn: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,1%/năm (ba phẩy một phần trăm một năm) và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.
6. Mệnh Giá Trái Phiếu: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu.
7. Giá Phát Hành: 100% mệnh giá.
8. Số Lượng Trái Phiếu Phát Hành: tối đa 30.000.000 (ba mươi triệu) Trái Phiếu. Số lượng Trái Phiếu phát hành cụ thể của từng Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định phù hợp với Khối Lượng Phát Hành và Mệnh Giá Trái Phiếu.
9. Ngày Phát Hành dự kiến: từ Quý III năm 2019 đến Quý I năm 2020, dự kiến như sau:

Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng	Thời gian dự kiến phát hành
Trái Phiếu Đợt 1	Quý III năm 2019
Trái Phiếu Đợt 2	Quý IV năm 2019 hoặc Quý I năm 2020
Trái Phiếu Đợt 3	Quý IV năm 2019 hoặc Quý I năm 2020

Ngày Phát Hành cụ thể của từng Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định, với điều kiện là khoảng cách giữa Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng sau với Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng trước không quá mười hai (12) tháng phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

10. Kỳ Hạn Trái Phiếu: mỗi Trái Phiếu có kỳ hạn tối đa là ba mươi sáu (36) tháng kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu đó.

11. Ngày Đáo Hạn: ngày kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu.
12. Phương Thức Thanh Toán Gốc Và Lãi:
 - (a) Khoản nợ gốc của các Trái Phiếu sẽ được thanh toán một lần vào (i) Ngày Đáo Hạn, hoặc (ii) Ngày Thanh Toán Trước Hạn, hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn hoặc do nguyên nhân khác; và
 - (b) Lãi của các Trái Phiếu sẽ được thanh toán (i) mỗi 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, hoặc (ii) vào ngày thanh toán khoản nợ gốc như quy định tại đoạn (a) nêu trên.
13. Hình Thức Trái Phiếu: bút toán ghi sổ, có cấp giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam, sở giao dịch chứng khoán có liên quan và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu.
14. Biện Pháp Bảo Đảm: Nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành được bảo đảm bởi các biện pháp bảo đảm sau:
 - (a) Công Ty TNHH Tâm Nhìn Masan sử dụng một số cổ phần thuộc sở hữu của mình trong Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu; và
 - (b) Các biện pháp bảo đảm khác (nếu có).

Việc định giá tài sản bảo đảm khi tiến hành ký kết các hợp đồng bảo đảm có liên quan sẽ được thực hiện bởi một tổ chức thẩm định giá độc lập thuộc danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện thẩm định giá của Bộ Tài Chính ban hành, và việc chỉ định tổ chức thẩm định giá độc lập đó sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
15. Nhà Đầu Tư: cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
16. Sử Dụng Trái Phiếu: Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do bán, chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác và được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm và tham gia các quan hệ dân sự/thương mại khác.
17. Quyền Mua Lại Trái Phiếu Của Tổ Chức Phát Hành:
 - (i) Khi Trái Phiếu đang không được niêm yết trên một sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại, trong một hoặc nhiều lần vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày tròn 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành đối với các Trái Phiếu được sở hữu bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận bán lại ("**Ngày Thanh Toán Trước Hạn**").
 - (ii) Sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên một sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên sở giao dịch chứng khoán đó tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành theo phương thức phù hợp với các

quy định của pháp luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và sở giao dịch chứng khoán có liên quan.

18. Hình Thức Phát Hành: Trái Phiếu được phát hành ra công chúng theo quy định của (i) Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc Hội (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc Hội và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc Hội), (ii) Nghị Định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015) và (iii) Thông Tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu.
19. Đăng Ký Và Niêm Yết: Một phần hoặc toàn bộ các Trái Phiếu sẽ được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán được công nhận tại Việt Nam theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành. Khối lượng Trái Phiếu, thời gian đăng ký, niêm yết và các điều kiện cụ thể khác sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
20. Phương Thức Phát Hành: Bảo lãnh phát hành theo hình thức cố gắng tối đa.
21. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành Và Tư Vấn Niêm Yết: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
22. Tổ Chức Tư Vấn Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
23. Đại Lý Lưu Ký Trái Phiếu ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
24. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
25. Luật Điều Chỉnh: Luật Việt Nam.
26. Các Điều Kiện Khác: sẽ được quy định cụ thể trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu khác được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu và do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
27. Các Cam Kết Khác: như được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch.
28. Sửa Đổi, Bổ Sung: Việc sửa đổi, bổ sung Phương Án Phát Hành này sẽ theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành.

IV. KẾ HOẠCH BỐ TRÍ NGUỒN VỐN CHO VIỆC THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và các Trái Phiếu đang dự kiến chào bán. Dòng tiền trả nợ cụ thể dự kiến do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính quyết định.

PHU LUC 2

CÁC TÀI LIỆU CỦA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Giấy đăng ký chào bán trái phiếu;
2. Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng, kèm theo các tài liệu sau:
 - a. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
 - b. Phụ lục II: Nghị Quyết HĐQT về việc phát hành và niêm yết trái phiếu
 - c. Phụ lục III: Điều lệ công ty
 - d. Phụ lục IV:
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2017
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2018
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ quý 1/2019
 - e. Phụ lục V: Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất (nếu có)
 - f. Phụ lục VI: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác
 - g. Phụ lục VII:
 - Bản sao hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu của Trái Phiếu Đợt 1
 - Bản sao hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu của Trái Phiếu Đợt 2
 - Bản sao hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu của Trái Phiếu Đợt 3
 - h. Phụ lục VIII: Bản sao hợp đồng bảo đảm và các tài liệu, văn bản liên quan đến tài sản bảo đảm;
3. Cam kết bảo lãnh phát hành (trên cơ sở cố gắng tối đa);
4. Thông tin về người có liên quan với thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành;
5. Văn bản xác nhận của Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán;
6. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng với công ty chứng khoán;
7. Giấy ủy quyền ký báo cáo tài chính kiểm toán của Công Ty TNHH KPMG;
8. Giấy ủy quyền ký báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn của Công Ty TNHH KPMG (nếu có);
9. Văn bản ủy quyền của người đại diện pháp luật của Tổ Chức Phát Hành cho người ký kết các văn bản có liên quan đến đợt phát hành; và
10. Các tài liệu giải trình, bổ sung khác (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 06 năm 2019
Thai Nguyen, June 5, 2019

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
MINUTES OF MEETING OF THE MEMBERS' COUNCIL**

Hôm nay, vào lúc 09h00 ngày 05 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("**Công Ty**") đã diễn ra cuộc họp Hội đồng Thành viên Công Ty.
*On June 5, 2019 at 9.00am, the Meeting of the Members' Council of Nui Phao Mining Company Ltd (the "**Company**") is convened at the head office of the Company.*

**I. THÀNH PHẦN THAM DỰ
PARTICIPANTS**

1. Công ty TNHH Một thành viên Tài nguyên Masan Thái Nguyên
Masan Thai Nguyen Resources Company Limited

Tỷ lệ vốn góp: 85% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận sở hữu phần vốn góp số 004 ngày 23/5/2013. Người đại diện theo ủy quyền:

Ratio of capital contribution: 85% of charter capital as recorded in the Capital Contribution Certificate No. 004 dated May 23, 2013, represented by:

- Ông Nguyễn Thiệu Nam – Chủ tịch Hội đồng Thành viên, đại diện cho số vốn góp 1.628.263.400.000 VNĐ chiếm 34,00% vốn điều lệ của Công Ty, Chủ tọa cuộc họp;
Mr. Nguyen Thieu Nam – Chairman of the Members' Council, representing for the capital contribution of VND 1,628,263,400,000 equivalent to 34.00% of charter capital of the Company Chairman of the meeting;
- Ông Danny Le – Thành viên Hội đồng Thành viên – đại diện cho số vốn góp 1.221.197.550.000 VNĐ chiếm 25,50% vốn điều lệ của Công Ty;
Mr. Danny Le – Member of the Members' Council – representing for the capital contribution of VND 1,221,197,550,000 equivalent to 25.50% of charter capital of the Company;
- Ông Craig Richard Bradshaw – Thành viên Hội đồng Thành viên – đại diện cho số vốn góp 1.221.197.550.000 VNĐ chiếm 25,50% vốn điều lệ của Công Ty;
Mr. Craig Richard Bradshaw – Member of the Members' Council – representing for the capital contribution of VND 1,221,197,550,000 equivalent to 25.50% of charter capital of the Company.

2. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên
Thai Nguyen Trading and Investment Company Limited

Tỷ lệ vốn góp: 15,00% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận sở hữu phần vốn góp số 005 ngày 23/5/2013. Người đại diện theo ủy quyền:

Ratio of capital contribution: 15.00% of charter capital as recorded in the Capital Contribution Certificate No. 005 dated May 23, 2013, represented by:

- Ông Nguyễn Văn Thắng – Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Mr. Nguyen Van Thang – Deputy Chairman of the Members' Council

3. Thành viên vắng mặt: không
Absence: None

4. Thư ký cuộc họp: Ông Phạm Nguyên Hải
Secretary of the Meeting: Mr. Pham Nguyen Hai

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP **MEETING CONTENTS**

Các thành viên Hội đồng Thành viên dự họp đã thảo luận và thống nhất các nội dung sau:
The following matters were discussed and agreed by attending members of the Members' Council:

Điều 1. Thông qua việc Công Ty phát hành trái phiếu (“**Trái Phiếu**”) theo phương án phát hành trái phiếu (“**Phương Án Phát Hành**”) được đính kèm tại Phụ Lục 1.

*Article 1. To approve the issuance by the Company of the bonds (the “**Bonds**”) in accordance with the bond issuance plan (the “**Issuance Plan**”) attached hereto as Annex 1.*

Kết quả biểu quyết:

Voting result:

Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 4 phiếu tương đương số vốn góp 4.789.010.000.000VNĐ

Total number of ballots with voting rights: 4 ballots equivalent to the capital contribution of VND 4,789,010,000,000

Tán thành : 4/4 Phiếu chiếm tỷ lệ 100%

Agree : 4/4/ ballots making up 100%

Không tán thành/Disagree : 0% Không có ý kiến/No opinion : 0%

Điều 2. Thông qua việc các nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu được bảo đảm bởi (i) các cổ phần do Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan phát hành thuộc sở hữu của Công ty TNHH Tầm Nhìn Masan (“**Cổ Phần Thế Chấp**”), và/hoặc (ii) các tài sản khác của Công Ty và/hoặc tài sản của (các) bên thứ ba khác theo quyết định của người được uỷ quyền quy định lại Điều 4 của Biên bản họp này.

*Article 2. To approve that the payment obligations of the Company in relation to the Bonds shall be secured by (i) the shares issued by Masan Resources Corporation and owned by Masan Horizon Company Limited (the “**Mortgaged Shares**”), and/or (ii) other assets of the Company and/or assets of other third party(ies) as may be decided by the authorized persons as provided in Article 4 hereof.*

Kết quả biểu quyết:

Voting result:

Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 4 phiếu tương đương số vốn góp 4.789.010.000.000VNĐ

Total number of ballots with voting rights: 4 ballots equivalent to the capital contribution of VND 4,789,010,000,000

Tán thành : 4/4 Phiếu chiếm tỷ lệ 100%

Agree : 4/4/ ballots making up 100%

Không tán thành/Disagree : 0% Không có ý kiến/No opinion : 0%

Điều 3. Thông qua các giao dịch được quy định trong, và việc Công Ty ký kết, chuyển giao và thực hiện, tất cả các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu mà Công Ty là một bên tham gia, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

Article 3. To approve the transactions contemplated in, and the execution, delivery and performance by the Company of, all agreements, contracts and other documents relating to the Bonds to which the Company is a party, including but not limited to:

- (a) mỗi hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết với mỗi bên đặt mua trái phiếu;
each bond subscription agreement to be signed with each bond subscriber;
- (b) hợp đồng tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng, bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết trái phiếu;
the public offering consultancy, bond underwriting and bond listing consultancy agreement;
- (c) hợp đồng đại lý lưu ký trái phiếu;
the bond depository agency agreement;
- (d) hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu;
the bondholders' agency agreement;
- (e) hợp đồng bảo đảm bằng Cổ Phần Thế Chấp và (các) hợp đồng bảo đảm khác (nếu có);
the security agreement regarding the Mortgaged Shares and other security agreement(s) (if any);
- (f) các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu; và
other agreements, contracts and documents relating to the Bonds; and
- (g) các bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc thay thế của các tài liệu được nêu từ đoạn (a) đến đoạn (f) của Điều này,
the amendments, supplementations, termination or replacements of the documents as stated in paragraphs (a) to (f) of this Article.

(các thỏa thuận, hợp đồng và tài liệu quy định tại Điều này được gọi chung là “**Các Tài Liệu Giao Dịch**”).

(the aforementioned agreements, contracts and documents are referred to collectively as the “Transaction Documents”).

Kết quả biểu quyết:

Voting result:

Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 4 phiếu tương đương số vốn góp 4.789.010.000.000VNĐ

Total number of ballots with voting rights: 4 ballots equivalent to the capital contribution of VND 4,789,010,000,000

Tán thành : 4/4 Phiếu chiếm tỷ lệ 100%

Agree : 4/4/ ballots making up 100%

Không tán thành/Disagree : 0% Không có ý kiến/No opinion : 0%

Điều 4. Thông qua việc ủy quyền cho Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Công Ty, được thay mặt và đại diện cho Công Ty:

Article 4. To approve the authorization in favor of the Chairman of the Members' Council, or the General Director or the Deputy General Director or the Chief Financial Officer of the Company, to act for and on behalf of the Company to:

- (a) quyết định các nội dung cụ thể, việc ký kết và chuẩn bị hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng với danh mục các tài liệu được liệt kê tại Phụ Lục 2 phù hợp với Phương Án Phát Hành được nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và/hoặc các cơ quan chức năng có liên quan để đăng ký chào bán Trái Phiếu theo Phương Án Phát Hành ("**Các Tài Liệu Của Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán**");
*decide specific contents of, execution of and preparation of the documents of the bond public offering dossier in accordance with the Issuance Plan as listed in Annex 2 hereof to be submitted to the State Securities Commission of Vietnam and/or related regulatory bodies to get approval for the public offering of the Bonds in accordance with the Issuance Plan ("**Documents of the Offering Dossier**")*;
- (b) tổ chức triển khai thực hiện Phương Án Phát Hành; và quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Phương Án Phát Hành và Các Tài Liệu Của Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật, điều kiện thị trường và lợi ích của Công Ty;
organize the implementation of the Issuance Plan; and decide the amendment of, supplementation to, or modification of, the Issuance Plan and Documents of the Offering Dossier (if any) upon the request of relevant authorities and in accordance with laws, market conditions and interests of the Company;
- (c) tổ chức triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
organize the implementation of registration procedures of the public offering of the Bonds;
- (d) quyết định loại, giá trị tài sản khác của Công Ty (nếu có) và/hoặc của (các) bên thứ ba khác làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu;
decide the type and value of other assets of the Company (if any) and/or those of third party(ies) which are used as collateral to secure the repayment obligations of the Company relating to the Bonds;
- (e) quyết định lựa chọn tổ chức định giá thực hiện định giá tài sản bảo đảm để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu;
decide the appointment of the valuer to implement the valuation of the assets being secured for the repayment obligation of the Company relating the Bonds;
- (f) quyết định nội dung các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch phù hợp với Phương Án Phát Hành;
decide the specific terms and conditions of the Bonds and the Transaction Documents in accordance with the Issuance Plan;
- (g) quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, kể cả mức phân bổ số tiền thu được từ việc chào bán các Trái Phiếu cho các mục

đích phù hợp với phương án sử dụng vốn được nêu tại Phương Án Phát Hành đã được phê duyệt, cách thức thực hiện và việc bố trí nguồn trả nợ Trái Phiếu;
decide the matters relating to the use of the proceeds from the issuance of the Bonds, including the allocation of the proceeds from offering the Bonds in accordance with the plan for use of proceeds provided in the approved Issuance Plan, the payment method and resources for repayment of the Bonds;

- (h) quyết định danh sách các nhà đầu tư Trái Phiếu;
decide the list of investors of the Bonds;
- (i) quyết định việc đăng ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và niêm yết Trái Phiếu trên sở giao dịch chứng khoán được công nhận tại Việt Nam sau khi Trái Phiếu được phát hành phù hợp với Điều 1 của Biên bản họp này;
decide the depository of the Bonds at the Vietnam Securities Depository and listing of the Bonds at a stock exchange recognized in Vietnam after the issuance of the Bonds in accordance with Article 1 hereof;
- (j) quyết định và tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để đăng ký và niêm yết Trái Phiếu theo quy định tại Điều này, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau: (A) quyết định khối lượng Trái Phiếu sẽ được đăng ký, niêm yết, thời điểm đăng ký niêm yết, và các điều kiện cụ thể khác; (B) quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu sẽ nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật; và (C) làm việc và giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký và niêm yết và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu;
decide and organize the tasks necessary to effect the depository and listing of the Bonds in accordance with the provisions of this Article, including but not limited to the following tasks: (A) decide the volume of the Bonds to be deposited and listed, and the time of depositing and listing, and other terms; (B) decide and sign the dossiers and documents to be submitted to the relevant authorities for depositing and listing of the Bonds in accordance with the laws; and (C) work with and explain to the relevant authorities and related regulatory bodies regarding the depository and listing dossiers and other matters relating to the depository and listing of the Bonds;
- (k) quyết định việc mua lại Trái Phiếu trước hạn theo phương án mua lại Trái Phiếu được quy định trong Các Tài Liệu Giao Dịch; và
decide the early redemption of the Bonds in accordance with the plan of redemption as provided under the Transaction Documents; and
- (l) quyết định và thực hiện tất cả các hành động cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công Ty, Các Tài Liệu Giao Dịch và Nghị quyết này để hoàn tất việc đăng ký chào bán Trái Phiếu, phát hành Trái Phiếu ra công chúng, việc phân phối Trái Phiếu, việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu, và việc công bố thông tin và báo cáo liên quan đến Trái Phiếu.
decide and implement all other necessary tasks in accordance with the laws, the Charter of the Company, the Transaction Documents, and this Resolution to complete the registration of the Bond offering, the public offering of the Bonds, the allotment of the Bonds, the depository and listing of the Bonds, and the public disclosures and reports relating to the Bonds.

Kết quả biểu quyết:
Voting result:

Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 4 phiếu tương đương số vốn góp 4.789.010.000.000VNĐ

Total number of ballots with voting rights: 4 ballots equivalent to the capital contribution of VND 4,789,010,000,000

Tán thành : 4/4 Phiếu chiếm tỷ lệ 100%

Agree : 4/4/ ballots making up 100%

Không tán thành/Disagree : 0% Không có ý kiến/No opinion : 0%

III. KẾT LUẬN CONCLUSION

Hội đồng Thành viên của Công Ty đã thông qua tất cả các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp.

All matters discussed at the Meeting have been passed by the Members' Council of the Company.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

The Meeting is concluded at 11.00am on the same day.

Thư ký cuộc họp đã công bố toàn văn nội dung Biên bản họp. Tất cả các thành viên dự họp nhất trí với nội dung Biên bản họp và cùng ký tên dưới đây.

The secretary of the Meeting has announced the contents of the Meeting Minutes. All attending members have consented to the contents of the Meeting Minutes and signed below.

(Phần còn lại của trang này được chủ định để trống, trang ký ở tiếp sau)

(Remainder of page intentionally left blank, signing page to follow)

Trang ký
Signing page

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN
MASAN THÁI NGUYÊN
FOR AND ON BEHALF OF MASAN THAI NGUYEN RESOURCES COMPANY
LIMITED



Chữ ký/By: _____

Họ tên: Nguyễn Thiệu Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tọa cuộc họp

Name: Nguyen Thieu Nam

Title: Chairman of the Members' Council, Chairman of the Meeting

Chữ ký/By: _____

Họ tên: Danny Le

Chức danh: Thành viên Hội đồng thành viên

Name: Danny Le

Title: Member of the Members' Council

Chữ ký/By: _____

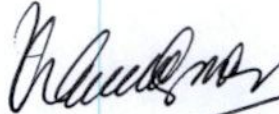
Họ tên: Craig Richard Bradshaw

Chức danh: Thành viên Hội đồng thành viên

Name: Craig Richard Bradshaw

Title: Member of the Members' Council

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG
MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN
*FOR AND ON BEHALF OF THAI NGUYEN TRADING AND INVESTMENT
COMPANY LIMITED*



Họ tên: Nguyễn Văn Thắng
Chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên
Name: Nguyen Van Thang
Title: Deputy Chairman of the Members' Council

THƯ KÝ CUỘC HỌP / *SECRETARY OF THE MEETING*



Họ tên: Phạm Nguyên Hải
Name: Pham Nguyen Hai

PHU LUC 1

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

I. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông Tin Chung:

- Tên Tiếng Việt : Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
- Tên Tiếng Anh : Nuiphao Mining Company Ltd.,
- Trụ Sở Giao Dịch : Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Thành Lập : Theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 ngày 05 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư tỉnh Thái Nguyên cấp, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm
- Người Đại Diện Theo Pháp Luật : Ông Nguyễn Thiệu Nam
- Chức Vụ : Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên
- Vốn Điều Lệ : 4.789.010.000.000 VND
- Ngành Nghề Kinh Doanh :
 - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, đồng, bismut và vàng);
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và tài nguyên nước (thăm dò khoáng sản);
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);
 - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
 - Hoạt động tư vấn quản lý;
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
 - Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác); và
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định

của pháp luật).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành:

2.1 **Các chỉ tiêu tài chính tiêu biểu trong 03 (ba) năm liên tiếp trước các Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng (như định nghĩa bên dưới):**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: (triệu Đồng)		
	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Doanh thu thuần	4.048.817	5.404.645	6.865.011
Lợi nhuận trước thuế	196.719	477.322	1.013.652
Lợi nhuận sau thuế	182.410	455.837	965.230
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông	176.906	360.626	818.985
Tổng tài sản	22.196.078	22.993.176	23.998.353
Tiền và các khoản tương đương tiền	600.602	776.324	458.214
Tài sản ngắn hạn	2.482.947	3.437.254	4.305.594
Tài sản dài hạn	19.709.131	19.555.922	19.692.759
Vốn điều lệ	4.789.010	4.789.010	4.789.010
Vốn chủ sở hữu	4.788.368	5.244.206	5.513.783
Vay ngắn hạn	2.227.003	2.406.158	2.467.361
Vay dài hạn	10.813.672	10.858.710	9.900.501
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu ¹	272,35%	252,94%	224,34%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ²	4,03%	7,75%	15,83%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2016, 2017 và 2018 của Tổ Chức Phát Hành)

2.2 **Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 (ba) năm liên tiếp trước các Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng:**

Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong năm 2016, 2017 và 2018.

2.3 **Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổ Chức Phát Hành:**

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 (bao gồm kết quả riêng lẻ và hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành): báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2018, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN CHI TIẾT

¹ Giá trị nợ được sử dụng để tính toán hệ số nợ/vốn chủ sở hữu bao gồm nợ vay ngắn hạn, nợ vay dài hạn và trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành vào thời điểm kết thúc năm tài chính có liên quan.

² Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu được tính trên cơ sở đã loại bỏ lợi ích của cổ đông thiểu số và bình quân vốn chủ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành.

1. Mục Đích Phát Hành: Trái Phiếu được chào bán ra công chúng nhằm huy động vốn để sử dụng vào mục đích cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành nhằm lành mạnh hóa các chỉ tiêu tài chính của Tổ Chức Phát Hành trong thời gian tới.
2. Phương Án Sử Dụng Vốn chi tiết: Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với các mục đích phát hành nêu trên. Cụ thể:

STT	Nội dung	Tổng mệnh giá các Trái Phiếu NPM082020 được mua lại trước hạn (VND)
1.	Mua lại trước hạn các trái phiếu được phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành ngày 13/08/2015 và đáo hạn ngày 13/08/2020 (" Trái Phiếu NPM082020 ") trong nhiều đợt tương ứng với các Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng	3.000.000.000.000

Việc mua lại trước hạn Trái Phiếu NPM082020 được quy định cụ thể tại Điều Khoản 7.3 của các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu NPM082020, theo đó, Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu NPM082020 trước hạn. Sau khi hoàn tất mỗi Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng, Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng vốn huy động được từ Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng đó để thực hiện mua lại trước hạn các Trái Phiếu NPM082020 theo từng đợt mua lại tương ứng.

III. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN TRÁI PHIẾU

1. Loại Trái Phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
2. Khối Lượng Phát Hành: Tổng khối lượng phát hành tối đa là 3.000.000.000.000 VND (ba nghìn tỷ Đồng), dự kiến được chào bán ra công chúng trong 3 (ba) đợt (mỗi đợt chào bán ra công chúng như vậy là một "**Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng**"). Khối lượng cụ thể của từng Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng dự kiến như sau:
 - Trái phiếu đợt 1: Tối đa 1.000.000.000.000 VND (sau đây gọi là "**Trái Phiếu Đợt 1**");
 - Trái phiếu đợt 2: Tối đa 1.000.000.000.000 VND (sau đây gọi là "**Trái Phiếu Đợt 2**"); và
 - Trái phiếu đợt 3: Tối đa 1.000.000.000.000 VND (sau đây gọi là "**Trái Phiếu Đợt 3**").

Khối lượng phát hành cụ thể của từng Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định.

3. Tính Chất: Trái Phiếu tạo thành các nghĩa vụ nợ trực tiếp và không phải nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. Nếu khi xử lý tài sản bảo đảm nhưng nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu còn tồn đọng do số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thì phần nghĩa vụ còn tồn đọng đó sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ khác, không phải là nợ thứ cấp và không được bảo đảm ở thời điểm hiện tại hoặc tương lai của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

4. Loại Tiền Tê Phát Hành và Thanh Toán: Đồng Việt Nam (VND).
5. Lãi Suất của Trái Phiếu: các Trái Phiếu của mỗi Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng có lãi suất như sau:
 - (a) Đối với giai đoạn 12 (mười hai) tháng đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành (“**Năm Tính Lãi Thứ Nhất**”): lãi suất cố định 10%/năm (mười phần trăm một năm); và
 - (b) Đối với mỗi giai đoạn 6 (sáu) tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc Năm Tính Lãi Thứ Nhất cho đến Ngày Đáo Hạn: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,1%/năm (ba phẩy một phần trăm một năm) và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.
6. Mệnh Giá Trái Phiếu: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu.
7. Giá Phát Hành: 100% mệnh giá.
8. Số Lượng Trái Phiếu Phát Hành: tối đa 30.000.000 (ba mươi triệu) Trái Phiếu. Số lượng Trái Phiếu phát hành cụ thể của từng Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định phù hợp với Khối Lượng Phát Hành và Mệnh Giá Trái Phiếu.
9. Ngày Phát Hành dự kiến: từ Quý III năm 2019 đến Quý I năm 2020, dự kiến như sau:

Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng	Thời gian dự kiến phát hành
Trái Phiếu Đợt 1	Quý III năm 2019
Trái Phiếu Đợt 2	Quý IV năm 2019 hoặc Quý I năm 2020
Trái Phiếu Đợt 3	Quý IV năm 2019 hoặc Quý I năm 2020

Ngày Phát Hành cụ thể của từng Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định, với điều kiện là khoảng cách giữa Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng sau với Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng trước không quá mười hai (12) tháng phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

10. Kỳ Hạn Trái Phiếu: mỗi Trái Phiếu có kỳ hạn tối đa là ba mươi sáu (36) tháng kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu đó.
11. Ngày Đáo Hạn: ngày kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu.
12. Phương Thức Thanh Toán Gốc Và Lãi:

- (a) Khoản nợ gốc của các Trái Phiếu sẽ được thanh toán một lần vào (i) Ngày Đáo Hạn, hoặc (ii) Ngày Thanh Toán Trước Hạn, hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn hoặc do nguyên nhân khác; và
 - (b) Lãi của các Trái Phiếu sẽ được thanh toán (i) mỗi 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, hoặc (ii) vào ngày thanh toán khoản nợ gốc như quy định tại đoạn (a) nêu trên.
13. Hình Thức Trái Phiếu: bút toán ghi sổ, có cấp giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam, sở giao dịch chứng khoán có liên quan và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu.
14. Biện Pháp Bảo Đảm: Nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành được bảo đảm bởi các biện pháp bảo đảm sau:
- (a) Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan sử dụng một số cổ phần thuộc sở hữu của mình trong Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu; và
 - (b) Các biện pháp bảo đảm khác (nếu có).

Việc định giá tài sản bảo đảm khi tiến hành ký kết các hợp đồng bảo đảm có liên quan sẽ được thực hiện bởi một tổ chức thẩm định giá độc lập thuộc danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện thẩm định giá của Bộ Tài Chính ban hành, và việc chỉ định tổ chức thẩm định giá độc lập đó sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định.

15. Nhà Đầu Tư: cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
16. Sử Dụng Trái Phiếu: Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do bán, chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác và được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm và tham gia các quan hệ dân sự/thương mại khác.
17. Quyền Mua Lại Trái Phiếu Của Tổ Chức Phát Hành:
- (i) Khi Trái Phiếu đang không được niêm yết trên một sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại, trong một hoặc nhiều lần vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày tròn 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành đối với các Trái Phiếu được sở hữu bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận bán lại ("**Ngày Thanh Toán Trước Hạn**").
 - (ii) Sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên một sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên sở giao dịch chứng khoán đó tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành theo phương thức phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và sở giao dịch chứng khoán có liên quan.
18. Hình Thức Phát Hành: Trái Phiếu được phát hành ra công chúng theo quy định của (i) Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc Hội (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc Hội và

Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc Hội), (ii) Nghị Định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015) và (iii) Thông Tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu.

19. Đăng Ký Và Niêm Yết: Một phần hoặc toàn bộ các Trái Phiếu sẽ được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán được công nhận tại Việt Nam theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành. Khối lượng Trái Phiếu, thời gian đăng ký, niêm yết và các điều kiện cụ thể khác sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
20. Phương Thức Phát Hành: Bảo lãnh phát hành theo hình thức cố gắng tối đa.
21. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành Và Tư Vấn Niêm Yết: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
22. Tổ Chức Tư Vấn Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
23. Đại Lý Lưu Ký Trái Phiếu ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
24. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
25. Luật Điều Chỉnh: Luật Việt Nam.
26. Các Điều Kiện Khác: sẽ được quy định cụ thể trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu khác được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu và do Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
27. Các Cam Kết Khác: như được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch.
28. Sửa Đổi, Bổ Sung: Việc sửa đổi, bổ sung Phương Án Phát Hành này sẽ theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành.

IV. KẾ HOẠCH BỔ TRÍ NGUỒN VỐN CHO VIỆC THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và các Trái Phiếu đang dự kiến chào bán. Dòng tiền trả nợ cụ thể dự kiến do Chủ Tịch Hội

Đồng Thành Viên hoặc Tổng Giám Đốc hoặc Phó Tổng Giám Đốc hoặc Giám Đốc Tài Chính quyết định.

PHU LUC 2

CÁC TÀI LIỆU CỦA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Giấy đăng ký chào bán trái phiếu;
2. Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng, kèm theo các tài liệu sau:
 - a. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
 - b. Phụ lục II: Nghị Quyết HĐQT về việc phát hành và niêm yết trái phiếu
 - c. Phụ lục III: Điều lệ công ty
 - d. Phụ lục IV:
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2017
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2018
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ quý 1/2019
 - e. Phụ lục V: Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất (nếu có)
 - f. Phụ lục VI: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác
 - g. Phụ lục VII:
 - Bản sao hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu của Trái Phiếu Đợt 1
 - Bản sao hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu của Trái Phiếu Đợt 2
 - Bản sao hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu của Trái Phiếu Đợt 3
 - h. Phụ lục VIII: Bản sao hợp đồng bảo đảm và các tài liệu, văn bản liên quan đến tài sản bảo đảm;
3. Cam kết bảo lãnh phát hành (trên cơ sở cố gắng tối đa);
4. Thông tin về người có liên quan với thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành;
5. Văn bản xác nhận của Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán;
6. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng với công ty chứng khoán;
7. Giấy ủy quyền ký báo cáo tài chính kiểm toán của Công Ty TNHH KPMG;
8. Giấy ủy quyền ký báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn của Công Ty TNHH KPMG (nếu có);
9. Văn bản ủy quyền của người đại diện pháp luật của Tổ Chức Phát Hành cho người ký kết các văn bản có liên quan đến đợt phát hành; và
10. Các tài liệu giải trình, bổ sung khác (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4600864513

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 07 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 05 tháng 07 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NUI PHAO MINING COMPANY LTD

Tên công ty viết tắt: NUIPHAO MINING

2. Địa chỉ trụ sở chính

Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 02803 824 063

Fax: 02803 824 063

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

8.048.709.226.169 đồng.

Bằng chữ: Tám nghìn không trăm bốn mươi tám tỷ bảy trăm lẻ chín triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi chín đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN MASAN THÁI NGUYÊN	Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	6.423.857.726.169	79,812	0309960069	

2	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYỄN	Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.624.851.500.0 00	20,188	0310352925	
---	--	--	-----------------------	--------	------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THIỆU NAM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: *11/12/1970*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *025222887*

Ngày cấp: *23/06/2015*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hồ Chí Minh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *25/13 Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *25/13 Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*



KT. TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Phạm Thị Mai Hương



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lương Thị Nga



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Tháng 10 năm 2019

ĐIỀU LỆ CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành (sau đây gọi là “**Luật Doanh nghiệp**”),

Chúng tôi, gồm những thành viên có tên như sau:

1.1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN MASAN THÁI NGUYÊN

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0309960069, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/05/2010, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bích Hà Nguyên

Chức vụ: Chủ tịch công ty

1.2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0310352925, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/10/2010, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bích Hà Nguyên

Chức vụ: Chủ tịch công ty

Cùng đồng ý phê duyệt bản Điều lệ dưới đây nhằm điều chỉnh việc tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (sau đây gọi là “**Công ty**”).

Bản Điều lệ này thay thế bản Điều lệ hợp nhất của Công ty ngày 28/11/2018, được sửa đổi, bổ sung theo Phụ lục sửa đổi lần 1 ngày 18/06/2019.

Chương I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Mỗi thành viên trong Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi vốn góp tương ứng của mình đã góp vào Công ty.

Điều 2. Tên Công ty

1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO.**
2. Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **NUI PHAO MINING COMPANY LTD.**
3. Tên Công ty viết tắt: **NUIPHAO MINING.**

Điều 3. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
2. Công ty có thể thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc nước ngoài theo quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Khai thác, chế biến vàng, đồng, vonfram, fluorit, và bismut)	0730 (Chính)
2.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
3.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước (thăm dò khoáng sản))	7110
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
5.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
6.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng)	4662
7.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
8.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
10.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

11.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12.	Bốc xếp hàng hóa	5224
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
14.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác)	8219
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299

2. Ngoài các ngành nghề kinh doanh nêu trên, Công ty có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng thành viên xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

Điều 5. Thời hạn hoạt động của Công ty

1. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.
2. Công ty có thể chấm dứt hoạt động theo quyết định của Hội đồng thành viên hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Công ty có một người đại diện theo pháp luật.
3. Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 8.048.709.226.169 đồng (*Bằng chữ: Tám nghìn không trăm bốn mươi tám tỷ bảy trăm linh chín triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi chín Đồng Việt Nam*).
2. Vốn điều lệ của Công ty bao gồm các phần vốn góp của các thành viên Công ty cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Giá trị phần vốn góp	Tỷ lệ phần vốn góp (%)
-----	----------------	----------------------	------------------------

		(VNĐ)	
1.	Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên Masan Thái Nguyên	6.423.857.726.169	79,812
2.	Công ty TNHH một thành viên Thương mại và đầu tư Thái Nguyên	1.624.851.500.000	20,188
Tổng cộng		8.048.709.226.169	100

3. Vốn điều lệ của Công ty có thể được tăng hoặc giảm theo quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 8. Thực hiện góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp

1. Thành viên phải góp vốn đầy đủ và đúng hạn vào Công ty bằng loại tài sản góp vốn như đã cam kết. Thành viên Công ty chỉ được góp vốn cho Công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản và thời hạn góp vốn đã cam kết nếu được sự tán thành của đa số các thành viên còn lại.
2. Thành viên Công ty phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho Công ty theo quy định sau đây:
 - a) Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho Công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - b) Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản.
 - c) Phần vốn góp bằng tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang Công ty.
3. Trường hợp có thành viên chưa góp hoặc chưa góp đủ hoặc đúng hạn số vốn đã cam kết, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ và tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp vốn đủ phần vốn góp mà thành viên đó đã cam kết. Thành viên chưa góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào của Công ty phát sinh trong thời gian trước ngày Công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên.
4. Trường hợp có thành viên không góp đủ hoặc đúng hạn số vốn sau thời hạn đã cam kết thì số vốn chưa góp của thành viên đó sẽ được chào bán theo quyết định của Hội đồng thành viên.
5. Tại thời điểm góp đủ phần vốn góp, Công ty phải cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho thành viên.
6. Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, thành viên được Công ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp.

Điều 9. Sổ đăng ký thành viên

1. Công ty phải lập sổ đăng ký thành viên ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký thành viên có các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật Doanh nghiệp.
2. Sổ đăng ký thành viên được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 10. Mua lại phần vốn góp

1. Thành viên có quyền yêu cầu Công ty mua lại phần vốn góp của mình, nếu thành viên đó đã bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết của Hội đồng thành viên về một trong các vấn đề sau đây:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ này liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên hoặc Hội đồng thành viên; hoặc
 - b) Tổ chức lại Công ty theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này.
2. Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Hội đồng thành viên thông qua nghị quyết về một trong các vấn đề nêu trên.
3. Khi có yêu cầu mua lại phần vốn góp của thành viên quy định tại khoản 1 Điều này, nếu không thỏa thuận được về giá, thì Công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu theo giá thị trường hoặc, theo mức giá do công ty định giá độc lập được Công ty và thành viên đó thống nhất chỉ định đưa ra. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
4. Trường hợp Công ty không mua lại phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì thành viên đó có quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc cho người khác không phải là thành viên Công ty.

Điều 11. Chuyển nhượng phần vốn góp

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 10, khoản 5 và khoản 6 Điều 12 của Điều lệ này, thành viên Công ty có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:
 - a) Thành viên phải chào bán một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp tương ứng của họ trong Công ty với cùng điều kiện; và
 - b) Thành viên chỉ được chuyển nhượng, với cùng điều kiện chào bán đối với các thành viên còn lại theo quy định tại điểm a khoản này, cho người không phải là thành viên Công ty nếu các thành viên còn lại của Công ty không mua hoặc không mua hết toàn bộ phần vốn góp của mình trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày chào bán.

2. Thành viên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với Công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua quy định tại các Điểm b, c và d Khoản 1 Điều 49 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên của Công ty.
3. Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên trong Công ty, Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

Điều 12. Xử lý phần vốn góp trong các trường hợp khác

1. Trong trường hợp thành viên là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên của Công ty. Trường hợp thành viên là cá nhân bị Tòa án tuyên bố mất tích thì người quản lý tài sản của thành viên đó theo quy định của pháp luật về dân sự là thành viên của Công ty.
2. Trong trường hợp có thành viên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của thành viên đó trong Công ty được thực hiện thông qua người giám hộ của thành viên đó.
3. Phần vốn góp của thành viên được Công ty mua lại hoặc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người thừa kế không muốn trở thành thành viên Công ty;
 - b) Người được tặng cho theo quy định tại khoản 5 Điều này không được Hội đồng thành viên chấp thuận làm thành viên Công ty; hoặc
 - c) Thành viên là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản.
4. Trường hợp thành viên là cá nhân chết mà không có người thừa kế, hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Thành viên có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại Công ty cho người khác. Trường hợp người được tặng cho là vợ, chồng, cha, mẹ, con hoặc người khác có quan hệ họ hàng đến hàng thừa kế thứ ba của thành viên tặng cho, thì người được tặng cho đương nhiên là thành viên của Công ty. Trường hợp người được tặng cho là người khác thì họ chỉ trở thành thành viên của Công ty khi được Hội đồng thành viên chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên tặng cho sẽ không có quyền biểu quyết.
6. Trường hợp thành viên Công ty sử dụng phần vốn góp để trả nợ thì người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó theo một trong hai hình thức sau đây:
 - a) Trở thành thành viên Công ty nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên đó sẽ không có quyền biểu quyết;

- b) Chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

Điều 13. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Theo quyết định của Hội đồng thành viên, Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:
 - a) Tăng vốn góp của thành viên; và/hoặc
 - b) Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.
2. Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm được phân chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ Công ty. Thành viên có thể chuyển nhượng quyền góp vốn của mình cho người khác theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này. Thành viên phản đối quyết định tăng thêm vốn điều lệ Công ty có thể không góp thêm vốn. Trong trường hợp này, số vốn góp thêm của thành viên đó sẽ được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ Công ty nếu các thành viên không có thoả thuận khác.
3. Công ty có thể giảm vốn điều lệ bằng một trong các hình thức sau đây:
 - a) Hoàn trả một phần phần vốn góp cho các thành viên Công ty theo tỷ lệ vốn góp tương ứng của họ trong vốn điều lệ của Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn hai năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty sau khi đã hoàn trả cho thành viên; hoặc
 - b) Mua lại phần vốn góp của thành viên theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.

Chương III QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN CÔNG TY

Điều 14. Quyền của thành viên

Thành viên Công ty có các quyền sau:

1. Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.
2. Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp của mình.
3. Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp của mình sau khi Công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Được chia giá trị tài sản còn lại của Công ty tương ứng với phần vốn góp của mình khi Công ty giải thể hoặc phá sản.
5. Được ưu tiên góp thêm vốn vào Công ty khi Công ty tăng vốn điều lệ.

6. Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho và cách khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
7. Tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và cán bộ quản lý khác theo quy định tại Điều 72 của Luật Doanh nghiệp.
8. Trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này, thành viên, nhóm thành viên sở hữu từ 10% số vốn điều lệ Công ty trở lên còn có thêm các quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền;
 - b) Kiểm tra, xem xét, tra cứu sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Kiểm tra, xem xét, tra cứu và sao chụp sổ đăng ký thành viên, biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng thành viên và các hồ sơ khác của Công ty;
 - d) Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng thành viên trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
9. Trường hợp Công ty có bất kỳ thành viên nào sở hữu trên 90% vốn điều lệ, thì nhóm thành viên còn lại đương nhiên có quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này.
10. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Nghĩa vụ của thành viên

Thành viên Công ty có các nghĩa vụ sau:

1. Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 48 của Luật Doanh nghiệp.
2. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các Điều 52, 53, 54 và 68 của Luật Doanh nghiệp.
3. Tuân thủ Điều lệ này của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để thực hiện các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác;

- c) Thanh toán khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh thành viên đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Trường hợp thành viên Công ty là tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp cho mỗi người đại diện. Trường hợp thành viên Công ty không xác định phần vốn góp tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, thì phần vốn góp sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
3. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của thành viên;
 - b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ phần vốn góp tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;
 - d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của thành viên và của từng người đại diện theo ủy quyền.
4. Người đại diện theo ủy quyền phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; và
 - b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:

- Hội đồng thành viên;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên; và
- Tổng giám đốc.

Điều 18. Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên gồm tất cả các thành viên Công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Nếu thành viên là tổ chức thì thành viên đó phải chỉ định (các) người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên họp định kỳ ít nhất mỗi năm một lần.
2. Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn;
 - c) Quyết định dự án đầu tư phát triển của Công ty;
 - d) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ, thông qua các hợp đồng vay, cho vay, phát hành trái phiếu, mua, bán tài sản hoặc giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 2% (hai phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất gần nhất của Công ty trên mỗi giao dịch hoặc các chuỗi giao dịch có liên quan;
 - e) Thông qua việc Công ty cấp bảo lãnh; thông qua việc Công ty dùng tài sản để cầm cố, thế chấp, hoặc làm biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty hoặc nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khác;
 - f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc Công ty;
 - g) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc Công ty;
 - h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công ty;
 - i) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - j) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
 - k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - l) Quyết định tổ chức lại Công ty;
 - m) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; và
 - n) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên bầu một thành viên trong số các thành viên của Hội đồng thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc đề lấy ý kiến Hội đồng thành viên bằng văn bản;
 - c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến Hội đồng thành viên bằng văn bản;
 - d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
 - e) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
 - f) Thay mặt Công ty ký kết hợp đồng lao động hoặc các văn bản khác về tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức đối với các chức danh quản lý Công ty do Hội đồng thành viên bổ nhiệm;
 - g) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, phát hành trái phiếu, mua, bán tài sản hoặc giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 2% (hai phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất gần nhất của Công ty;
 - h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên là năm (5) năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Trường hợp vắng mặt hoặc không đủ năng lực để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì Chủ tịch Hội đồng thành viên uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên được uỷ quyền thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 20. Triệu tập họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên có thể được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 14 của Điều lệ này. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty, hoặc tại một địa điểm khác do Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định.

Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; họ, tên, chữ ký của thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền;
- b) Tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;
- c) Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp; và
- d) Lý do kiến nghị.

Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành.

2. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên Công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua phương hướng phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác là chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 14 của Điều lệ này trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên.

4. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên yêu cầu;
- b) Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết;
- c) Dự kiến chương trình họp; và

- d) Họ, tên, chữ ký của từng thành viên yêu cầu hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ.
5. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan biết trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định nêu trên thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và thành viên có liên quan của Công ty. Trường hợp này, thành viên hoặc nhóm thành viên đã yêu cầu có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 21. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền cho người khác dự họp sở hữu phần vốn góp tương đương ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) vốn điều lệ Công ty, với điều kiện là tất cả các thành viên sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên dự họp trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền cho người khác dự họp.
2. Nếu trong vòng một (1) giờ kể từ thời điểm dự kiến họp, mà không có đủ số lượng thành viên tối thiểu, thì cuộc họp sẽ được dời sang ngày làm việc tiếp theo, vào cùng thời gian và tại cùng địa điểm, và nếu tại cuộc họp này mà vẫn không có đủ số lượng thành viên tối thiểu, thì cuộc họp sẽ được dời đến ngày sau năm (5) ngày làm việc kể từ ngày dự kiến họp đầu tiên (hoặc, nếu ngày đó không phải là ngày làm việc, là ngày làm việc gần nhất sau ngày đó), vào cùng thời gian và tại cùng địa điểm.
3. Trường hợp cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được thực hiện như sau:
 - a) Cuộc họp Hội đồng thành viên triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu phần vốn góp tương đương ít nhất năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ Công ty;
 - b) Cuộc họp của Hội đồng thành viên được triệu tập lần thứ ba có thể được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.
4. Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên phải tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên.
5. Trường hợp cuộc họp đủ điều kiện quy định tại Điều này không hoàn thành chương trình họp trong thời hạn dự kiến, thì có thể kéo dài phiên họp; thời hạn kéo dài không được quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày khai mạc cuộc họp đó.

Điều 22. Nghị quyết của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này về quyền và nghĩa vụ của các thành viên Công ty;
 - b) Quyết định phương hướng phát triển của Công ty;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Tổng giám đốc;
 - d) Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán hàng năm của Công ty; và
 - e) Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
3. Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
 - a) Được số phiếu đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; hoặc
 - b) Được số phiếu đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành đối với các vấn đề sau: (i) quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất gần nhất của Công ty; (ii) sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này về quyền và nghĩa vụ của các thành viên Công ty; hoặc (iii) tổ chức lại, giải thể Công ty.
4. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
5. Nghị quyết của Hội đồng thành viên có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên sở hữu phần vốn góp tương đương ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) vốn điều lệ Công ty tán thành.

Điều 23. Biên bản họp Hội đồng thành viên

1. Các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
2. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;
 - b) Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo ủy quyền dự họp; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện ủy quyền của thành viên không dự họp;
 - c) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận;
 - d) Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ; tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - e) Các quyết định được thông qua; và
 - f) Họ, tên, chữ ký của người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp.
3. Người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới và riêng rẽ về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

Điều 24. Thủ tục thông qua nghị quyết của Hội đồng thành viên dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên bằng văn bản để thông qua nghị quyết được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản để thông qua quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo nghị quyết và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội đồng thành viên.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
 - b) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, tỷ lệ phần vốn của thành viên Hội đồng thành viên;

- c) Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- d) Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty; và
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của thành viên Công ty và được gửi về Công ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ.

4. Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, quyết định được thông qua đến các thành viên trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về Công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội đồng thành viên và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Mục đích, nội dung lấy ý kiến;
 - b) Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo ủy quyền đã gửi phiếu lấy ý kiến hợp lệ; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện ủy quyền của thành viên mà không nhận được phiếu lấy ý kiến hoặc gửi phiếu lấy ý kiến không hợp lệ;
 - c) Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết; tóm tắt ý kiến của thành viên về từng vấn đề lấy ý kiến (nếu có);
 - d) Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - e) Các quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng; và
 - f) Họ, tên, chữ ký của người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo kết quả kiểm phiếu.

Điều 25. Hiệu lực nghị quyết của Hội đồng thành viên

1. Nghị quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi tại nghị quyết đó.
2. Trường hợp thành viên, nhóm thành viên yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết đã được thông qua thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định của tòa án hoặc trọng tài có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;
 - b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên theo điểm f, khoản 2, Điều 18 của Điều lệ này;
 - f) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh quy định tại điểm (e) khoản 2 Điều này;
 - g) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;
 - h) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;
 - i) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;
 - j) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - k) Tuyển dụng lao động; và
 - l) Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong hợp đồng lao động mà Tổng giám đốc ký với Công ty.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

- 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
- 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và thưởng của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và (những) người quản lý khác

- 1. Công ty trả thù lao, tiền lương và thưởng cho Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và (những) người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thù lao và tiền lương của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và (những) người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 29. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và (những) người quản lý khác

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và (những) người quản lý khác của Công ty có các trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
 - b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối; và
 - d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Văn bản thông báo người có liên quan theo điểm c khoản 1 Điều này bao gồm nội dung sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; và
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
4. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc thay đổi lợi ích liên quan. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty và các giao dịch của họ với Công ty. Danh sách này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Thành viên, người quản lý của Công ty và người đại diện theo ủy quyền của họ có quyền xem, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này trong giờ làm việc.

Điều 30. Hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng thành viên chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:
 - a) Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - b) Người có liên quan của những người quy định tại điểm a khoản này;

- c) Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ; và
 - d) Người có liên quan của những người quy định tại điểm c khoản này.
2. Người ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng thành viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hay không chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo; trong trường hợp này, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận nếu có sự tán thành của số thành viên đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số vốn có quyền biểu quyết. Thành viên có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết.
3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch được ký kết không đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

Điều 31. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

- 1. Tranh chấp giữa các thành viên Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải.
- 2. Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết cuối cùng bằng trọng tài theo thỏa thuận của các thành viên hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam. Phán quyết của trọng tài có giá trị chung thẩm và ràng buộc các bên.

Chương V KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, CON DẤU

Điều 32. Năm tài chính

- 1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 cùng năm dương lịch.
- 2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31/12 của năm đó.

Điều 33. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính

- 1. Sổ sách kế toán của Công ty được lập và lưu giữ đầy đủ theo các quy định pháp luật có liên quan.
- 2. Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm có kiểm toán của Công ty sẽ được Hội đồng thành viên thông qua theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 34. Điều kiện để chia lợi nhuận

Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các thành viên khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Điều 35. Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả hoặc lợi nhuận đã chia

Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn điều lệ trái với quy định tại khoản 3 Điều 68 của Luật Doanh nghiệp hoặc chia lợi nhuận cho thành viên trái với quy định tại Điều 69 của Luật Doanh nghiệp thì các thành viên phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty cho đến khi các thành viên đã hoàn trả đủ số tiền, tài sản khác đã nhận tương đương với phần vốn đã giảm hoặc lợi nhuận đã chia.

Điều 36. Con dấu

1. Hình thức, nội dung và số lượng con dấu của Công ty, của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty sẽ do Hội đồng thành viên quyết định.
2. Công ty, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty có thể có nhiều con dấu với hình thức và nội dung như nhau.
3. Con dấu của Công ty được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Việc quản lý và sử dụng con dấu Công ty sẽ do Tổng giám đốc quyết định.
4. Con dấu của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty được lưu giữ tại trụ sở của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện. Việc quản lý và sử dụng con dấu sẽ do giám đốc chi nhánh hoặc trưởng văn phòng đại diện quyết định.

Chương VI TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 37. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo quyết định của Hội đồng thành viên; hoặc
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 38. Tổ chức lại Công ty

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hiệu lực của Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng thành viên thông qua.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ sẽ do Hội đồng thành viên của Công ty quyết định.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người ký ban hành Điều lệ hoặc bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ sau khi Hội đồng thành viên thông qua.

Điều 40. Các quy định khác

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được quy định trong Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác điều chỉnh.
2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái với quy định của pháp luật, thì điều khoản đó không có hiệu lực thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Hội đồng thành viên.

Điều lệ này được Hội đồng thành viên Công ty thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2019.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Chữ ký: _____

Họ tên:

Chức vụ: *Nguyễn Chiếu Nam*

CHỦ TỊCH HĐQT



BẢN SAO

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản
Núi Pháo và công ty con

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 19-11-2019

SỐ CHỨNG THỰC 1.2.5.9.1 QUYỀN SỐ 0.1 SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 4600864513 ngày 5 tháng 7 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 5 tháng 7 năm 2019. Giấy Chứng nhận và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4600864513 được cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010
17121000026-điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 2 năm 2011
17121000026-điều chỉnh lần 2 ngày 6 tháng 2 năm 2013
17121000026-điều chỉnh lần 3 ngày 23 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư "Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo". Giấy Chứng nhận Đầu tư hết hạn vào ngày 2 tháng 2 năm 2034.

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Thiều Nam	Chủ tịch (từ ngày 19 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Chetan Prakash Baxi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2019)
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên (từ ngày 19 tháng 4 năm 2019)
Ông Danny Le	Thành viên (từ ngày 19 tháng 4 năm 2019)

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Xóm 2, Xã Hà Thượng
Huyện Đại Từ
Tỉnh Thái Nguyên
Việt Nam

Văn phòng đại diện Hà Nội

106 Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

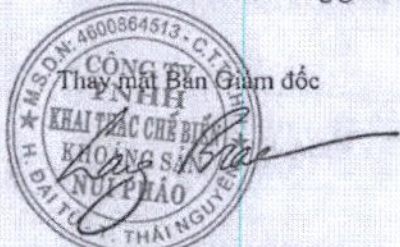
**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn và Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thay mặt Ban Giám đốc

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Nhà đầu tư
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất và riêng của Tập đoàn và Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00071-19-1



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019

Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200//2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		5.543.304.512	4.305.593.647	4.138.754.121	3.433.397.796
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	360.321.260	458.214.437	283.338.753	317.619.910
Tiền	111		140.321.260	263.214.437	63.338.753	122.619.910
Các khoản tương đương tiền	112		220.000.000	195.000.000	220.000.000	195.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.477.355.165	1.623.089.055	1.467.271.733	1.837.646.097
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	887.035.112	960.321.689	497.493.906	718.852.961
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		157.339.016	175.750.070	139.611.301	120.269.436
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	432.981.037	487.017.296	830.166.526	998.523.700
Hàng tồn kho	140		2.824.835.738	1.616.784.263	2.132.665.411	1.164.644.304
Hàng tồn kho	141	12	2.824.835.738	1.616.784.263	2.132.665.411	1.164.644.304
Tài sản ngắn hạn khác	150		880.792.349	607.505.892	255.478.224	113.487.485
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		58.148.121	45.996.377	54.287.082	41.625.516
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		822.644.228	561.509.515	201.191.142	71.861.969
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		19.608.897.709	19.692.759.269	19.580.172.906	19.644.332.491
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.320.938.868	1.335.307.630	1.320.938.868	1.335.307.630
Phải thu dài hạn khác	216	11	1.320.938.868	1.335.307.630	1.320.938.868	1.335.307.630
Tài sản cố định	220		13.930.021.719	14.313.087.011	12.511.169.671	12.859.617.916
Tài sản cố định hữu hình	221	13	13.444.285.407	13.813.235.974	12.026.183.035	12.361.085.160
Nguyên giá	222		17.707.002.354	17.585.676.577	15.895.136.433	15.778.011.456
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.262.716.947)	(3.772.440.603)	(3.868.953.398)	(3.416.926.296)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	-	-	-	-
Nguyên giá	225		67.300.000	67.300.000	67.300.000	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(67.300.000)	(67.300.000)	(67.300.000)	(67.300.000)
Tài sản cố định vô hình	227	15	485.736.312	499.851.037	484.986.636	498.532.756
Nguyên giá	228		696.786.895	689.745.726	691.100.839	684.059.670
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(211.050.583)	(189.894.689)	(206.114.203)	(185.526.914)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.713.104.589	1.429.178.901	1.654.127.184	1.397.177.327
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	1.713.104.589	1.429.178.901	1.654.127.184	1.397.177.327
Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	5.900.000	5.900.000	1.475.503.500	1.466.977.710
Đầu tư vào công ty con	251		-	-	1.469.603.500	1.461.077.710
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.900.000	5.900.000	5.900.000	5.900.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.638.932.533	2.609.285.727	2.618.433.683	2.585.251.908
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	2.638.930.556	2.608.003.378	2.618.433.683	2.585.251.908
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	1.977	1.282.349	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		25.152.202.221	23.998.352.916	23.718.927.027	23.077.730.287

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

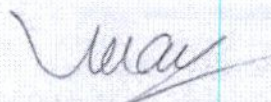
Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		16.318.453.324	18.484.569.909	14.781.444.805	17.394.614.774
Nợ ngắn hạn	310		6.222.066.276	4.098.363.715	5.685.057.757	4.008.408.580
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	545.784.888	526.292.581	699.283.488	553.590.729
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	687.625.956	238.767.155	1.060.306.795	510.230.521
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	54.585.648	66.544.980	54.565.855	57.947.120
Phải trả người lao động			20.365	-	18.726	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	553.543.270	692.648.042	548.611.430	678.459.553
Phải trả ngắn hạn khác	319	24	151.925.568	106.749.922	40.361.443	37.492.961
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	25(a)	4.228.580.581	2.467.361.035	3.281.910.020	2.170.687.696
Nợ dài hạn	330		10.096.387.048	14.386.206.194	9.096.387.048	13.386.206.194
Phải trả dài hạn khác	337	24	4.124.123.839	3.993.040.625	3.124.123.839	2.993.040.625
Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính dài hạn	338	25(b)	5.533.494.864	9.900.501.285	5.533.494.864	9.900.501.285
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	438.768.345	492.664.284	438.768.345	492.664.284
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		8.833.748.897	5.513.783.007	8.937.482.222	5.683.115.513
Vốn chủ sở hữu	410	27	8.833.748.897	5.513.783.007	8.937.482.222	5.683.115.513
Vốn góp	411	28	8.048.709.226	4.789.010.000	8.048.709.226	4.789.010.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		785.038.617	724.772.007	888.772.996	894.105.513
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		716.246.217	44.425.515	894.105.513	124.872.694
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		68.792.400	680.346.492	(5.332.517)	769.232.819
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.054	1.000	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		25.152.202.221	23.998.352.916	23.718.927.027	23.077.730.287

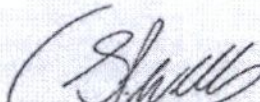
Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty		
		Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	
01	30	2.690.013.281	3.238.658.813	2.158.430.968	2.560.018.562	
11		1.895.505.846	2.011.006.565	1.533.130.612	1.688.876.348	
20		794.507.435	1.227.652.248	625.300.356	871.142.214	
	21	31	38.531.871	35.018.644	23.955.723	50.044.365
	22	32	641.554.070	579.291.970	548.093.253	547.791.244
	25		49.070.508	59.023.157	42.054.116	50.044.220
	26		49.854.827	86.589.332	41.927.686	67.889.734
30		92.559.901	537.766.433	17.181.024	255.461.381	
31	33	1.088.744	1.629.535	59.899.446	46.693.762	
32	34	11.882.094	11.508.324	70.719.263	56.572.551	
40		(10.793.350)	(9.878.789)	(10.819.817)	(9.878.789)	
50		81.766.551	527.887.644	6.361.207	245.582.592	
51	35	11.693.724	23.499.140	11.693.724	23.499.140	
52	35	1.280.373	4.657.146	-	-	
60		68.792.454	499.731.358	(5.332.517)	222.083.452	
61		68.792.400	375.603.213			
62		54	124.128.145			

Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Người soát xét:



Nguyễn Thị Thanh Mai
 Nguyễn Thị Thanh Mai
 Kế toán trưởng

Stuart James Wells
 Stuart James Wells
 Giám đốc Tài chính

Craig Richard Bradshaw
 Craig Richard Bradshaw
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Tập đoàn		Công ty		
	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	01	81.766.551	527.887.644	6.361.207	245.582.592
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao và phân bổ	02	515.524.792	520.563.841	476.706.945	468.295.500
Các khoản dự phòng	03	19.249.712	20.507.328	19.249.712	20.507.328
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.404.767)	15.460.665	(4.360.210)	6.845.178
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.980.510)	(16.332.955)	(4.915.575)	(39.084.531)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	566.198.731	535.520.093	493.393.363	512.561.886
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.170.354.509	1.603.606.616	986.435.442	1.214.707.953
Biến động các khoản phải thu	09	(122.164.649)	(90.368.160)	56.864.152	(8.570.715)
Biến động hàng tồn kho	10	(1.208.051.475)	(229.182.692)	(968.021.107)	(110.750.468)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	513.793.545	(45.210.339)	717.332.998	(69.783.128)
Biến động chi phí trả trước	12	(26.945.854)	(94.718.266)	(28.610.272)	(95.281.031)
		326.986.076	1.144.127.159	764.001.213	930.322.611
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(571.815.174)	(493.165.110)	(501.045.988)	(487.626.665)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	15	(39.134.370)	(36.171.119)	(39.134.370)	(36.171.119)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(283.963.468)	614.790.930	223.820.855	406.524.827
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(928.031.548)	(559.056.571)	(896.535.964)	(536.297.649)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	968.182	1.023.636	968.182	1.027.266
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	-	(5.900.000)	-	(5.900.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	-	32.500.000	-	32.500.000
Tiền chi mua cổ phần của cổ đông không kiểm soát	25	(8.525.790)	-	(8.525.790)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	3.609.846	13.576.805	181.544.911	5.175.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(931.979.310)	(517.856.130)	(722.548.661)	(503.494.528)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

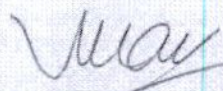
Mẫu B 03a- DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

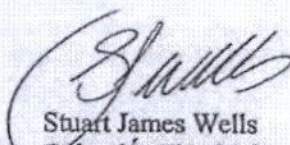
Mã số	Tập đoàn		Công ty		
	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	3.259.699.226	-	3.259.699.226	-
Tiền vay và trái phiếu nhận được	33	4.167.449.335	2.604.156.975	2.568.472.572	2.604.156.975
Tiền nhận từ đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với đơn vị khác	33	500.000.000	-	500.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu	34	(6.791.338.314)	(1.452.438.164)	(5.839.363.449)	(1.452.438.164)
Tiền chi trả góp vốn Hợp đồng hợp tác kinh doanh	34	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Tiền chi trả chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(24.261.119)	-	(24.261.119)	-
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	(9.026.327)	-	(9.026.327)
Tiền trả cổ tức	36	(169)	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.111.548.959	142.692.484	464.547.230	142.692.484
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(104.393.819)	239.627.284	(34.180.576)	45.722.783
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	458.214.437	776.324.309	317.619.910	411.902.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.500.642	(3.689.483)	(100.581)	(1.541.297)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 9)	70	360.321.260	1.012.262.110	283.338.753	456.084.191

Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Người lập:


 Nguyễn Thị Thanh Mai
 Kế toán trưởng

Người soát xét:


 Stuart James Wells
 Giám đốc Tài chính



Craig Richard Bradshaw
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty” hoặc “NPM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, flourit, bismuth và đồng tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 30/6/2019 và 1/1/2019
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”)	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	99,999%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại công ty con. Công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 1.164 nhân viên (1/1/2019: 1.150 nhân viên) và Tập đoàn có 1.411 nhân viên (1/1/2019: 1.403 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

(ii) Công ty con

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với đơn vị này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn và Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ.

(ii) Khấu hao

Máy móc và, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Công ty.

Máy móc và thiết bị của công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Tài sản cố định hữu hình của công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm là như sau:

	<u>2019</u>	<u>2018</u>
Nhà máy ST	171.865 tấn vonfram	125.140 tấn vonfram
Nhà máy APT	166.990 tấn vonfram	120.265 tấn vonfram

Trong kỳ hiện tại, MTC – một công ty con đã thực hiện rà soát tài sản cố định hữu hình và do đó làm tăng sản lượng của tài sản cố định hữu hình để phản ánh chính xác sản lượng dự kiến của tài sản. Điều này dẫn đến thay đổi về tổng sản lượng ước tính đối với nhà máy ST và nhà máy APT.

Ảnh hưởng đối với chi phí khấu hao cho kỳ hiện tại là làm giảm 11.489 triệu VND chi phí khấu hao.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	19 năm

Trong kỳ hiện tại, MTC cũng điều chỉnh thời gian hữu dụng ước tính của một số nhóm tài sản để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này. Ảnh hưởng đối với chi phí khấu hao cho kỳ hiện tại là làm giảm 3.572 triệu VND chi phí khấu hao. Thời gian hữu dụng ước tính đã điều chỉnh như sau:

	2019	2018
▪ nhà cửa và vật kiến trúc	15-20 năm	10-15 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(ii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng đối với phí dịch vụ

(l) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Tập đoàn và Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn và Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Tập đoàn và Công ty nhận vốn góp dưới hình thức tài sản tài chính từ các bên khác và do đó tiếp nhận một nghĩa vụ hợp đồng – phải chi trả tiền hoặc tài sản tài chính khác cho các bên khác theo HĐHTKD, Tập đoàn và Công ty sẽ ghi nhận nợ phải trả tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận cho các bên khác của HĐHTKD có bản chất là chi phí tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là chi phí tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là chi phí khi khả năng phải phân chia các khoản này là chắc chắn.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013, Nghị định 158/2016/NĐ - CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) và Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 (“Thông tư 38”).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo Nghị định 158/2016 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2017, quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo Thông tư 38, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) hướng dẫn phương pháp quy đổi dựa vào các thông số khác nhau để xác định hệ số quy đổi để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 158/2016.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Công ty làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động khai thác. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(o) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 – 180 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(t) Thu nhập từ lợi nhuận được chia

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(x) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn và Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, ngoại trừ thay đổi về ước tính tổng công suất và thời gian hữu dụng của một số nhóm tài sản của MTC – một công ty con như đã trình bày tại Thuyết minh 3(g)(ii), không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn và Công ty không có các khoản mục bất thường nào có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn và Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn và Công ty

Không có thay đổi nào trong cơ cấu của Tập đoàn và Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	34.116.482	905.494.400	1.666.759.619	83.642.780	2.690.013.281
Lợi nhuận gộp của bộ phận	17.931.887	655.022.915	100.147.816	21.404.817	794.507.435
Chi phí không phân bổ					98.925.335
Thu nhập từ hoạt động tài chính					38.531.871
Chi phí tài chính					641.554.070
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					92.559.901
Thu nhập khác					1.088.744
Chi phí khác					11.882.094
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					12.974.097
Lợi nhuận thuần sau thuế					68.792.454

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	221.376.654	620.193.860	2.201.586.523	195.501.776	3.238.658.813
Lợi nhuận gộp của bộ phận	141.000.056	384.680.971	613.122.878	88.848.343	1.227.652.248
Chi phí không phân bổ					145.612.489
Thu nhập từ hoạt động tài chính					35.018.644
Chi phí tài chính					579.291.970
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					537.766.433
Thu nhập khác					1.629.535
Chi phí khác					11.508.324
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					28.156.286
Lợi nhuận thuần sau thuế					499.731.358

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019					
Tài sản của bộ phận	195.215.955	949.236.137	1.957.596.420	1.233.502.068	4.335.550.580
Tài sản không phân bổ					20.816.651.641
Tổng tài sản					25.152.202.221
Tổng nợ phải trả					16.318.453.324
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019					
Tài sản của bộ phận	189.244.022	986.121.002	2.012.184.993	1.277.173.865	4.464.723.882
Tài sản không phân bổ					19.533.629.034
Tổng tài sản					23.998.352.916
Tổng nợ phải trả					18.484.569.909

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	467.799	-	74.666.105	13.374.441	88.508.345
Chi tiêu vốn không phân bổ					839.523.203
Khấu hao tài sản cố định	7.077.873	36.884.864	59.482.017	47.771.402	151.216.156
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					364.308.636
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					94.037.271
<hr/>					
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	12.126.999	38.815.859	86.368.653	-	137.311.511
Chi tiêu vốn không phân bổ					421.745.060
Khấu hao tài sản cố định	7.212.900	37.507.939	71.405.834	48.719.898	164.846.571
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					355.717.270
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					84.498.687

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý chính như sau:

	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Cộng hòa Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019								
Doanh thu bán ra ngoài	40.676.292	1.096.568.876	127.792.831	509.571.537	177.796.138	92.691.909	644.915.698	2.690.013.281
Tài sản của bộ phận	24.294.818.378	574.534.441	128.264	46.839.922	40.122.547	6.559.873	189.198.796	25.152.202.221
Chi tiêu vốn	928.031.548	-	-	-	-	-	-	928.031.548
<hr/>								
	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Cộng hòa Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018								
Doanh thu bán ra ngoài	252.725.842	684.148.668	485.327.235	502.655.848	158.809.796	764.936.463	390.054.961	3.238.658.813
Tài sản của bộ phận	23.313.106.668	36.093.771	126.295	50.642.994	128.847.181	-	63.670.030	23.592.486.939
Chi tiêu vốn	559.056.571	-	-	-	-	-	-	559.056.571

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền mặt	191.205	138.199	183.756	126.482
Tiền gửi ngân hàng	140.130.055	263.076.238	63.154.997	122.493.428
Các khoản tương đương tiền	220.000.000	195.000.000	220.000.000	195.000.000
	360.321.260	458.214.437	283.338.753	317.619.910

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<i>Công ty liên quan</i>				
MTC – công ty con	-	-	26.900.552	-
<i>Bên liên quan</i>				
Bán cho một công ty liên quan của một thành viên thuộc Hội đồng Thành viên	-	554.016.930	-	554.016.930
<i>Các bên khác</i>				
Khách hàng mua Vonfram	564.732.180	253.451.877	148.290.422	11.983.149
Khách hàng mua Fluorspar	273.666.436	64.623.036	273.666.436	64.623.036
Khách hàng mua Bismuth	19.970.634	51.231.040	19.970.634	51.231.040
Khách hàng mua Đồng	27.808.661	36.524.594	27.808.661	36.524.594
Các khách hàng khác	857.201	474.212	857.201	474.212
	887.035.112	960.321.689	497.493.906	718.852.961

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và thu được khi đến hạn.

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, tính lãi 1%/tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán và thu được trong vòng 90 ngày kể từ ngày bán.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a)	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan (b)	10.294.685	10.294.685	32.412.806	27.081.953
Phải thu và lợi nhuận được chia (c)	-	-	377.112.368	555.112.368
Phải thu ngắn hạn khác (d)	412.686.352	466.722.611	410.641.352	406.329.379
	432.981.037	487.017.296	830.166.526	998.523.700
Phải thu dài hạn khác				
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (e)	1.284.608.066	1.303.754.210	1.284.608.066	1.303.754.210
Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (f)	35.767.974	30.990.592	35.767.974	30.990.592
Phải thu dài hạn khác	562.828	562.828	562.828	562.828
	1.320.938.868	1.335.307.630	1.320.938.868	1.335.307.630

- (a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (b) Đây là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung gian không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (c) Đây là lợi nhuận được chia phải thu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) – Công ty con.
- (d) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một nhà đầu tư và một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, phải thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (e) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được cản trừ với tiền thuê đất hàng năm.
- (f) Công ty có nghĩa vụ ký quỹ cho việc đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường cho Quỹ Bảo vệ Môi trường do chính quyền địa phương thiết lập với tổng số tiền ký quỹ là 52.266 triệu VND. Các khoản ký quỹ được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong suốt thời gian khai thác mỏ. Trong năm, Công ty đã nộp tiền ký quỹ lần thứ mười cho Quỹ Bảo vệ Môi trường để phục vụ hoạt động phục hồi môi trường của Dự án. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	<u>Giá gốc</u>			
	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	50.697.006	25.063.835	34.548.455	10.582.310
Nguyên vật liệu	185.317.834	161.741.099	114.284.933	116.635.718
Công cụ và dụng cụ	578.097.298	556.865.085	568.503.018	545.497.988
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	159.968.519	139.717.724	6.366.499	6.486.583
Thành phẩm	1.109.845.389	722.157.166	683.920.811	485.441.705
Hàng hóa	725.041.695	-	725.041.695	-
Hàng gửi đi bán	15.867.997	11.239.354	-	-
	2.824.835.738	1.616.784.263	2.132.665.411	1.164.644.304

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	4.735.682.221	12.767.135.221	42.109.546	21.262.887	19.486.702	17.585.676.577
Tăng trong kỳ	-	1.555.000	-	-	-	1.555.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	83.447.081	40.416.250	-	-	-	123.863.331
Thanh lý	-	-	(321.217)	(3.771.337)	-	(4.092.554)
Số dư cuối kỳ	4.819.129.302	12.809.106.471	41.788.329	17.491.550	19.486.702	17.707.002.354
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	814.667.279	2.902.583.512	36.741.957	14.253.408	4.194.447	3.772.440.603
Khấu hao trong kỳ	135.077.231	356.347.797	1.078.795	1.340.769	524.306	494.368.898
Thanh lý	-	-	(321.217)	(3.771.337)	-	(4.092.554)
Số dư cuối kỳ	949.744.510	3.258.931.309	37.499.535	11.822.840	4.718.753	4.262.716.947
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	3.921.014.942	9.864.551.709	5.367.589	7.009.479	15.292.255	13.813.235.974
Số dư cuối kỳ	3.869.384.792	9.550.175.162	4.288.794	5.668.710	14.767.949	13.444.285.407

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	4.450.209.217	11.250.436.550	36.616.099	21.262.888	19.486.702	15.778.011.456
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	83.447.081	37.770.450	-	-	-	121.217.531
Thanh lý	-	-	(321.217)	(3.771.337)	-	(4.092.554)
Số dư cuối kỳ	4.533.656.298	11.288.207.000	36.294.882	17.491.551	19.486.702	15.895.136.433
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	741.436.793	2.625.261.613	31.780.035	14.253.408	4.194.447	3.416.926.296
Khấu hao trong kỳ	126.758.842	326.661.181	834.558	1.340.769	524.306	456.119.656
Thanh lý	-	-	(321.217)	(3.771.337)	-	(4.092.554)
Số dư cuối kỳ	868.195.635	2.951.922.794	32.293.376	11.822.840	4.718.753	3.868.953.398
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	3.708.772.424	8.625.174.937	4.836.064	7.009.480	15.292.255	12.361.085.160
Số dư cuối kỳ	3.665.460.663	8.336.284.206	4.001.506	5.668.711	14.767.949	12.026.183.035

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản có nguyên giá là 46.387 triệu VND và 44.217 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 36.275 triệu VND và 36.275 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 12.026 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (1/1/2019: 12.361 tỷ VND) (Thuyết minh 25(b)(ii)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn và Công ty:

Công ty thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính dựa trên điều khoản và điều kiện của hợp đồng thuê. Thiết bị thí nghiệm này đảm bảo nghĩa vụ thuê.

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình thuê tài chính của Tập đoàn và Công ty có các tài sản với nguyên giá 67.300 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 67.300 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	101.374.908	588.370.818	689.745.726
Chuyển từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.041.169	-	7.041.169
Số dư cuối kỳ	108.416.077	588.370.818	696.786.895
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	62.324.658	127.570.031	189.894.689
Khấu hao trong kỳ	5.880.730	15.275.164	21.155.894
Số dư cuối kỳ	68.205.388	142.845.195	211.050.583
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	39.050.250	460.800.787	499.851.037
Số dư cuối kỳ	40.210.689	445.525.623	485.736.312

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	95.688.852	588.370.818	684.059.670
Chuyển từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.041.169	-	7.041.169
Số dư cuối kỳ	102.730.021	588.370.818	691.100.839
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	57.956.883	127.570.031	185.526.914
Khấu hao trong kỳ	5.312.125	15.275.164	20.587.289
Số dư cuối kỳ	63.269.008	142.845.195	206.114.203
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	37.731.969	460.800.787	498.532.756
Số dư cuối kỳ	39.461.013	445.525.623	484.986.636

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản với nguyên giá 15.291 triệu VND và 12.384 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 12.007 triệu VND và 12.007 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại là 485 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành bởi Công ty (1/1/2019: 499 tỷ VND) (Thuyết minh 25(b)(ii)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	1.429.178.901	987.802.403	1.397.177.327	973.151.245
Tăng trong kỳ	415.909.775	504.325.669	385.208.557	477.169.020
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(123.863.331)	(235.161.082)	(121.217.531)	(230.598.528)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 15)	(7.041.169)	-	(7.041.169)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.079.587)	(9.091.210)	-	-
Số dư cuối kỳ	1.713.104.589	1.247.875.780	1.654.127.184	1.219.721.737

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn và Công ty trị giá là 26 tỷ VND (từ 1/1/2018 đến 30/6/2018: 19 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của Công ty chủ yếu phản ánh chi phí đền bù đất, phát triển mỏ và nhà xưởng, chi phí xây dựng nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến các đập chứa đuôi quặng; được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty. Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Đền bù đất	665.449.731	591.813.635	665.449.731	591.813.635
Giải phóng mặt bằng, di dời cơ sở hạ tầng và các chi phí khác	187.181.999	176.876.721	187.181.999	176.876.721
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	552.432.133	455.725.660	552.432.133	455.725.660
Các đập chứa đuôi quặng	145.135.919	112.928.231	145.135.919	112.928.231
Các tài sản khác	162.904.807	91.834.654	103.927.402	59.833.080
Tổng cộng	1.713.104.589	1.429.178.901	1.654.127.184	1.397.177.327

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Đầu tư vào công ty con				
Đầu tư vào MTC (*)	-	-	1.469.603.500	1.461.077.710
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	5.900.000	5.900.000	5.900.000	5.900.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

18. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn:

	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	1.031.622.692	1.502.657.304	73.723.382	2.608.003.378
Tăng trong kỳ	-	100.031.689	10.479.884	110.511.573
Chuyển từ phải thu dài hạn	14.452.876	-	-	14.452.876
Phân bổ trong kỳ	(35.469.304)	(49.321.499)	(9.246.468)	(94.037.271)
Số dư cuối kỳ	1.010.606.264	1.553.367.494	74.956.798	2.638.930.556

Công ty:

	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	1.031.622.692	1.502.657.304	50.971.912	2.585.251.908
Tăng trong kỳ	-	100.031.689	10.479.884	110.511.573
Chuyển từ phải thu dài hạn	14.452.876	-	-	14.452.876
Phân bổ trong kỳ	(35.469.304)	(49.321.499)	(6.991.871)	(91.782.674)
Số dư cuối kỳ	1.010.606.264	1.553.367.494	54.459.925	2.618.433.683

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.977	1.282.349	-	-

20. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ			
	<u>Tập đoàn:</u>		<u>Công ty:</u>	
	30/6/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND
<i>Công ty liên quan</i>				
MTC – công ty con	-	-	219.001.671	144.891.935
<i>Các bên khác</i>				
Nhà thầu khai thác mỏ	195.550.154	160.034.508	195.550.154	160.034.508
Nhà thầu xây dựng đập chứa đuôi quặng	10.444.475	21.923.474	10.444.475	21.923.474
Nhà thầu tư vấn	5.416.545	5.416.545	5.416.545	5.416.545
Các nhà cung cấp khác	334.373.714	338.918.054	268.870.643	221.324.267
	545.784.888	526.292.581	699.283.488	553.590.729

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu của công ty liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước chi tiết theo khách hàng lớn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
<i>Công ty liên quan</i>				
MTC - công ty con	-	-	373.156.789	286.007.881
<i>Các bên khác</i>				
Khách hàng mua vonfram	1.914.918	15.189.680	1.438.968	645.165
Khách hàng mua fluorspar	684.964.708	224.566.119	684.964.708	224.566.119
Khách hàng mua bismuth	282.978	(1.085.811)	282.978	(1.085.811)
Khách hàng mua đồng	360.452	97.167	360.452	97.167
Các khách hàng khác	102.900	-	102.900	-
	687.625.956	238.767.155	1.060.306.795	510.230.521

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tập đoàn:

	1/1/2019 Nghìn VND	Số phải nộp trong kỳ Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	247.301.345	(247.301.345)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	125.460.581	(125.460.581)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.017.612	11.693.724	(39.134.370)	7.576.966
Thuế bảo vệ môi trường	-	3.008.071	(3.008.071)	-
Thuế thu nhập cá nhân	29.646.121	87.500.148	(72.386.357)	44.759.912
Thuế tài nguyên	-	125.943.680	(125.943.680)	-
Các loại thuế khác	1.881.247	10.473.166	(10.105.643)	2.248.770
	66.544.980	611.380.715	(623.340.047)	54.585.648

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	1/1/2019	Số phải nộp	Số đã nộp/bù	30/6/2019
	Nghìn VND	trong kỳ	trừ trong kỳ	Nghìn VND
		Nghìn VND	Nghìn VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	160.751.445	(160.751.445)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	125.154.946	(125.154.946)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.017.612	11.693.724	(39.134.370)	7.576.966
Thuế bảo vệ môi trường	-	3.008.071	(3.008.071)	-
Thuế thu nhập cá nhân	21.108.586	85.341.297	(61.709.765)	44.740.118
Thuế tài nguyên	-	125.943.680	(125.943.680)	-
Các loại thuế khác	1.820.922	10.165.541	(9.737.692)	2.248.771
	57.947.120	522.058.704	(525.439.969)	54.565.855

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền thưởng	-	83.288.151	-	77.861.500
Tiền lãi vay và chi phí tài chính khác	193.020.704	246.147.878	191.731.441	245.854.627
Thuế và phí tài nguyên	59.710.426	10.034.090	59.710.426	10.034.090
Chi phí xây dựng phải trả	58.676.784	80.589.745	58.433.914	80.329.654
Phí tư vấn	2.634.359	2.238.200	2.634.359	2.238.200
Chi phí hoạt động	233.747.591	270.349.978	230.347.884	262.141.482
Chi phí phải trả khác	5.753.406	-	5.753.406	-
	553.543.270	692.648.042	548.611.430	678.459.553

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Ngắn hạn:				
Phải trả Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“MSR”) – công ty mẹ cấp trung				
Phân lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (a)	49.609.841	44.598.599	37.934.143	32.922.901
Phải trả Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTT”) – Nhà đầu tư				
Lợi nhuận phân phối phải trả	-	169	-	-
Phải trả khác cho các bên khác				
Phải trả khác – ngắn hạn	102.315.727	62.151.154	2.427.300	4.570.060
	151.925.568	106.749.922	40.361.443	37.492.961
Dài hạn:				
Phải trả MSN – công ty mẹ cấp cao nhất				
Chi phí tài chính – dài hạn (b)	583.049.664	583.049.664	583.049.664	583.049.664
Phải trả MSR – công ty mẹ cấp trung				
Chi phí tài chính – dài hạn (b)	541.074.175	909.990.961	541.074.175	909.990.961
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (a)	3.000.000.000	2.500.000.000	2.000.000.000	1.500.000.000
	4.124.123.839	3.993.040.625	3.124.123.839	2.993.040.625

(a) Các khoản phải trả dài hạn khác theo HĐHTKD của NPM phản ánh khoản đóng góp của MSR theo các HĐHTKD ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sửa đổi 4 lần sau đó, theo đó MSR sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu trị giá lần lượt là 1.000 tỷ VND, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với Công ty. Các HĐHTKD có thời hạn lần lượt là ba mươi sáu (36), sáu mươi (60) và sáu mươi (60) tháng hợp tác kể từ khi Công ty nhận được tiền thu được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh vào tháng 9 năm 2018, tháng 11 năm 2018 và tháng 5 năm 2019. Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ thỏa thuận quy định trong HĐHTKD.

Các khoản phải trả dài hạn khác theo HĐHTKD của MTC phản ánh khoản đóng góp của MSR theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sửa đổi 2 lần sau đó, theo đó MSR sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD có thời hạn sáu mươi (60) tháng hợp tác kể từ khi MTC nhận được tiền thu được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh. Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ thỏa thuận quy định trong HĐHTKD.

(b) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tập đoàn:

	1/1/2019		Biến động trong kỳ			30/6/2019	
	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.467.361.035	2.467.361.035	3.167.449.335	(2.400.555.875)	(1.822.907)	3.232.431.588	3.232.431.588
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	-	-	996.148.993	-	-	996.148.993	996.148.993
	2.467.361.035	2.467.361.035	4.163.598.328	(2.400.555.875)	(1.822.907)	4.228.580.581	4.228.580.581

Công ty:

	1/1/2019		Biến động trong kỳ			30/6/2019	
	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.170.687.696	2.170.687.696	1.568.472.572	(1.448.581.010)	(4.818.231)	2.285.761.027	2.285.761.027
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	-	-	996.148.993	-	-	996.148.993	996.148.993
	2.170.687.696	2.170.687.696	2.564.621.565	(1.448.581.010)	(4.818.231)	3.281.910.020	3.281.910.020

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD 1.187.429.999	1.160.156.911	1.187.429.999	1.160.156.911
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND 883.829.429	808.600.820	883.829.429	808.600.820
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD 214.501.599	201.929.965	214.501.599	201.929.965
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii)	USD 662.258.660	296.673.339	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii)	VND 165.000.000	-	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	USD 119.411.901	-	-	-
	3.232.431.588	2.467.361.035	2.285.761.027	2.170.687.696

- (i) Khoản vay bằng USD từ một bên liên quan chịu lãi suất từ 3,88% đến 4,93% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của Công ty. Tại ngày báo cáo, các khoản vay này được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“MSR”) do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (“MH”) nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công ty. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD và VND chịu lãi suất lần lượt trong khoảng từ 4,5% đến 5,5% và từ 6,8% đến 7,4% một năm.
- (iii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của MSR do MH nắm giữ. Các khoản giải ngân bằng VND và USD chịu lãi suất lần lượt là: trong khoảng từ 8,3% đến 8,5% một năm và từ 5% đến 5,2% một năm.
- (iv) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng một phần của khoản phải thu ngắn hạn và tất cả tài khoản ngân hàng của MTC mở tại ngân hàng này. Các khoản giải ngân bằng USD chịu lãi suất trong khoảng từ 3,6% đến 3,9% một năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tập đoàn và Công ty	
	30/6/2019	1/1/2019
	Ngàn VND	Ngàn VND
Vay dài hạn (i)	-	2.890.782.439
Phát hành trái phiếu dài hạn (ii)	6.529.643.857	7.009.718.846
	6.529.643.857	9.900.501.285
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a))	(996.148.993)	-
	5.533.494.864	9.900.501.285

(i) Vay dài hạn

Các khoản vay dài hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 phản ánh khoản vay không được đảm bảo từ các nhà đầu tư. Khoản vay này chịu lãi theo thỏa thuận giữa các bên. Năm 2019, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản vay bằng tiền mặt.

(ii) Trái phiếu dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	Tập đoàn và Công ty	
			30/6/2019	1/1/2019
			Ngàn VND	Ngàn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (a)	VND	2020	4.044.614.650	5.519.052.180
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (b)	VND	2020	996.148.993	994.333.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (c)	VND	2023	496.569.104	496.333.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (d)	VND	2024	496.133.333	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (e)	VND	2022	297.733.333	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (f)	VND	2022	198.444.444	-
			6.529.643.857	7.009.718.846

(a) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của Công ty (Thuyết minh 13 và Thuyết minh 15).

(b) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 9,5% một năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,44% cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (c) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,22% cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.
- (d) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10,2% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,62% cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.
- (e) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 3,37% cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.
- (f) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 2,25% cổ phiếu đã phát hành của MSR nắm giữ bởi MH. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.

Giá trị phát hành trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

Tập đoàn và Công ty:

	Khôi phục môi trường mỏ Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	26.218.097	466.446.187	492.664.284
Dự phòng lập trong kỳ	1.009.397	18.240.315	19.249.712
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(73.145.651)	(73.145.651)
Số dư cuối kỳ	27.227.494	411.540.851	438.768.345

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn:

	Vốn góp Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.789.010.000	44.425.515	4.833.435.515	410.770.018	5.244.205.533
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	375.603.213	375.603.213	124.128.145	499.731.358
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	4.789.010.000	420.028.728	5.209.038.728	534.898.163	5.743.936.891
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	4.789.010.000	724.772.007	5.513.782.007	1.000	5.513.783.007
Vốn góp	3.259.699.226	-	3.259.699.226	-	3.259.699.226
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	68.792.400	68.792.400	54	68.792.454
Biến động khác (*)	-	(8.525.790)	(8.525.790)	-	(8.525.790)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	8.048.709.226	785.038.617	8.833.747.843	1.054	8.833.748.897

(*) Khoản này liên quan đến chi phí giao dịch cho việc mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định sau ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Vốn góp Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.789.010.000	124.872.694	4.913.882.694
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	222.083.452	222.083.452
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	4.789.010.000	346.956.146	5.135.966.146
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	4.789.010.000	894.105.513	5.683.115.513
Vốn góp	3.259.699.226	-	3.259.699.226
Lỗ thuần trong kỳ	-	(5.332.517)	(5.332.517)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	8.048.709.226	888.772.996	8.937.482.222

28. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt và đã góp			
	30/6/2019		1/1/2019	
	Nghìn VND	%	Nghìn VND	%
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	1.624.851.500	20%	718.351.500	15%
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN")	6.423.857.726	80%	4.070.658.500	85%
	8.048.709.226	100%	4.789.010.000	100%

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên đều được thành lập tại Việt Nam. Công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, cũng được thành lập tại Việt Nam.

Biến động vốn điều lệ đã góp trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	4.789.010.000	4.789.010.000
TNTI góp vốn bằng tiền mặt	906.500.000	-
MRTN góp vốn bằng tiền mặt	2.353.199.226	-
Số dư cuối kỳ	8.048.709.226	4.789.010.000

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Trong vòng một năm	2.145.000	2.460.000	2.145.000	-
Trong vòng hai đến năm năm	-	5.740.000	-	-
	2.145.000	8.200.000	2.145.000	-

(b) Ngoại tệ các loại

Tập đoàn:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	4.099.967	95.242.223	9.766.512	227.402.336

Công ty:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	844.127	19.609.058	4.574.532	105.854.658

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	30/6/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	16.433.002	16.433.002	9.577.438	9.577.438

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn và Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	29.817.648	24.397.849	19.091.333	22.394.049
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	56.863.064	57.111.513	44.242.754	43.564.746
	86.680.712	81.509.362	63.334.087	65.958.795

(e) Điều chỉnh giá bán chính thức

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(r), Tập đoàn và Công ty có các cam kết theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường tương lai niêm yết tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tổng doanh thu tính theo giá thị trường đã ghi nhận trên cơ sở ước tính sơ bộ là 315 tỷ VND (1/1/2019: 384 tỷ VND).

30. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Thu nhập lãi tiền gửi	4.007.783	15.356.676	3.942.848	38.104.622
Lãi chênh lệch tỷ giá	34.524.088	18.802.246	20.012.875	11.080.020
Các khoản khác	-	859.722	-	859.723
	38.531.871	35.018.644	23.955.723	50.044.365

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	397.754.151	462.947.646	377.103.922	439.989.439
Chi phí tài chính cho HĐHTKD	133.674.832	33.689.144	82.258.132	33.689.144
Chi phí đi vay	34.769.748	38.883.303	34.031.309	38.883.303
Lỗi chênh lệch tỷ giá	40.027.739	21.866.907	20.677.839	13.324.388
Chi phí tài chính khác	35.327.600	21.904.970	34.022.051	21.904.970
	641.554.070	579.291.970	548.093.253	547.791.244

33. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND
Thu nhập chi phí dịch vụ yêu cầu công ty con hoàn trả	-	-	58.838.169	45.064.227
Lãi do thanh lý tài sản cố định	972.727	1.027.266	972.727	1.027.266
Các khoản khác	116.017	602.269	88.550	602.269
	1.088.744	1.629.535	59.899.446	46.693.762

34. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND
Chi phí dịch vụ yêu cầu công ty con hoàn trả	-	-	58.838.169	45.064.227
Các khoản khác	11.882.094	11.508.324	11.881.094	11.508.324
	11.882.094	11.508.324	70.719.263	56.572.551

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành				
Kỳ hiện hành	7.576.966	23.499.140	7.576.966	23.499.140
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.116.758	-	4.116.758	-
	11.693.724	23.499.140	11.693.724	23.499.140
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	1.280.373	4.657.146	-	-
Chi phí thuế thu nhập	12.974.097	28.156.286	11.693.724	23.499.140

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND
Lợi nhuận trước thuế	81.766.551	527.887.644	6.361.207	245.582.592
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.264.983	79.183.146	954.181	36.837.388
Chi phí không được khấu trừ thuế	709.975	915.272	670.178	915.272
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác tại một công ty con	(3.379.865)	(12.666.137)	-	-
Ưu đãi thuế	(10.991.558)	(48.831.415)	(7.576.966)	(23.499.140)
Ảnh hưởng của hợp nhất	109.167	(4.347.346)	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	4.116.758	-	4.116.758	-
Biến động chênh lệch tạm thời	10.144.637	13.902.766	13.529.573	9.245.620
	12.974.097	28.156.286	11.693.724	23.499.140

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (2014-2025) và thuế suất thuế thu nhập thông thường theo Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024).

Ngày 25 tháng 3 năm 2015, công ty con của Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao. Do đó công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2029). Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế sau khi được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2017-2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2020-2028).

Tất cả các điều khoản miễn giảm thuế nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác và thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất thông thường là 20%.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Lãnh đạo tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Tập đoàn và Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn và Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các giao dịch đại lý tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ("TCB") theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ lần lượt là 94.855 triệu VND (1/1/2019: 547.298 triệu VND) và 1.000.000 triệu VND (1/1/2019: Không) trái phiếu đã phát hành.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) **Giao dịch với các bên liên quan**

Tập đoàn:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND
Nhà đầu tư			
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên	Chi phí tài chính và phí giao dịch cho HĐHTKD	-	46.142.803
	Hoàn trả vốn góp HĐHTKD	-	1.000.000.000
	Góp vốn	906.500.000	-
	Hoàn trả gốc vay	906.500.000	-
Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Góp vốn	2.353.199.226	-
	Hoàn trả gốc vay	1.984.282.439	-
	Chuyển chi phí tài chính phải trả từ một bên liên quan cho MRTN	368.916.787	-
	Hoàn trả chi phí tài chính	368.916.787	-
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Chi phí đi vay đã trả	-	28.249.448
	Lãi trái phiếu	9.136.986	-
Công ty mẹ cấp trung			
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan	Nhận vốn góp HĐHTKD	500.000.000	-
	Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD	129.816.005	-
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng hóa	746.609	-
	Mua dịch vụ	1.254.522	-
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	Phí thanh toán hộ	2.050.559	5.357.522
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	34.101.099	21.826.101
	Khoản vay nhận được	1.100.596.299	1.110.047.116
	Hoàn trả gốc vay	1.067.228.184	1.006.502.152
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	1.000.000.000	-
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (**)	22.289.435	18.639.630
Hội đồng Thành viên			
Thành viên Hội đồng Thành viên	Mua hàng hóa từ một công ty liên quan của một thành viên (***)	725.041.695	-

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 Nghìn VND
Nhà đầu tư			
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên	Chi phí tài chính và phí giao dịch cho HĐHTKD	-	46.142.803
	Hoàn trả vốn góp HĐHTKD	-	1.000.000.000
	Góp vốn	906.500.000	-
	Hoàn trả gốc vay	906.500.000	-
Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN")	Góp vốn	2.353.199.226	-
	Hoàn trả gốc vay	1.984.282.439	-
	Chuyển chi phí tài chính phải trả từ một bên liên quan cho MRTN	368.916.787	-
	Hoàn trả chi phí tài chính	368.916.787	-
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Chi phí đi vay đã trả	-	28.249.448
	Lãi trái phiếu	9.136.986	-
Công ty mẹ cấp trung			
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan	Nhận vốn góp HĐHTKD	500.000.000	-
	Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD	79.499.305	-
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng hóa	746.609	-
	Mua dịch vụ	1.254.522	-
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	Phí thanh toán hộ	2.050.559	5.357.522
Công ty con			
Công ty TNHH Vonfram Masan	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay	-	31.148.896
	Bán tinh quặng vonfram	1.134.388.186	1.497.062.465
	Mua hàng hóa	3.443.113	-
	Thu nhập từ phí dịch vụ	58.600.618	45.064.227
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	34.101.099	21.826.101
	Khoản vay nhận được	1.100.596.299	1.110.047.116
	Hoàn trả gốc vay	1.067.228.184	1.006.502.152
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	1.000.000.000	-
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (**)	22.289.435	13.736.026
Hội đồng Thành viên			
Thành viên Hội đồng Thành viên	Mua hàng hóa từ một công ty liên quan của một thành viên (***)	725.041.695	-

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Số trái phiếu này đã được niêm yết và bán cho một số nhà đầu tư theo thỏa thuận thu xếp.
- (**) Không có khoản phí quản lý nào được thanh toán cho các thành viên Hội đồng Quản trị cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019.
- (***) Trong năm 2018, Công ty đã bán hàng cho một công ty liên quan của một thành viên HĐQT và sau đó, vào năm 2019, Công ty đã mua số hàng hóa này từ công ty liên quan đó. Giao dịch này được HĐQT phê duyệt vào ngày 25 tháng 3 năm 2019.

37. Nghĩa vụ tiềm tàng

Vụ kiện Jacobs E&C Australia PTY Limited

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, một hội đồng gồm ba trọng tài viên được Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore chỉ định (“Hội đồng Trọng tài”) đã đưa ra phán quyết chung thẩm từng phần, theo đó chấp nhận khoản bồi thường cho NPM phát sinh từ các hành vi của Jacobs (“Phán quyết Chung thẩm Từng phần”). Vụ việc có liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng thiết kế và cung cấp thiết bị (“Hợp đồng EPSA”) giữa NPM và Jacobs năm 2011 cho mục đích thiết kế, cung cấp thiết bị và quản lý thi công xây dựng dây chuyền chế biến khoáng sản của NPM tại tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Ngoài Phán quyết Chung thẩm Từng phần, Hội đồng Trọng tài cũng sẽ cân nhắc các khoản bồi thường liên quan đến chi phí lãi vay và chi phí khác phát sinh mà sẽ được xác định trong thời gian tới. NPM sau đó đã gửi đơn yêu cầu việc thi hành án của Phán quyết Chung thẩm Từng phần tại Úc. Ngày xét xử việc thi hành án sẽ bắt đầu từ ngày 4 tháng 9 năm 2019. NPM chưa nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào liên quan đến Phán quyết Chung thẩm Từng phần trên.

38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, và số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã soát xét của Công ty và Tập đoàn cho kỳ sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:

Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



BẢN SAO

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản
Núi Pháo và công ty con

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 19-11-2019

SỐ CHỨNG THỰC 112597 QUYỀN SỐ 03CT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4600864513 ngày 24/10/2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 24 tháng 10 năm 2014. Giấy Chứng nhận và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4600864513 được cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 17121000026 ngày 21/7/2010
17121000026-điều chỉnh lần 1 ngày 23/2/2011
17121000026-điều chỉnh lần 2 ngày 6/2/2013
17121000026-điều chỉnh lần 3 ngày 23/7/2015

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư "Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo". Giấy Chứng nhận Đầu tư hết hạn vào ngày 2 tháng 2 năm 2034.

Hội đồng Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Quang Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng Phó Chủ tịch
Ông Chetan Prakash Baxi Thành viên
Ông Nguyễn Thiều Nam Thành viên

Ban Giám đốc
Ông Craig Richard Bradshaw Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký
Xóm 2, Xã Hà Thượng
Huyện Đại Từ
Tỉnh Thái Nguyên
Việt Nam

Văn phòng đại diện Hà Nội
106 Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn và Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
TNHH
KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN
NÚI PHÁO
H. ĐÀ LẠT - T. THÁI NGUYÊN
Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Phạm Hùng Road, Mễ Trì Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Nhà đầu tư
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

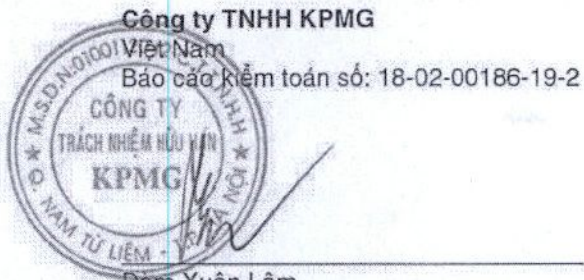
Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2019

Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2018-007-1

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.305.593.647	3.437.253.567	3.433.397.796	3.490.809.059
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	458.214.437	776.324.309	317.619.910	411.902.705
Tiền	111		263.214.437	82.128.309	122.619.910	23.902.705
Các khoản tương đương tiền	112		195.000.000	694.196.000	195.000.000	388.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	32.500.000	-	32.500.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	32.500.000	-	32.500.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.623.089.055	870.748.278	1.837.646.097	1.926.421.132
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	960.321.689	368.595.772	718.852.961	756.485.845
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		175.750.070	78.568.121	120.269.436	72.469.162
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	-	-	-	652.143.223
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	487.017.296	430.439.949	998.523.700	445.322.902
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(6.855.564)	-	-
Hàng tồn kho	140		1.616.784.263	1.384.115.528	1.164.644.304	1.050.295.640
Hàng tồn kho	141	10	1.616.784.263	1.384.115.528	1.164.644.304	1.050.295.640
Tài sản ngắn hạn khác	150		607.505.892	373.565.452	113.487.485	69.689.582
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		45.996.377	47.822.640	41.625.516	37.094.998
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		561.509.515	325.742.812	71.861.969	32.594.584
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		19.692.759.269	19.555.922.288	19.644.332.491	18.440.109.521
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.335.307.630	1.346.793.937	1.335.307.630	1.346.793.937
Phải thu dài hạn khác	216	9	1.335.307.630	1.346.793.937	1.335.307.630	1.346.793.937
Tài sản cố định	220		14.313.087.011	14.750.787.413	12.859.617.916	13.207.993.973
Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.813.235.974	14.203.798.246	12.361.085.160	12.663.460.299
Nguyên giá	222		17.585.676.577	16.985.103.948	15.778.011.456	15.193.489.990
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.772.440.603)	(2.781.305.702)	(3.416.926.296)	(2.530.029.691)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	-	4.486.667	-	4.486.667
Nguyên giá	225		67.300.000	67.300.000	67.300.000	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(67.300.000)	(62.813.333)	(67.300.000)	(62.813.333)
Tài sản cố định vô hình	227	13	499.851.037	542.502.500	498.532.756	540.047.007
Nguyên giá	228		689.745.726	689.745.726	684.059.670	684.059.670
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(189.894.689)	(147.243.226)	(185.526.914)	(144.012.663)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.429.178.901	987.802.403	1.397.177.327	973.151.245
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.429.178.901	987.802.403	1.397.177.327	973.151.245
Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.900.000	-	1.466.977.710	472.611.091
Đầu tư vào công ty con	251	15	-	-	1.461.077.710	472.611.091
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.900.000	-	5.900.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.609.285.727	2.470.538.535	2.585.251.908	2.439.559.275
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	2.608.003.378	2.455.851.744	2.585.251.908	2.439.559.275
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	1.282.349	14.686.791	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.998.352.916	22.993.175.855	23.077.730.287	21.930.918.580

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

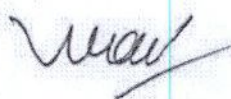
Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
NGUỒN VỐN					
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	18.484.569.909	17.748.970.322	17.394.614.774	17.017.035.886
Nợ ngắn hạn	310	4.098.363.715	4.872.424.737	4.008.408.580	4.140.490.301
Phải trả người bán ngắn hạn	311	526.292.581	433.473.264	553.590.729	436.128.032
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	238.767.155	166.299.166	510.230.521	80.371.151
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	66.544.980	74.405.150	57.947.120	64.784.480
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	692.648.042	783.815.007	678.459.553	748.792.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	106.749.922	1.008.274.497	37.492.961	1.008.194.871
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	2.467.361.035	2.406.157.653	2.170.687.696	1.802.219.677
Nợ dài hạn	330	14.386.206.194	12.876.545.585	13.386.206.194	12.876.545.585
Phải trả dài hạn khác	337	3.993.040.625	1.493.040.625	2.993.040.625	1.493.040.625
Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	9.900.501.285	10.858.709.681	9.900.501.285	10.858.709.681
Dự phòng phải trả dài hạn	342	492.664.284	524.795.279	492.664.284	524.795.279
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	5.513.783.007	5.244.205.533	5.683.115.513	4.913.882.694
Vốn chủ sở hữu	410	5.513.783.007	5.244.205.533	5.683.115.513	4.913.882.694
Vốn góp	411	4.789.010.000	4.789.010.000	4.789.010.000	4.789.010.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	724.772.007	44.425.515	894.105.513	124.872.694
- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a	44.425.515	(316.200.123)	124.872.694	(228.542.674)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	680.346.492	360.625.638	769.232.819	353.415.368
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.000	410.770.018	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	23.998.352.916	22.993.175.855	23.077.730.287	21.930.918.580

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Rajul Bagrodia
P. Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng	01	27	6.865.010.875	5.404.645.101	5.157.803.072	4.544.193.497
Giá vốn hàng bán	11		4.515.070.437	3.524.912.470	3.537.406.794	2.921.838.128
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		2.349.940.438	1.879.732.631	1.620.396.278	1.622.355.369
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	126.475.217	41.903.354	525.832.036	89.256.542
Chi phí tài chính	22	29	1.209.657.244	1.141.950.035	1.137.217.933	1.099.846.065
Chi phí bán hàng	25		104.331.557	135.288.194	91.939.339	108.441.806
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		124.809.079	124.480.762	89.073.977	75.779.255
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		1.037.617.775	519.916.994	827.997.065	427.544.785
Thu nhập khác	31	30	2.088.777	2.254.260	90.002.806	108.837.614
Chi phí khác	32	31	26.054.374	44.849.579	113.749.440	146.795.911
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(23.965.597)	(42.595.319)	(23.746.634)	(37.958.297)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.013.652.178	477.321.675	804.250.431	389.586.488
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	35.017.612	36.171.120	35.017.612	36.171.120
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	32	13.404.442	(14.686.791)	-	-
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		965.230.124	455.837.346	769.232.819	353.415.368
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:						
Chủ sở hữu của Công ty	61		818.984.599	360.625.638	769.232.819	353.415.368
Cổ đông không kiểm soát	62		146.245.525	95.211.708	-	-

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Mai

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:

Rajul

Rajul Bagrodia
P. Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	01	1.013.652.178	477.321.675	804.250.431	389.586.488
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao và phân bổ	02	1.042.841.414	984.237.113	937.465.906	878.442.136
Các khoản dự phòng	03	41.014.656	43.347.293	41.014.656	43.347.293
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.989.532	(5.825.646)	6.733.439	(7.419.101)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(27.532.756)	(5.645.306)	(455.172.857)	(64.587.158)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	1.084.761.117	1.017.020.193	1.040.533.980	976.955.288
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.161.726.141	2.510.455.322	2.374.825.555	2.216.324.946
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(968.227.586)	(454.358.656)	(11.992.883)	(400.163.655)
Biến động hàng tồn kho	10	(232.668.735)	(288.461.847)	(114.348.664)	(227.884.032)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	126.234.684	189.272.779	461.463.368	169.777.986
Biến động chi phí trả trước	12	(107.092.618)	(3.430.621)	(132.043.017)	15.848.798
		1.979.971.886	1.953.476.977	2.577.904.359	1.773.904.043
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(1.051.430.318)	(927.461.293)	(1.017.478.375)	(922.144.272)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	15	(36.171.119)	(13.957.793)	(36.171.119)	(13.957.793)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	892.370.449	1.012.057.891	1.524.254.865	837.801.978
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.076.471.346)	(968.979.963)	(1.033.822.784)	(911.525.108)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.452.381	1.056.182	1.452.381	1.056.182
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(5.900.000)	(32.500.000)	(5.900.000)	(32.500.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		32.500.000		32.500.000	
Tiền thu hồi khoản cho vay tại công ty con	24	-	-	652.143.223	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25	-	-	(460.939.640)	(21.843.877)
Tiền chi mua cổ phần của cổ đông không kiểm soát	25	(695.652.481)	-	(695.652.481)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	25.608.365	9.409.428	66.605.786	6.637.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.718.463.081)	(991.014.353)	(1.443.613.515)	(958.175.791)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

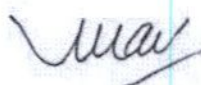
Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Tập đoàn		Công ty		
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền vay nhận được	33	5.017.713.852	2.638.264.656	4.656.787.447	2.638.264.656
Tiền nhận đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	33	2.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu	34	(5.956.320.203)	(2.464.859.317)	(5.289.858.036)	(2.464.859.317)
Tiền chi trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	34	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)	-
Tiền chi trả chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(43.000.000)	-	(32.000.000)	-
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(9.026.327)	(16.271.188)	(9.026.327)	(16.271.188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	509.367.322	157.134.151	(174.096.916)	157.134.151
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(316.725.310)	178.177.689	(93.455.566)	36.760.338
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	776.324.309	600.602.248	411.902.705	375.179.927
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.384.562)	(2.455.628)	(827.229)	(37.560)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	458.214.437	776.324.309	317.619.910	411.902.705

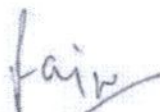
Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Rajul Bagrodia
P. Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty” hoặc “NPM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, flourit, bismuth và đồng tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế	
		31/12/2018	1/1/2018
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck – thay đổi từ ngày 11/9/2018) (Thuyết minh 5)	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	51%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại công ty con.

Công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1.150 nhân viên (1/1/2018: 1.073 nhân viên) và Tập đoàn có 1.404 nhân viên (1/1/2018: 1.363 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công ty con

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn và Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ.

(ii) Khấu hao

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Máy móc và thiết bị của công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Tài sản cố định hữu hình của công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm như sau:

Tại ngày 31/12/2018 và 1/1/2018

Nhà máy ST
Nhà máy APT

125.140 tấn vonfram
120.265 tấn vonfram

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 20 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 15 năm
- dụng cụ vận phòng 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 3 – 6 năm
- các tài sản khai thác khoáng sản khác 19 năm

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng cố liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần 'Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ').

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng đối với phí dịch vụ.

(l) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HDHTKD) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HDHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty nhận vốn góp dưới hình thức tài sản tài chính từ các bên khác và do đó tiếp nhận một nghĩa vụ hợp đồng – phải chi trả tiền hoặc tài sản tài chính khác cho các bên khác theo HDHTKD, Công ty sẽ ghi nhận nợ phải trả tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận cho các bên khác của HDHTKD có bản chất là chi phí tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là chi phí tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HDHTKD và được ghi nhận là chi phí khi khả năng phải phân chia các khoản này là chắc chắn.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013, Nghị định 158/2016 - CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) và Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 (“Thông tư 38”).

Theo Nghị định 158/2016 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2017, quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo thông tư 38, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) hướng dẫn phương pháp quy đổi dựa vào các thông số khác nhau để xác định hệ số quy đổi để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 158/2016.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Công ty làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bán mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động khai thác. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(t) Thu nhập từ lợi nhuận được chia

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(x) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	942.301.136	1.381.223.555	4.215.790.172	325.696.012	6.865.010.875
Lợi nhuận gộp của bộ phận	552.386.941	903.148.750	792.281.375	102.123.372	2.349.940.438
Chi phí không phân bổ					229.140.636
Thu nhập từ hoạt động tài chính					126.475.217
Chi phí tài chính					1.209.657.244
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					1.037.617.775
Thu nhập khác					2.088.777
Chi phí khác					26.054.374
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					48.422.054
Lợi nhuận thuần sau thuế					965.230.124

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	734.678.468	1.086.632.503	3.220.111.419	363.222.711	5.404.645.101
Lợi nhuận gộp của bộ phận	469.611.108	684.878.785	587.382.807	137.859.931	1.879.732.631
Chi phí không phân bổ					259.768.956
Thu nhập từ hoạt động tài chính					41.903.354
Chi phí tài chính					1.141.950.035
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					519.916.994
Thu nhập khác					2.254.260
Chi phí khác					44.849.579
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					21.484.329
Lợi nhuận thuần sau thuế					455.837.346

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Tài sản của bộ phận	189.244.022	986.121.002	2.012.184.993	1.277.173.865	4.464.723.882
Tài sản không phân bổ					19.533.629.034
Tổng tài sản					23.998.352.916
Tổng nợ phải trả					18.484.569.909
	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018					
Tài sản của bộ phận	204.356.319	1.063.887.954	2.140.273.446	1.392.716.528	4.801.234.247
Tài sản không phân bổ					18.191.941.608
Tổng tài sản					22.993.175.855
Tổng nợ phải trả					17.748.970.322

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018					
Chi tiêu vốn của bộ phận	12.582.007	40.755.435	141.991.766	858.003	196.187.211
Chi tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	-	880.284.135
Khấu hao tài sản cố định	14.358.088	74.663.540	146.383.491	96.958.122	332.363.241
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	-	667.826.710
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	213.257.118
Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017					
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	24.189.965	267.919.069	4.295.613	296.404.647
Chi tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	-	672.575.316
Khấu hao tài sản cố định	14.675.248	76.313.898	144.834.782	99.124.558	334.948.486
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	-	606.922.242
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	215.923.740

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý chính như sau:

	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Cộng hòa Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018								
Doanh thu bán ra ngoài	991.899.199	1.262.874.650	813.509.380	995.738.741	655.357.744	1.404.428.741	741.202.420	6.865.010.875
Tài sản của bộ phận	23.998.352.916	-	-	-	-	-	-	23.998.352.916
Chi tiêu vốn	1.076.471.346	-	-	-	-	-	-	1.076.471.346
<hr/>								
	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Cộng hòa Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017								
Doanh thu bán ra ngoài	773.289.698	633.523.148	634.725.734	584.399.940	808.668.959	1.029.182.050	940.855.572	5.404.645.101
Tài sản của bộ phận	22.993.175.855	-	-	-	-	-	-	22.993.175.855
Chi tiêu vốn	968.979.963	-	-	-	-	-	-	968.979.963

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, Công ty mua 49% sở hữu còn lại của công ty H.C Starch GmbH (“HCS”) tại Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck). Sau giao dịch mua lại này, Công ty nắm giữ 99,999% sở hữu tại MTC tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Theo thỏa thuận mua bán nêu trên, số vốn điều lệ 1.000.000 VND do Công ty sở hữu sẽ được chuyển nhượng cho nhà đầu tư của công ty là Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTT”).

Giao dịch mua lại này có những ảnh hưởng sau:

	Ngàn VND
Chi phí mua lại	695.652.481
Tài sản thuần thu được	(557.014.374)
	<hr/>
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	138.638.107
	<hr/>
	Ngàn VND
Chi phí mua lại bao gồm:	
Mua lại vốn	677.958.875
Chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại	17.693.606
	<hr/>
	695.652.481
	<hr/>

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Tiền mặt	138.199	154.080	126.482	135.401
Tiền gửi ngân hàng	263.076.238	77.432.189	122.493.428	19.225.264
Tiền đang chuyển	-	4.542.040	-	4.542.040
Các khoản tương đương tiền	195.000.000	694.196.000	195.000.000	388.000.000
	458.214.437	776.324.309	317.619.910	411.902.705

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
<i>Công ty liên quan</i>				
MTC – công ty con	-	-	-	538.641.474
<i>Công ty liên quan</i>				
Bán cho một công ty liên quan của một thành viên thuộc Hội đồng Thành viên	554.016.930	-	554.016.930	-
<i>Các bên khác</i>				
Khách hàng mua Vonfram	253.451.877	194.170.397	11.983.149	43.418.996
Khách hàng mua Fluorspar	64.623.036	97.070.566	64.623.036	97.070.566
Khách hàng mua Bismuth	51.231.040	75.295.864	51.231.040	75.295.864
Khách hàng mua Đồng	36.524.594	1.912.494	36.524.594	1.912.494
Các khách hàng khác	474.212	146.451	474.212	146.451
	960.321.689	368.595.772	718.852.961	756.485.845

Khoản phải thu thương mại từ công ty con không có đảm bảo, không tính lãi và thu được khi đến hạn. Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, tính lãi 1%/tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán và thu được trong vòng 90 ngày kể từ ngày bán.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ MTC	-	-	-	652.143.223

Các khoản phải thu về cho vay từ MTC không có đảm bảo, chịu lãi và có thể thu được trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

9. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a)	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Phải thu phí thương mại từ các công ty liên quan	10.294.685	10.294.685	27.081.953	28.434.089
Phải thu và lợi nhuận được chia (b)	-	-	555.112.368	-
Phải thu ngắn hạn khác (c)	466.722.611	410.145.264	406.329.379	406.888.813
	487.017.296	430.439.949	998.523.700	445.322.902
Phải thu dài hạn khác				
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (đ)	1.303.754.210	1.319.793.388	1.303.754.210	1.319.793.388
Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (e)	30.990.592	26.359.551	30.990.592	26.359.551
Phải thu dài hạn khác	562.828	640.998	562.828	640.998
	1.335.307.630	1.346.793.937	1.335.307.630	1.346.793.937

(a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.

(b) Hội đồng Thành viên của công ty con đã quyết định phân chia lợi nhuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tạm tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (c) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một nhà đầu tư và một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (d) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được căn trừ với tiền thuê đất hàng năm.
- (e) Công ty phải ký quỹ cho nghĩa vụ đóng cửa mỏ và nghĩa vụ phục hồi môi trường cho Quỹ Bảo vệ Môi trường với tổng số tiền ký quỹ là 52.266 triệu VND. Các khoản ký quỹ được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong suốt thời gian khai thác mỏ. Trong năm, Công ty đã nộp tiền ký quỹ lần thứ chín cho Quỹ Bảo vệ Môi trường để phục vụ hoạt động phục hồi môi trường của Dự án. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

10. Hàng tồn kho

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.063.835	23.743.789	10.582.310	23.743.789
Nguyên vật liệu	161.741.099	185.755.478	116.635.718	174.797.202
Công cụ và dụng cụ	556.865.085	571.169.312	545.497.988	506.610.475
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	139.717.724	76.576.442	6.486.583	5.362.250
Thành phẩm	722.157.166	402.283.529	485.441.705	339.781.924
Hàng gửi đi bán	11.239.354	124.586.978	-	-
	1.616.784.263	1.384.115.528	1.164.644.304	1.050.295.640

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	4.280.531.925	12.622.626.899	41.366.633	21.091.789	19.486.702	16.985.103.948
Tăng trong năm	-	2.622.541	742.913	-	-	3.365.454
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	455.150.296	141.885.781	-	4.786.839	-	601.822.916
Thanh lý	-	-	-	(4.615.741)	-	(4.615.741)
Số dư cuối năm	4.735.682.221	12.767.135.221	42.109.546	21.262.887	19.486.702	17.585.676.577
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	561.409.593	2.166.506.639	33.275.230	16.968.405	3.145.835	2.781.305.702
Khấu hao trong năm	253.257.686	736.076.873	3.466.727	1.853.386	1.048.612	995.703.284
Thanh lý	-	-	-	(4.568.383)	-	(4.568.383)
Số dư cuối năm	814.667.279	2.902.583.512	36.741.957	14.253.408	4.194.447	3.772.440.603
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.719.122.332	10.456.120.260	8.091.403	4.123.384	16.340.867	14.203.798.246
Số dư cuối năm	3.921.014.942	9.864.551.709	5.367.589	7.009.479	15.292.255	13.813.235.974

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.998.885.350	11.118.053.462	35.972.687	21.091.789	19.486.702	15.193.489.990
Tăng trong năm	-	589.653	643.412	-	-	1.233.065
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	451.323.867	131.793.435	-	4.786.840	-	587.904.142
Thanh lý	-	-	-	(4.615.741)	-	(4.615.741)
Số dư cuối năm	4.450.209.217	11.250.436.550	36.616.099	21.262.888	19.486.702	15.778.011.456
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	511.395.870	1.968.564.551	29.955.030	16.968.405	3.145.835	2.530.029.691
Khấu hao trong năm	230.040.923	656.697.062	1.825.005	1.853.386	1.048.612	891.464.988
Thanh lý	-	-	-	(4.568.383)	-	(4.568.383)
Số dư cuối năm	741.436.793	2.625.261.613	31.780.035	14.253.408	4.194.447	3.416.926.296
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.487.489.480	9.149.488.911	6.017.657	4.123.384	16.340.867	12.663.460.299
Số dư cuối năm	3.708.772.424	8.625.174.937	4.836.064	7.009.480	15.292.255	12.361.085.160

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản có nguyên giá là 36.275 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 36.480 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 12.361 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (1/1/2018: 12.663 tỷ VND) (Thuyết minh 22(b)(ii)).

12. Tài sản cố định thuê tài chính

Tập đoàn và Công ty:

	Máy móc và thiết bị Nghìn VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	62.813.333
Khấu hao trong năm	4.486.667
Số dư cuối năm	67.300.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.486.667
Số dư cuối năm	-

Công ty thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính dựa trên điều khoản và điều kiện của hợp đồng thuê. Thiết bị thí nghiệm này đảm bảo nghĩa vụ thuê (Thuyết minh 22(b)(iii)).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình thuê tài chính của Tập đoàn và Công ty có các tài sản với nguyên giá 67.300 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: Không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	101.374.908	588.370.818	689.745.726
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	50.223.525	97.019.701	147.243.226
Khấu hao trong năm	12.101.133	30.550.330	42.651.463
Số dư cuối năm	62.324.658	127.570.031	189.894.689
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	51.151.383	491.351.117	542.502.500
Số dư cuối năm	39.050.250	460.800.787	499.851.037

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	95.688.852	588.370.818	684.059.670
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	46.992.962	97.019.701	144.012.663
Khấu hao trong năm	10.963.921	30.550.330	41.514.251
Số dư cuối năm	57.956.883	127.570.031	185.526.914
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	48.695.890	491.351.117	540.047.007
Số dư cuối năm	37.731.969	460.800.787	498.532.756

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản với nguyên giá 12.007 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 9.989 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại là 499 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành bởi Công ty (1/1/2018: 540 tỷ VND) (Thuyết minh 22(b)(ii)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Số dư đầu năm	987.802.403	1.681.618.571	973.151.245	1.674.387.850
Tăng trong năm	1.064.767.223	802.396.482	1.016.623.493	753.891.894
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(601.822.916)	(1.440.359.745)	(587.904.142)	(1.399.275.594)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(10.337.244)	-	(10.337.244)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(16.874.540)	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16)	(4.693.269)	(45.515.661)	(4.693.269)	(45.515.661)
Số dư cuối năm	1.429.178.901	987.802.403	1.397.177.327	973.151.245

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn và Công ty trị giá là 41 tỷ VND (2017: 92 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của Công ty chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ và nhà xưởng, chi phí xây dựng nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng; được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty.

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Đầu tư vào công ty con				
Đầu tư vào MTC	-	-	1.461.077.710	472.611.091

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn:

	Chi phí trước hoạt động Nghìn VND	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	2.093.948	1.081.306.579	2.000.000	1.317.524.375	52.926.842	2.455.851.744
Tăng trong năm	-	-	-	270.210.959	33.433.774	303.644.733
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	4.693.269	-	-	-	4.693.269
Chuyển từ phải thu dài hạn	-	14.419.287	-	-	-	14.419.287
Phân bổ trong năm	(2.093.948)	(68.796.443)	(2.000.000)	(85.078.030)	(12.637.234)	(170.605.655)
Số dư cuối năm	-	1.031.622.692	-	1.502.657.304	73.723.382	2.608.003.378

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Tiền đóng góp cho Ủy ban				
	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Nhân dân tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	1.081.306.579	2.000.000	1.317.524.375	38.728.321	2.439.559.275
Tăng trong năm	-	-	270.210.959	22.329.769	292.540.728
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	4.693.269	-	-	-	4.693.269
Chuyển từ phải thu dài hạn	14.419.287	-	-	-	14.419.287
Phân bổ trong năm	(68.796.443)	(2.000.000)	(85.078.030)	(10.086.178)	(165.960.651)
Số dư cuối năm	1.031.622.692	-	1.502.657.304	50.971.912	2.585.251.908

Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên

Ngày 20 tháng 7 năm 2010, Công ty đã ký thỏa thuận với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên, theo đó bắt đầu từ năm 2015, Công ty cam kết đóng góp 1 triệu USD mỗi năm cho Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn của Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Số tiền đóng góp sẽ được xem xét và điều chỉnh 5 năm một lần nhưng không tăng quá 15%.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.282.349	14.686.791	-	-

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

Tập đoàn:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
<i>Các bên khác</i>				
Nhà thầu khai thác mỏ	160.034.508	160.034.508	110.407.210	110.407.210
Nhà thầu xây dựng đập chứa đuôi quặng	21.923.474	21.923.474	8.994.868	8.994.868
Nhà thầu tư vấn	5.416.545	5.416.545	5.416.545	5.416.545
Các nhà cung cấp khác	338.918.054	338.918.054	308.654.641	308.654.641
	526.292.581	526.292.581	433.473.264	433.473.264

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
<i>Bên liên quan</i>				
MTC - công ty con	144.891.935	144.891.935	47.824.071	47.824.071
<i>Các bên khác</i>				
Nhà thầu khai thác mỏ	160.034.508	160.034.508	110.407.210	110.407.210
Nhà thầu xây dựng đập chứa đuôi quặng	21.923.474	21.923.474	8.994.868	8.994.868
Nhà thầu tư vấn	5.416.545	5.416.545	5.416.545	5.416.545
Các nhà cung cấp khác	221.324.267	221.324.267	263.485.338	263.485.338
	553.590.729	553.590.729	436.128.032	436.128.032

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu của công ty liên quan.

11/01/2019

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tập đoàn

	1/1/2018 Nghìn VND	Số phải nộp trong năm Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	610.900.866	(610.900.866)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	186.761.323	(186.761.323)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.171.119	35.017.612	(36.171.119)	35.017.612
Thuế bảo vệ môi trường	-	6.549.018	(6.549.018)	-
Thuế thu nhập cá nhân	34.813.111	149.717.711	(154.884.701)	29.646.121
Thuế tài nguyên	-	555.686.881	(555.686.881)	-
Các loại thuế khác	3.420.920	23.174.637	(24.714.310)	1.881.247
	74.405.150	1.567.808.048	(1.575.668.218)	66.544.980

Công ty:

	1/1/2018 Nghìn VND	Số phải nộp trong năm Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	405.538.490	(405.538.490)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	186.105.462	(186.105.462)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.171.119	35.017.612	(36.171.119)	35.017.612
Thuế bảo vệ môi trường	-	6.549.018	(6.549.018)	-
Thuế thu nhập cá nhân	26.538.437	135.109.474	(140.539.325)	21.108.586
Thuế tài nguyên	-	555.686.881	(555.686.881)	-
Các loại thuế khác	2.074.924	18.208.482	(18.462.484)	1.820.922
	64.784.480	1.342.215.419	(1.349.052.779)	57.947.120

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Tiền thưởng	83.288.151	50.729.204	77.861.500	34.374.776
Tiền lãi vay và chi phí tài chính khác	246.147.878	313.323.057	245.854.627	311.297.544
Thuế và phí tài nguyên	10.034.090	145.839.605	10.034.090	145.839.605
Chi phí xây dựng phải trả	80.589.745	57.969.060	80.329.654	57.969.060
Phí tư vấn	2.238.200	1.126.242	2.238.200	1.126.242
Chi phí hoạt động	270.349.978	214.827.839	262.141.482	198.184.863
	692.648.042	783.815.007	678.459.553	748.792.090

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Ngắn hạn:				
Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất				
Trả hộ NPM (a)	-	321.691	-	321.691
Phải trả Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“MSR”) – công ty mẹ cấp trung				
Trả hộ NPM (a)	-	2.242.379	-	2.242.379
Phần lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (c)	44.598.599	-	32.922.901	-
Phải trả Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTT”) – Nhà đầu tư				
Chi phí tài chính – ngắn hạn (a)	-	4.734.722	-	4.734.722
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (b)	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Lợi nhuận phân phối phải trả (d)	169	-	-	-
Phải trả khác cho bên thứ ba				
Phải trả khác – ngắn hạn	62.151.154	975.705	4.570.060	896.079
	106.749.922	1.008.274.497	37.492.961	1.008.194.871
Dài hạn:				
Phải trả MSN – công ty mẹ cấp cao nhất				
Chi phí tài chính – dài hạn (a)	583.049.664	583.049.664	583.049.664	583.049.664
Phải trả MSR – công ty mẹ cấp trung				
Chi phí tài chính – dài hạn (a)	909.990.961	909.990.961	909.990.961	909.990.961
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (c)	2.500.000.000	-	1.500.000.000	-
	3.993.040.625	1.493.040.625	2.993.040.625	1.493.040.625

(a) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Khoản phải trả nhà đầu tư theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) ngày 20 tháng 10 năm 2016, không được đảm bảo và phải hoàn trả vào cuối tháng thứ 24 kể từ ngày nhận được khoản tiền hợp tác hoặc theo thỏa thuận của các bên ký kết hợp đồng. Khoản phân chia lợi nhuận, bao gồm phần phân chia lợi nhuận tối thiểu được bảo đảm bởi Công ty dựa trên các điều khoản thỏa thuận. Khi kết thúc HĐHTKD, các bên ký kết hợp đồng sẽ tính toán lại kết quả kinh doanh của HĐHTKD trong toàn bộ thời hạn hợp đồng và thỏa thuận chi tiết về việc phân chia lợi nhuận cụ thể mà không trái với nguyên tắc phân chia lợi nhuận tối thiểu. Khoản đóng góp theo HĐHTKD đã hoàn trả toàn bộ vào tháng 6 năm 2018.

(c) Các khoản phải trả công ty mẹ cấp trung – MSR trị giá 1.000 tỷ VND và 500 tỷ VND theo HĐHTKD ngày 21 tháng 9 năm 2018 và được sửa đổi ba lần, không được đảm bảo và phải hoàn trả vào cuối tháng thứ 36 và 60 kể từ ngày nhận được tiền từ HĐHTKD, hoặc theo thỏa thuận giữa các bên ký kết hợp đồng. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

Các khoản một công ty con phải trả công ty mẹ cấp trung – MSR trị giá 1.000 tỷ VND theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và được sửa đổi hai lần, không được đảm bảo và phải trả vào cuối tháng thứ 60 kể từ ngày nhận được tiền từ HĐHTKD, hoặc theo thỏa thuận giữa các bên ký kết hợp đồng. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

(d) Hội đồng Thành viên của công ty con đã quyết định phân chia lợi nhuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tạm tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tập đoàn:

	1/1/2018		Biến động trong năm			31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.397.131.326	2.397.131.326	3.517.713.852	(3.456.320.203)	8.836.060	2.467.361.035	2.467.361.035
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	9.026.327	9.026.327	2.500.000.000	(2.509.026.327)	-	-	-
	2.406.157.653	2.406.157.653	6.017.713.852	(5.965.346.530)	8.836.060	2.467.361.035	2.467.361.035

Công ty:

	1/1/2018		Biến động trong năm			31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	1.793.193.350	1.793.193.350	3.156.787.447	(2.789.858.036)	10.564.935	2.170.687.696	2.170.687.696
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	9.026.327	9.026.327	2.500.000.000	(2.509.026.327)	-	-	-
	1.802.219.677	1.802.219.677	5.656.787.447	(5.298.884.363)	10.564.935	2.170.687.696	2.170.687.696

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	1.160.156.911	903.910.500	1.160.156.911	903.910.500
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	808.600.820	567.938.909	808.600.820	567.938.909
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	201.929.965	321.343.941	201.929.965	321.343.941
Khoản vay từ một nhà đầu tư trước đây của công ty con (iii)	USD	-	603.937.976	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	USD	296.673.339	-	-	-
		2.467.361.035	2.397.131.326	2.170.687.696	1.793.193.350

- (i) Khoản vay bằng USD từ một bên liên quan chịu lãi suất từ 4,01% đến 4,78% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của Công ty. Tại ngày báo cáo, các khoản vay này được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tâm nhìn Masan nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công ty. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD và VND chịu lãi suất lần lượt trong khoảng từ 4,5% đến 5,5% và từ 6,8% đến 10,3% một năm.
- (iii) Khoản vay bằng USD từ một nhà đầu tư trước đây của công ty con không được đảm bảo và chịu lãi suất 6% một năm.
- (iv) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tâm nhìn Masan nắm giữ. Các khoản giải ngân bằng USD chịu lãi suất trong khoảng từ 5% đến 5,2% một năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Tập đoàn và Công ty</u>	
	<u>31/12/2018</u>	<u>1/1/2018</u>
	<u>Ngàn VND</u>	<u>Ngàn VND</u>
Vay dài hạn (i)	2.890.782.439	2.890.782.439
Phát hành trái phiếu dài hạn (ii)	7.009.718.846	7.967.927.242
Nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	-	9.026.327
	<hr/>	<hr/>
	9.900.501.285	10.867.736.008
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a))	-	(9.026.327)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9.900.501.285	10.858.709.681

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	<u>Tập đoàn và Công ty</u>	
			<u>31/12/2018</u>	<u>1/1/2018</u>
			<u>Ngàn VND</u>	<u>Ngàn VND</u>
Khoản vay không đảm bảo từ một bên liên quan (*)	VND	2020	2.890.782.439	2.890.782.439

(*) Khoản vay một bên liên quan không được đảm bảo, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và chịu lãi suất trên cơ sở thỏa thuận của các bên. Bên cho vay có quyền chuyển đổi khoản cho vay này thành vốn góp tại Công ty trước hoặc vào ngày đáo hạn của các khoản vay. Công ty cũng có quyền hoàn trả khoản vay trước ngày đáo hạn. Việc hoàn trả trước ngày đáo hạn sẽ bị tính phí trả trước không thấp hơn 5% giá trị của khoản trả trước, và cần có sự nhất trí của các bên liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Interest Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn và Công ty	
				31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	VND	8%	2020	5.519.052.180	7.967.927.242
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (**)	VND	9,5%	2020	994.333.333	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (***)	VND	10%	2023	496.333.333	-
				7.009.718.846	7.967.927.242

(*) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của Công ty.

(**) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 9,5% một năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,44% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (Thuyết minh 33).

(***) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,22% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (Thuyết minh 33).

Giá trị trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	1/1/2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND	Nợ gốc Nghìn VND
Trong vòng một năm	9.398.868	372.541	9.026.327

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

Tập đoàn và Công ty:

	Khôi phục môi trường mỏ Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	24.343.637	500.451.642	524.795.279
Dự phòng lập trong năm	1.874.460	39.140.196	41.014.656
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(73.145.651)	(73.145.651)
Số dư cuối năm	26.218.097	466.446.187	492.664.284

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn:

	Vốn góp Nghìn VND	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.789.010.000	(316.200.123)	4.472.809.877	315.558.310	4.788.368.187
Lợi nhuận thuần trong năm	-	360.625.638	360.625.638	95.211.708	455.837.346
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.789.010.000	44.425.515	4.833.435.515	410.770.018	5.244.205.533
Lợi nhuận thuần trong năm	-	818.984.599	818.984.599	146.245.525	965.230.124
Mua phần vốn của cổ đông không kiểm soát	-	(138.638.107)	(138.638.107)	(557.014.374)	(695.652.481)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(169)	(169)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.789.010.000	724.772.007	5.513.782.007	1.000	5.513.783.007

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Vốn góp Nghìn VND	(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.789.010.000	(228.542.674)	4.560.467.326
Lợi nhuận thuần trong năm	-	353.415.368	353.415.368
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.789.010.000	124.872.694	4.913.882.694
Lợi nhuận thuần trong năm	-	769.232.819	769.232.819
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.789.010.000	894.105.513	5.683.115.513

25. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2018 và 1/1/2018	
	Được duyệt và đã góp Nghìn VND	%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	718.351.500	15%
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN")	4.070.658.500	85%
	4.789.010.000	100%

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên đều được thành lập tại Việt Nam. Công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, cũng được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Trong vòng một năm	2.460.000	2.806.500
Trong vòng hai đến năm năm	5.740.000	9.791.000
Sau năm năm	-	2.079.000
	8.200.000	14.676.500

(b) Ngoại tệ các loại

Tập đoàn:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	9.766.512	227.402.336	2.767.589	62.713.581

Công ty:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	4.574.532	105.854.658	595.823	13.501.361

(c) Xóa sổ nợ phải thu khó đòi

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi	16.433.002	9.577.438	9.577.438	9.577.438

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn và Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	24.397.849	4.676.153	22.394.049	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	57.111.513	267.822.247	43.564.746	188.111.575
	81.509.362	272.498.400	65.958.795	188.111.575

(e) Điều chỉnh giá bán chính thức

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(r), Tập đoàn có các cam kết theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường tương lai niêm yết tại London Metal Bulletin ("LMB") tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng doanh thu tính theo giá thị trường đã ghi nhận trên cơ sở ước tính sơ bộ là 384 tỷ VND (31/12/2017: 65 tỷ VND).

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Thu nhập lãi tiền gửi	26.127.733	9.409.428	66.780.968	63.962.660
Lãi chênh lệch tỷ giá	59.710.104	31.244.190	31.426.822	24.044.144
Thu nhập từ lợi nhuận được chia	-	-	386.986.866	-
Các khoản khác	40.637.380	1.249.736	40.637.380	1.249.738
	126.475.217	41.903.354	525.832.036	89.256.542

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	922.379.894	877.247.873	899.313.596	839.265.565
Chi phí tài chính cho HĐHTKD	76.790.955	50.079.157	67.672.479	50.079.157
Chi phí đi vay	85.590.268	89.693.163	73.547.903	87.610.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá	62.956.443	29.937.582	34.744.271	27.898.517
Chi phí tài chính khác	61.939.684	94.992.260	61.939.684	94.992.260
	<u>1.209.657.244</u>	<u>1.141.950.035</u>	<u>1.137.217.933</u>	<u>1.099.846.065</u>

30. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Thu nhập từ các chi phí yêu cầu công ty con hoàn trả	-	-	87.944.526	107.165.938
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.405.023	1.056.182	1.405.023	651.387
Các khoản khác	683.754	1.198.078	653.257	1.020.289
	<u>2.088.777</u>	<u>2.254.260</u>	<u>90.002.806</u>	<u>108.837.614</u>

31. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Chi phí liên quan đến các khoản yêu cầu công ty con hoàn trả	-	-	87.944.526	107.165.938
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	4.820.304	-	26.889
Các khoản khác	26.054.374	40.029.275	25.804.914	39.603.084
	<u>26.054.374</u>	<u>44.849.579</u>	<u>113.749.440</u>	<u>146.795.911</u>

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành				
Năm hiện hành	35.017.612	36.171.120	35.017.612	36.171.120
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh/(hoàn nhập) chênh lệch tạm thời	13.404.442	(14.686.791)	-	-
Chi phí thuế thu nhập	48.422.054	21.484.329	35.017.612	36.171.120

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.013.652.178	477.321.675	804.250.431	389.586.488
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	152.047.827	71.598.251	120.637.565	58.437.973
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.924.546	9.351.550	1.903.463	7.729.099
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	1.046.025	-	1.046.025	-
Thu nhập không bị tính thuế	-	-	(58.048.030)	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(25.522.959)	(9.759.174)	-	-
Ưu đãi thuế	(81.283.126)	(48.822.815)	(30.833.510)	(36.171.120)
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(9.149.105)	-	-
Biến động chênh lệch tạm thời	209.741	8.265.622	312.099	6.175.168
Chi phí thuế thu nhập	48.422.054	21.484.329	35.017.612	36.171.120

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (2014-2025) và thuế suất thuế thu nhập thông thường theo Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024).

Ngày 25 tháng 3 năm 2015, công ty con của Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao. Do đó công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2029). Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2019-2027).

Tất cả các điều khoản miễn giảm thuế nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác và thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất thông thường là 20%.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Lãnh đạo tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn và Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính và trong năm tài chính như sau.

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn và Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ với 547.298 triệu VND (1/1/2018: Không) của các khoản trái phiếu đã phát hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, bao gồm trong số dư của khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn của Công ty là khoản trả trước từ MTC tương đương 286.007 triệu VND (1/1/2018: Không).

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Nhà đầu tư Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên	Chi phí tài chính và phí giao dịch cho HĐHTKD Hoàn trả vốn góp HĐHTKD	46.976.136 1.000.000.000	87.544.192 -
Công ty mẹ cấp trung Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan	Chi phí đi vay đã trả Chi phí tài chính cho HĐHTKD Góp vốn HĐHTKD	- 44.598.599 2.500.000.000	28.249.448 - -
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay Khoản vay nhận được Khoản vay đã trả Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*) Chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	68.377.959 1.651.044.370 1.406.718.782 1.300.000.000 24.550.000	42.134.207 1.194.606.630 977.695.578 - -
Cán bộ quản lý chủ chốt	Lương, thưởng và các phúc lợi khác	29.448.024	23.444.644
Hội đồng Thành viên Thành viên thuộc Hội đồng Thành viên	Bán hàng cho một công ty liên quan của một thành viên	720.924.481	-

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Nhà đầu tư			
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên	Chi phí tài chính và phí giao dịch cho HĐHTKD	46.976.136	87.544.192
	Hoàn trả vốn góp HĐHTKD	1.000.000.000	-
Công ty mẹ cấp trung			
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan	Chi phí đi vay đã trả	-	28.249.448
	Chi phí tài chính cho HĐHTKD	32.922.901	-
	Góp vốn HĐHTKD	1.500.000.000	-
Công ty con			
Công ty TNHH Vonfram Masan	Chuyển lãi phải thu thành gốc vay	-	57.295.411
	Thu nhập lãi cho vay	55.148.658	57.325.648
	Thu nhập từ lợi nhuận được chia	555.112.368	-
	Bán tinh quặng vonfram	2.468.928.470	2.337.228.512
	Khoản thu từ một công ty con	87.944.527	107.165.938
	Mua hàng hóa	1.413.896.243	998.716.029
	Mua công cụ, dụng cụ	59.038.865	-
	Tiền thu từ khoản cho vay	652.143.223	-
	Góp vốn	460.939.640	-
	Khoản thanh toán hộ MTC coi như khoản trả trước từ NPM để mua Tungsten Chemical	641.112.031	-
	Bù trừ khoản trả trước từ NPM với khoản mua Tungsten Chemical từ MTC	182.633.591	-
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	68.377.959	42.134.207
	Khoản vay nhận được	1.651.044.370	1.194.606.630
	Khoản vay đã trả	1.406.718.782	977.695.578
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	1.300.000.000	-
	Chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	24.550.000	-
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác	13.716.022	12.405.587
Hội đồng Thành viên			
Thành viên thuộc Hội đồng Thành viên	Bán hàng cho một công ty liên quan của một thành viên	720.924.481	-

(*) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

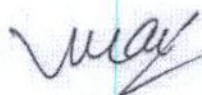
	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Chuyển lãi phải trả thành gốc vay	-	34.097.152	-	-
Chuyển lãi phải thu thành gốc vay	-	-	-	57.295.411
Doanh thu từ lợi nhuận được chia ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư	-	-	168.125.502	-

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

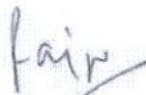
Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Người lập:



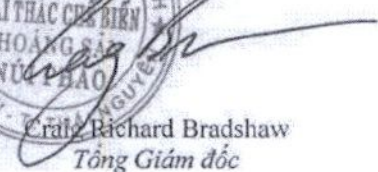
Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Rajul Bagrodia
P. Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc





BẢN SAO

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản
Núi Pháo và công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thông tin về Công ty**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4600864513 ngày 24/10/2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 24 tháng 10 năm 2014. Giấy Chứng nhận và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4600864513 được cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 17121000026 ngày 21/7/2010
17121000026-điều chỉnh lần 1 ngày 23/2/2011
17121000026-điều chỉnh lần 2 ngày 6/2/2013
17121000026-điều chỉnh lần 3 ngày 23/7/2015

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư "Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo". Giấy Chứng nhận Đầu tư hết hạn vào ngày 2 tháng 2 năm 2034.

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Chetan Prakash Baxi	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Xóm 2, Xã Hà Thượng
Huyện Đại Từ
Tỉnh Thái Nguyên
Việt Nam

Văn phòng đại diện Hà Nội

106 Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

11/10/2014

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn và Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 08-03-2018

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 22-11-2019

SỐ CHỨNG THỰC 04106 QUYỂN SỐ 02 SCT/BS



**CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Ngà**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Nhà đầu tư
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 08-03-2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất và riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-02-313



Trần Anh Quán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 08 -03- 2018

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3064-2014-007-1

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.437.253.567	2.486.947.242	3.490.809.059	2.744.558.299
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	776.324.309	600.602.248	411.902.705	375.179.927
Tiền	111		82.128.309	535.602.248	23.902.705	310.179.927
Các khoản tương đương tiền	112		694.196.000	65.000.000	388.000.000	65.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.500.000	-	32.500.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		32.500.000	-	32.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		870.748.278	594.124.159	1.926.421.132	1.459.746.988
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	368.595.772	271.197.824	756.485.845	524.208.904
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		78.568.121	42.094.159	72.469.162	40.431.370
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	-	-	652.143.223	594.847.812
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	430.439.949	287.687.740	445.322.902	300.258.902
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.855.564)	(6.855.564)	-	-
Hàng tồn kho	140		1.384.115.528	1.095.653.681	1.050.295.640	822.411.608
Hàng tồn kho	141	8	1.384.115.528	1.095.653.681	1.050.295.640	822.411.608
Tài sản ngắn hạn khác	150		373.565.452	196.567.154	69.689.582	87.219.776
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		47.822.640	61.782.483	37.094.998	58.927.668
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		325.742.812	134.784.671	32.594.584	28.292.108
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		19.555.922.288	19.709.130.669	18.440.109.521	18.560.989.557
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.346.793.937	1.379.457.775	1.346.793.937	1.379.457.775
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.346.793.937	1.379.457.775	1.346.793.937	1.379.457.775
Tài sản cố định	220		14.750.787.413	14.284.659.205	13.207.993.973	12.676.487.479
Tài sản cố định hữu hình	221	9	14.203.798.246	13.692.180.897	12.663.460.299	12.087.601.875
Nguyên giá	222		16.985.103.948	15.548.970.367	15.193.489.990	13.796.693.754
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.781.305.702)	(1.856.789.470)	(2.530.029.691)	(1.709.091.879)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	4.486.667	17.946.667	4.486.667	17.946.667
Nguyên giá	225		67.300.000	67.300.000	67.300.000	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(62.813.333)	(49.353.333)	(62.813.333)	(49.353.333)
Tài sản cố định vô hình	227	11	542.502.500	574.531.641	540.047.007	570.938.937
Nguyên giá	228		689.745.726	679.408.482	684.059.670	673.722.426
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(147.243.226)	(104.876.841)	(144.012.663)	(102.783.489)
Tài sản dở dang dài hạn	240		987.802.403	1.681.618.571	973.151.245	1.674.387.850
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	987.802.403	1.681.618.571	973.151.245	1.674.387.850
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-	472.611.091	472.147.214
Đầu tư vào công ty con	251	13	-	-	472.611.091	472.147.214
Tài sản dài hạn khác	260		2.470.538.535	2.363.395.118	2.439.559.275	2.358.509.239
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.455.851.744	2.363.395.118	2.439.559.275	2.358.509.239
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	14.686.791	-	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		22.993.175.855	22.196.077.911	21.930.918.580	21.305.547.856

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		17.748.970.322	17.407.709.724	17.017.035.886	16.745.080.530
Nợ ngắn hạn	310		4.872.424.737	3.488.402.472	4.140.490.301	2.804.393.278
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	433.473.264	385.674.705	436.128.032	335.684.721
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		166.299.166	37.027.125	80.371.151	2.539.320
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	74.405.150	43.467.396	64.784.480	29.653.702
Phải trả người lao động	314		-	14.359	-	14.359
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	783.815.007	789.900.364	748.792.090	774.866.444
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.008.274.497	5.315.790	1.008.194.871	5.313.279
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20(a)	2.406.157.653	2.227.002.733	1.802.219.677	1.656.321.453
Nợ dài hạn	330		12.876.545.585	13.919.307.252	12.876.545.585	13.940.687.252
Phải trả dài hạn khác	337	19	1.493.040.625	2.521.290.074	1.493.040.625	2.521.290.074
Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20(b)	10.858.709.681	10.813.671.896	10.858.709.681	10.813.671.896
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	524.795.279	584.345.282	524.795.279	605.725.282
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.244.205.533	4.788.368.187	4.913.882.694	4.560.467.326
Vốn chủ sở hữu	410	22	5.244.205.533	4.788.368.187	4.913.882.694	4.560.467.326
Vốn góp	411	23	4.789.010.000	4.789.010.000	4.789.010.000	4.789.010.000
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	421		44.425.515	(316.200.123)	124.872.694	(228.542.674)
- Lỗ sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(316.200.123)	(493.105.649)	(228.542.674)	(402.591.141)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		360.625.638	176.905.526	353.415.368	174.048.467
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		410.770.018	315.558.310	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		22.993.175.855	22.196.077.911	21.930.918.580	21.305.547.856

Người lập:



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nikhil Kamran
Giám đốc Tài chính

08 -03- 2018

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
01	25	5.404.645.101	4.048.817.337	4.544.193.497	3.489.499.349
11		3.524.912.470	2.766.867.216	2.921.838.128	2.353.115.445
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20	1.879.732.631	1.281.950.121	1.622.355.369	1.136.383.904
Doanh thu hoạt động tài chính	21 26	41.903.354	135.964.704	89.256.542	181.481.691
Chi phí tài chính	22 27	1.141.950.035	967.076.267	1.099.846.065	920.992.311
Chi phí bán hàng	25	135.288.194	132.925.055	108.441.806	116.824.169
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	124.480.762	90.269.883	75.779.255	60.881.807
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	519.916.994	227.643.620	427.544.785	219.167.308
Thu nhập khác	31 28	2.254.260	2.378.755	108.837.614	93.729.562
Chi phí khác	32 29	44.849.579	33.302.892	146.795.911	124.539.296
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40	(42.595.319)	(30.924.137)	(37.958.297)	(30.809.734)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	477.321.675	196.719.483	389.586.488	188.357.574
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 30	36.171.120	14.309.107	36.171.120	14.309.107
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52 30	(14.686.791)	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60	455.837.346	182.410.376	353.415.368	174.048.467
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:					
Chủ sở hữu của Công ty	61	360.625.638	176.905.526	353.415.368	174.048.467
Cổ đông không kiểm soát	62	95.211.708	5.504.850	-	-

Người lập:



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nikhil Kamran
Giám đốc Tài chính

08 -03- 2018

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	01	477.321.675	196.719.483	389.586.488	188.357.574
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao và phân bổ	02	984.237.113	847.525.536	878.442.136	744.906.676
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	43.347.293	50.080.962	43.347.293	45.510.586
Lãi từ hoạt động đầu tư	04	(5.825.646)	20.028.227	(7.419.101)	16.259.150
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	05	(5.645.306)	(73.678.689)	(64.587.158)	(128.483.264)
	06	1.017.020.193	844.725.947	976.955.288	807.677.882
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.510.455.322	1.885.401.466	2.216.324.946	1.674.228.604
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(454.358.656)	(103.021.411)	(400.163.655)	(171.618.041)
Biến động hàng tồn kho	10	(288.461.847)	(27.191.535)	(227.884.032)	(37.390.141)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	189.272.779	9.290.952	169.777.986	(141.353.380)
Biến động chi phí trả trước	12	(3.430.621)	32.071.958	15.848.798	31.914.075
		1.953.476.977	1.796.551.430	1.773.904.043	1.355.781.117
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(927.461.293)	(678.556.710)	(922.144.272)	(675.662.552)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	15	(13.957.793)	(351.315)	(13.957.793)	(351.315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.012.057.891	1.117.643.405	837.801.978	679.767.250
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(968.979.963)	(1.233.798.367)	(911.525.108)	(965.067.417)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.056.182	2.922.729	1.056.182	7.569.056
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(32.500.000)	-	(32.500.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	-	2.100.000	-	2.100.000
Tiền thu hồi khoản cho vay tại công ty con	24	-	-	-	34.122.825
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25	-	-	(21.843.877)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	9.409.428	2.232.398	6.637.012	3.754.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(991.014.353)	(1.226.543.240)	(958.175.791)	(917.521.206)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền vay nhận được	33	2.638.264.656	3.200.895.850	2.638.264.656	3.200.895.850
Tiền nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với một công ty liên quan	33	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Tiền chi trả các khoản vay	34	(2.464.859.317)	(3.848.163.366)	(2.464.859.317)	(3.815.308.866)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(16.271.188)	(14.154.849)	(16.271.188)	(14.154.849)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	157.134.151	338.577.635	157.134.151	371.432.135
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	178.177.689	229.677.800	36.760.338	133.678.179
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	600.602.248	369.637.786	375.179.927	242.512.051
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.455.628)	1.286.662	(37.560)	(1.010.303)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	776.324.309	600.602.248	411.902.705	375.179.927

Người lập:

Nguyễn Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng

Người soát xét:

Nikhil Kamran
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
 Tổng Giám đốc

08 -03- 2018

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty” hoặc “NPM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, flourit, bismuth và đồng tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck (“NPHCS”)	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	51%	51%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại công ty con.

Công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 1.073 nhân viên (1/1/2017: 1.027 nhân viên) và Tập đoàn có 1.363 nhân viên (1/1/2017: 1.343 nhân viên).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với đơn vị này.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Các khoản phải thu

Phải thu ngắn hạn của khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn và Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ.

(ii) Khấu hao

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Công ty.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Máy móc và thiết bị của công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Máy móc và thiết bị của công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm là như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2017</u>	<u>Tại ngày 1/1/2017</u>
Nhà máy ST	125.140 tấn vonfram	91.000 tấn vonfram
Nhà máy APT	120.265 tấn vonfram	86.215 tấn vonfram

Trong năm hiện hành, công ty con của Tập đoàn đã tiến hành rà soát tài sản cố định hữu hình và đã thực hiện các cải tiến kỹ thuật nhằm tháo gỡ nút thắt trong sản xuất và gia tăng hiệu quả sản xuất. Nhờ vậy, sản lượng sản xuất của tài sản cố định hữu hình đã vượt trên công suất thiết kế ban đầu. Điều này dẫn đến thay đổi tổng sản lượng sản xuất dự kiến của các nhà máy ST và APT.

Sự thay đổi trên làm giảm chi phí khấu hao trong năm hiện hành với giá trị là 34.443 triệu VND.

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	19 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ ba (3) đến tám (8) năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

Theo Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2017, quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo Nghị định 158/2016, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) sẽ hướng dẫn phương pháp quy đổi để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tuy nhiên đến nay, MONRE vẫn chưa đưa ra hướng dẫn cho phương pháp tính toán mới cũng như cơ sở xác định các ước tính sẽ được thực hiện.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn như “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chưa nghiệm thu để đưa tài sản vào sử dụng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

15/1
CC
CH
W
/ 17

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng đối với phí dịch vụ.

(l) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty nhận vốn góp dưới hình thức tài sản tài chính từ các bên khác và do đó tiếp nhận một nghĩa vụ hợp đồng – phải chi trả tiền hoặc tài sản tài chính khác cho các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận nợ phải trả tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận cho các bên khác của HĐHTKD có bản chất là chi phí tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là chi phí tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là chi phí khi khả năng phải phân chia các khoản này là chắc chắn.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013 và Nghị định 158/2016 như đề cập tại Thuyết minh 3(i)(ii).

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Công ty làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bần mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động khai thác. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(o) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và ngày điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều khoản trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền mặt	154.080	180.690	135.401	142.150
Tiền gửi ngân hàng	77.432.189	535.421.558	19.225.264	310.037.777
Tiền đang chuyển	4.542.040	-	4.542.040	-
Các khoản tương đương tiền	694.196.000	65.000.000	388.000.000	65.000.000
	776.324.309	600.602.248	411.902.705	375.179.927

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
<i>Công ty liên quan</i>				
NPHCS – công ty con	-	-	538.641.474	414.324.377
<i>Các bên thứ ba</i>				
Khách hàng mua Vonfram	194.170.397	161.313.297	43.418.996	-
Khách hàng mua Fluorspar	97.070.566	53.773.349	97.070.566	53.773.349
Khách hàng mua Bismuth	75.295.864	53.178.862	75.295.864	53.178.862
Khách hàng mua Đồng	1.912.494	1.680.080	1.912.494	1.680.080
Các khách hàng khác	146.451	1.252.236	146.451	1.252.236
	368.595.772	271.197.824	756.485.845	524.208.904

Khoản phải thu thương mại từ công ty con không có đảm bảo, không tính lãi và thu được khi đến hạn.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ NPHCS	-	-	652.143.223	594.847.812

Các khoản phải thu về cho vay từ NPHCS không có đảm bảo, chịu lãi và có thể thu được trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a)	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	10.294.685	10.294.685	28.434.089	27.870.882
Phải thu ngắn hạn khác (b)	410.145.264	267.393.055	406.888.813	262.388.020
	430.439.949	287.687.740	445.322.902	300.258.902
Phải thu dài hạn khác				
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (c)	1.319.793.388	1.356.982.821	1.319.793.388	1.356.982.821
Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (d)	26.359.551	21.833.956	26.359.551	21.833.956
Phải thu dài hạn khác	640.998	640.998	640.998	640.998
	1.346.793.937	1.379.457.775	1.346.793.937	1.379.457.775

- (a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (b) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (c) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được căn trừ với tiền thuê đất hàng năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (d) Công ty phải ký quỹ cho nghĩa vụ đóng cửa mỏ và nghĩa vụ phục hồi môi trường cho Quỹ Bảo vệ Môi trường với tổng số tiền ký quỹ là 52.266 triệu VND. Các khoản ký quỹ được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong suốt thời gian khai thác mỏ. Trong năm, Công ty đã nộp tiền ký quỹ lần thứ tám cho Quỹ Bảo vệ Môi trường để phục vụ hoạt động phục hồi môi trường của Dự án. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

8. Hàng tồn kho

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2017</u>	<u>1/1/2017</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>1/1/2017</u>
	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>	<u>Nghìn VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	23.743.789	16.836.476	23.743.789	16.836.476
Nguyên vật liệu	185.755.478	206.294.180	174.797.202	175.329.785
Công cụ và dụng cụ	571.169.312	508.128.265	506.610.475	449.579.008
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.576.442	84.887.247	5.362.250	5.582.998
Thành phẩm	402.283.529	234.172.071	339.781.924	175.083.341
Hàng gửi đi bán	124.586.978	45.335.442	-	-
	<u>1.384.115.528</u>	<u>1.095.653.681</u>	<u>1.050.295.640</u>	<u>822.411.608</u>

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202//2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.465.234.235	11.999.879.752	40.781.654	23.588.024	19.486.702	15.548.970.367
Tăng trong năm	-	3.756.660	731.976	-	-	4.488.636
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	815.297.690	624.458.453	603.602	-	-	1.440.359.745
Thanh lý	-	-	-	(2.496.235)	-	(2.496.235)
Xóa sổ	-	(5.467.966)	(750.599)	-	-	(6.218.565)
Số dư cuối năm	4.280.531.925	12.622.626.899	41.366.633	21.091.789	19.486.702	16.985.103.948
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	355.029.401	1.453.311.864	30.208.837	16.142.144	2.097.224	1.856.789.470
Khấu hao trong năm	206.380.192	714.274.121	3.790.103	2.917.701	1.048.611	928.410.728
Thanh lý	-	-	-	(2.091.440)	-	(2.091.440)
Xóa sổ	-	(1.079.346)	(723.710)	-	-	(1.803.056)
Số dư cuối năm	561.409.593	2.166.506.639	33.275.230	16.968.405	3.145.835	2.781.305.702
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.110.204.834	10.546.567.888	10.572.817	7.445.880	17.389.478	13.692.180.897
Số dư cuối năm	3.719.122.332	10.456.120.260	8.091.403	4.123.384	16.340.867	14.203.798.246

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.200.978.723	10.516.648.995	35.991.310	23.588.024	19.486.702	13.796.693.754
Tăng trong năm	-	35.500	731.976	-	-	767.476
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	797.906.627	601.368.967	-	-	-	1.399.275.594
Thanh lý	-	-	-	(2.496.235)	-	(2.496.235)
Xóa sổ	-	-	(750.599)	-	-	(750.599)
Số dư cuối năm	3.998.885.350	11.118.053.462	35.972.687	21.091.789	19.486.702	15.193.489.990
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	326.065.451	1.336.161.022	28.626.038	16.142.144	2.097.224	1.709.091.879
Khấu hao trong năm	185.330.419	632.403.529	2.052.702	2.917.701	1.048.611	823.752.962
Thanh lý	-	-	-	(2.091.440)	-	(2.091.440)
Xóa sổ	-	-	(723.710)	-	-	(723.710)
Số dư cuối năm	511.395.870	1.968.564.551	29.955.030	16.968.405	3.145.835	2.530.029.691
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	2.874.913.272	9.180.487.973	7.365.272	7.445.880	17.389.478	12.087.601.875
Số dư cuối năm	3.487.489.480	9.149.488.911	6.017.657	4.123.384	16.340.867	12.663.460.299

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản có nguyên giá là 36.480 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 28.494 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 12.663 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (1/1/2017: 12.088 tỷ VND) (Thuyết minh 20(b)(ii)).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Tập đoàn và Công ty:

	Máy móc và thiết bị Nghìn VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	49.353.333
Khấu hao trong năm	13.460.000
Số dư cuối năm	62.813.333
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	17.946.667
Số dư cuối năm	4.486.667

Công ty thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính dựa trên điều khoản và điều kiện của hợp đồng thuê. Thiết bị thí nghiệm này đảm bảo nghĩa vụ thuê (Thuyết minh 20(b)(iii)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	91.037.664	588.370.818	679.408.482
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	10.337.244	-	10.337.244
Số dư cuối năm	101.374.908	588.370.818	689.745.726
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	38.407.467	66.469.374	104.876.841
Khấu hao trong năm	11.816.058	30.550.327	42.366.385
Số dư cuối năm	50.223.525	97.019.701	147.243.226
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	52.630.197	521.901.444	574.531.641
Số dư cuối năm	51.151.383	491.351.117	542.502.500

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	85.351.608	588.370.818	673.722.426
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	10.337.244	-	10.337.244
Số dư cuối năm	95.688.852	588.370.818	684.059.670
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	36.314.115	66.469.374	102.783.489
Khấu hao trong năm	10.678.847	30.550.327	41.229.174
Số dư cuối năm	46.992.962	97.019.701	144.012.663
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	49.037.493	521.901.444	570.938.937
Số dư cuối năm	48.695.890	491.351.117	540.047.007

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn và Công ty có các tài sản với nguyên giá 9.989 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 9.989 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại là 540 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành bởi Công ty (1/1/2017: 571 tỷ VND) (Thuyết minh 20(b)(ii)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Số dư đầu năm	1.681.618.571	4.010.069.548	1.674.387.850	3.782.397.589
Tăng trong năm	802.396.482	981.611.371	753.891.894	791.456.939
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(1.440.359.745)	(2.755.766.972)	(1.399.275.594)	(2.345.171.302)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(10.337.244)	-	(10.337.244)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14)	(45.515.661)	(554.295.376)	(45.515.661)	(554.295.376)
Số dư cuối năm	987.802.403	1.681.618.571	973.151.245	1.674.387.850

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn và Công ty trị giá là 92 tỷ VND (2016: 169 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của Công ty chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ, xây dựng nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng; được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty.

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Đầu tư vào công ty con	-	-	472.611.091	472.147.214
Đầu tư vào NPHCS	-	-	-	-

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn:

	Chi phí trước hoạt động Nghìn VND	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	4.885.879	1.120.616.804	20.932.000	1.216.743.479	216.956	2.363.395.118
Tăng trong năm	-	-	-	164.102.929	28.208.526	192.311.455
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	-	-	10.028.653	35.487.008	45.515.661
Chuyển từ phải thu dài hạn	-	37.189.433	-	-	-	37.189.433
Điều chỉnh chi phí xây dựng	-	(9.002.568)	-	-	-	(9.002.568)
Phân bổ trong năm	(2.791.931)	(67.497.090)	(18.932.000)	(73.350.686)	(10.985.648)	(173.557.355)
Số dư cuối năm	2.093.948	1.081.306.579	2.000.000	1.317.524.375	52.926.842	2.455.851.744

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	1.120.616.804	20.932.000	1.216.743.479	216.956	2.358.509.239
Tăng trong năm	-	-	164.102.929	6.364.648	170.467.577
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	-	10.028.653	35.487.008	45.515.661
Chuyển từ phải thu dài hạn	37.189.433	-	-	-	37.189.433
Điều chỉnh chi phí xây dựng	(9.002.568)	-	-	-	(9.002.568)
Phân bổ trong năm	(67.497.090)	(18.932.000)	(73.350.686)	(3.340.291)	(163.120.067)
Số dư cuối năm	1.081.306.579	2.000.000	1.317.524.375	38.728.321	2.439.559.275

Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên

Ngày 20 tháng 7 năm 2010, Công ty đã ký thỏa thuận với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên, theo đó bắt đầu từ năm 2015, Công ty cam kết đóng góp 1 triệu USD mỗi năm cho Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn của Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Số tiền đóng góp sẽ được xem xét và điều chỉnh 5 năm một lần nhưng không tăng quá 15%.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	14.686.791	-	-	-

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

Tập đoàn:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
<i>Các bên thứ ba</i>				
Nhà thầu khai thác mỏ	110.407.210	110.407.210	65.017.689	65.017.689
Nhà thầu xây dựng đập chứa đuôi quặng	8.994.868	8.994.868	11.260.221	11.260.221
Nhà thầu tư vấn	5.416.545	5.416.545	40.070.760	40.070.760
Các nhà cung cấp khác	308.654.641	308.654.641	269.326.035	269.326.035
	433.473.264	433.473.264	385.674.705	385.674.705

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
<i>Bên liên quan</i>				
NPHCS – công ty con	47.824.071	47.824.071	-	-
<i>Các bên thứ ba</i>				
Nhà thầu khai thác mỏ	110.407.210	110.407.210	65.017.689	65.017.689
Nhà thầu xây dựng đập chứa đuôi quặng	8.994.868	8.994.868	11.260.221	11.260.221
Nhà thầu tư vấn	5.416.545	5.416.545	40.070.760	40.070.760
Các nhà cung cấp khác	263.485.338	263.485.338	219.336.051	219.336.051
	436.128.032	436.128.032	335.684.721	335.684.721

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu của công ty liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tập đoàn:

	1/1/2017 Nghìn VND	Số phải nộp trong năm Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	476.644.496	(476.644.496)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	162.182.426	(162.182.426)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.957.792	36.171.120	(13.957.793)	36.171.119
Thuế bảo vệ môi trường	-	5.357.048	(5.357.048)	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.565.986	60.812.489	(51.565.364)	34.813.111
Thuế tài nguyên	-	562.204.005	(562.204.005)	-
Các loại thuế khác	3.943.618	40.842.484	(41.365.182)	3.420.920
	43.467.396	1.344.214.068	(1.313.276.314)	74.405.150

Công ty:

	1/1/2017 Nghìn VND	Số phải nộp trong năm Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	375.814.237	(375.814.237)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	160.197.952	(160.197.952)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.957.792	36.171.120	(13.957.793)	36.171.119
Thuế bảo vệ môi trường	-	5.357.048	(5.357.048)	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.891.993	44.790.249	(32.143.805)	26.538.437
Thuế tài nguyên	-	562.204.005	(562.204.005)	-
Các loại thuế khác	1.803.917	36.233.446	(35.962.439)	2.074.924
	29.653.702	1.220.768.057	(1.185.637.279)	64.784.480

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Tiền thưởng	50.729.204	17.555.938	34.374.776	13.244.264
Tiền lãi vay và chi phí tài chính khác	313.323.057	311.206.017	311.297.544	309.279.661
Thuế và phí tài nguyên	145.839.605	230.260.525	145.839.605	230.260.525
Chi phí xây dựng phải trả	57.969.060	102.639.226	57.969.060	98.203.821
Phí tư vấn	1.126.242	9.032.311	1.126.242	9.032.311
Chi phí hoạt động	214.827.839	119.206.347	198.184.863	114.845.862
	783.815.007	789.900.364	748.792.090	774.866.444

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Ngắn hạn:				
Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất				
Trả hộ NPM (a)	321.691	-	321.691	-
Phải trả Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“MSR”) – công ty mẹ cấp trung				
Trả hộ NPM (a)	2.242.379	-	2.242.379	-
Phải trả Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”) – Nhà đầu tư				
Chi phí tài chính – ngắn hạn				
(a)	4.734.722	3.111.777	4.734.722	3.111.777
Hợp đồng Hợp tác				
Kinh doanh (b)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải trả khác cho bên thứ ba				
Phải trả khác – ngắn hạn	975.705	2.204.013	896.079	2.201.502
	1.008.274.497	5.315.790	1.008.194.871	5.313.279
Dài hạn:				
Phải trả MSN – công ty mẹ cấp cao nhất				
Chi phí tài chính – dài hạn (a)	583.049.664	583.049.664	583.049.664	583.049.664
Phải trả MSR – công ty mẹ cấp trung				
Chi phí tài chính – dài hạn (a)	909.990.961	938.240.410	909.990.961	938.240.410
Phải trả TNTI – Nhà đầu tư				
Hợp đồng Hợp tác				
Kinh doanh (b)	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
	1.493.040.625	2.521.290.074	1.493.040.625	2.521.290.074

- (a) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và đáo hạn trên cơ sở các bên tự thỏa thuận.
- (b) Khoản phải trả nhà đầu tư theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) ngày 20 tháng 10 năm 2016, không được đảm bảo và phải hoàn trả vào cuối tháng thứ 24 kể từ ngày nhận được khoản tiền hợp tác hoặc theo thỏa thuận của các bên ký kết hợp đồng. Khoản phân chia lợi nhuận, bao gồm phần phân chia lợi nhuận tối thiểu được bảo đảm bởi Công ty dựa trên các điều khoản thỏa thuận. Khi kết thúc HĐHTKD, các bên ký kết hợp đồng sẽ tính toán lại kết quả kinh doanh của HĐHTKD trong toàn bộ thời hạn hợp đồng và thỏa thuận chi tiết về việc phân chia lợi nhuận cụ thể mà không trái với nguyên tắc phân chia lợi nhuận tối thiểu.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tập đoàn:

	1/1/2017		Biến động trong năm				31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Phân loại lại từ vay dài hạn Nghìn VND	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.207.792.372	2.207.792.372	2.672.361.808	(2.464.859.317)	(18.163.537)	-	2.397.131.326	2.397.131.326
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	19.210.361	19.210.361	-	(16.271.188)	-	6.087.154	9.026.327	9.026.327
	2.227.002.733	2.227.002.733	2.672.361.808	(2.481.130.505)	(18.163.537)	6.087.154	2.406.157.653	2.406.157.653

Công ty:

	1/1/2017		Biến động trong năm				31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Phân loại lại từ vay dài hạn Nghìn VND	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	1.637.111.092	1.637.111.092	2.638.264.656	(2.464.859.317)	(17.323.081)	-	1.793.193.350	1.793.193.350
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	19.210.361	19.210.361	-	(16.271.188)	-	6.087.154	9.026.327	9.026.327
	1.656.321.453	1.656.321.453	2.638.264.656	(2.481.130.505)	(17.323.081)	6.087.154	1.802.219.677	1.802.219.677

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	903.910.500	702.018.134	903.910.500	702.018.134
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	567.938.909	805.693.327	567.938.909	805.693.327
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	321.343.941	129.399.631	321.343.941	129.399.631
Khoản vay từ một nhà đầu tư của công ty con (iii)	USD	603.937.976	570.681.280	-	-
		2.397.131.326	2.207.792.372	1.793.193.350	1.637.111.092

- (i) Khoản vay bằng USD từ một bên liên quan chịu lãi suất từ 3,5% đến 4,67% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của Công ty. Tại ngày báo cáo, các khoản vay này được đảm bảo bằng 100 triệu cổ phiếu của MSR do Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công ty. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD và VND chịu lãi suất lần lượt trong khoảng từ 4,5% đến 5,5% và từ 6,8% đến 8% một năm.
- (iii) Khoản vay bằng USD từ một nhà đầu tư của công ty con không được đảm bảo và chịu lãi suất 6% một năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tập đoàn và Công ty	
	31/12/2017	1/1/2017
	Ngàn VND	Ngàn VND
Vay dài hạn (i)	2.890.782.439	2.890.782.439
Phát hành trái phiếu dài hạn (ii)	7.967.927.242	7.916.802.303
Nợ thuê tài chính dài hạn (iii)	9.026.327	25.297.515
	<hr/>	<hr/>
	10.867.736.008	10.832.882.257
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a))	(9.026.327)	(19.210.361)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	10.858.709.681	10.813.671.896

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	Tập đoàn và Công ty	
			31/12/2017	1/1/2017
			Ngàn VND	Ngàn VND
Khoản vay không đảm bảo từ một bên liên quan (*)	VND	2020	2.890.782.439	2.890.782.439

(*) Khoản vay một bên liên quan không được đảm bảo, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và chịu lãi suất trên cơ sở thỏa thuận của các bên. Bên cho vay có quyền chuyển đổi khoản cho vay này thành vốn góp tại Công ty trước hoặc vào ngày đáo hạn của các khoản vay. Công ty cũng có quyền hoàn trả khoản vay trước ngày đáo hạn. Việc hoàn trả trước ngày đáo hạn sẽ bị tính phí trả trước không thấp hơn 5% giá trị của khoản trả trước, và cần có sự nhất trí của các bên liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn và Công ty	
				31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	8%	2020	7.967.927.242	7.916.802.303

Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được Công ty sử dụng và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của Công ty. Giá trị trái phiếu có đảm bảo được phát hành này được ghi nhận sau khi trừ phí thu xếp phát hành trái phiếu.

(iii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2017			1/1/2017		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính		Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính		Nợ gốc
	Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND		Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND	
Trong vòng một năm	9.398.868	372.541	9.026.327	21.930.692	2.720.331	19.210.361
Trong vòng hai đến năm năm	-	-	-	6.265.919	178.765	6.087.154
	9.398.868	372.541	9.026.327	28.196.611	2.899.096	25.297.515

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

Tập đoàn:

	Khôi phục môi trường mỏ Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	22.603.191	561.742.091	584.345.282
Dự phòng lập trong năm	1.740.446	41.606.847	43.347.293
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(102.897.296)	(102.897.296)
Số dư cuối năm	24.343.637	500.451.642	524.795.279

Công ty:

	Khôi phục môi trường mỏ Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Dự phòng khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	22.603.191	561.742.091	21.380.000	605.725.282
Dự phòng lập trong năm	1.740.446	41.606.847	-	43.347.293
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(102.897.296)	(21.380.000)	(124.277.296)
Số dư cuối năm	24.343.637	500.451.642	-	524.795.279

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn:

	Vốn góp Nghìn VND	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	4.789.010.000	(493.105.649)	4.295.904.351	310.053.460	4.605.957.811
Lợi nhuận thuần trong năm	-	176.905.526	176.905.526	5.504.850	182.410.376
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.789.010.000	(316.200.123)	4.472.809.877	315.558.310	4.788.368.187
Lợi nhuận thuần trong năm	-	360.625.638	360.625.638	95.211.708	455.837.346
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.789.010.000	44.425.515	4.833.435.515	410.770.018	5.244.205.533

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Vốn góp Nghìn VND	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	4.789.010.000	(402.591.141)	4.386.418.859
Lợi nhuận thuần trong năm	-	174.048.467	174.048.467
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.789.010.000	(228.542.674)	4.560.467.326
Lợi nhuận thuần trong năm	-	353.415.368	353.415.368
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.789.010.000	124.872.694	4.913.882.694

23. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt và đã góp	
	Nghìn VND	%
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	718.351.500	15%
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN")	4.070.658.500	85%
	4.789.010.000	100%

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên đều được thành lập tại Việt Nam. Công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, cũng được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	31/12/2017 Nghìn VND	1/1/2017 Nghìn VND
Trong vòng một năm	2.806.500	2.506.500
Trong vòng hai đến năm năm	9.791.000	6.606.000
Sau năm năm	2.079.000	2.425.500
	14.676.500	11.538.000

(b) Ngoại tệ các loại

Tập đoàn:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	2.767.589	62.713.581	22.287.001	506.360.665

Công ty:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	595.823	13.501.361	12.628.785	286.926.003

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn và Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2017	1/1/2017	31/12/2017	1/1/2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	4.676.153	135.029.650	-	107.417.350
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	267.822.247	52.252.650	188.111.575	52.252.650
	272.498.400	187.282.300	188.111.575	159.670.000

(d) Điều chỉnh giá bán chính thức

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(r), Tập đoàn có các cam kết theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường tương lai niêm yết tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu tại ngày giao dịch. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán này. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán là thay đổi trong ước tính do thiếu cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá thị trường niêm yết trong tương lai tại LMB tại ngày thực hiện giao dịch.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng doanh thu tính theo giá thị trường đã ghi nhận trên cơ sở ước tính sơ bộ là 65 tỷ VND (2016: 112 tỷ VND).

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017	2016	2017	2016
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Thu nhập tiền lãi	9.409.428	2.232.398	63.962.660	57.036.973
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.244.190	33.633.062	24.044.144	24.345.474
Nợ đã đối trừ với một công ty liên quan	-	100.000.000	-	100.000.000
Các khoản khác	1.249.736	99.244	1.249.738	99.244
	41.903.354	135.964.704	89.256.542	181.481.691

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	877.247.873	785.850.579	839.265.565	748.802.514
Chi phí tài chính cho HĐHTKD	50.079.157	1.050.907	50.079.157	1.050.907
Chi phí đi vay	89.693.163	57.824.461	87.610.566	57.824.461
Lỗi chênh lệch tỷ giá	29.937.582	45.921.249	27.898.517	37.580.663
Chi phí tài chính khác	94.992.260	76.429.071	94.992.260	75.733.766
	1.141.950.035	967.076.267	1.099.846.065	920.992.311

28. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Thu nhập từ các chi phí yêu cầu công ty con hoàn trả	-	-	107.165.938	91.597.452
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.056.182	1.588.233	651.387	1.588.233
Các khoản khác	1.198.078	790.522	1.020.289	543.877
	2.254.260	2.378.755	108.837.614	93.729.562

29. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Chi phí liên quan đến các khoản yêu cầu công ty con hoàn trả	-	-	107.165.938	91.597.452
Lỗi do thanh lý tài sản cố định	4.820.304	-	26.889	-
Các khoản khác	40.029.275	33.302.892	39.603.084	32.941.844
	44.849.579	33.302.892	146.795.911	124.539.296

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	36.171.120	14.309.107	36.171.120	14.309.107
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh chênh lệch tạm thời	(14.686.791)	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập	21.484.329	14.309.107	36.171.120	14.309.107

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Lợi nhuận trước thuế	477.321.675	196.719.483	389.586.488	188.357.574
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	71.598.251	29.507.922	58.437.973	28.253.636
Chi phí không được khấu trừ thuế	9.351.550	6.123.091	7.729.099	6.062.715
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	3.577.277	-	3.577.277
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(9.759.174)	(518.025)	-	-
Ưu đãi thuế	(48.822.815)	(18.800.157)	(36.171.120)	(18.800.157)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(9.149.105)	(10.329.331)	-	(9.473.508)
Biến động chênh lệch tạm thời	8.265.622	4.748.330	6.175.168	4.689.144
Chi phí thuế thu nhập	21.484.329	14.309.107	36.171.120	14.309.107

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh và 28% cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024).

Ngày 25 tháng 3 năm 2015, công ty con của Công ty được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao. Do đó công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2029). Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2019-2027).

Tất cả các điều khoản miễn giảm thuế nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác và thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất thông thường 20% áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Lãnh đạo tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

31. Cam kết khác

Trong năm 2016, Công ty đã cam kết bảo lãnh tài chính cho đợt phát hành trái phiếu của một công ty liên quan trị giá 1 nghìn tỷ VND. Theo cam kết, nếu công ty liên quan không đủ khả năng thanh toán, NPM sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi và các nghĩa vụ thanh toán khác liên quan đến đợt phát hành trái phiếu.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn và Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Tập đoàn:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Các nhà đầu tư			
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên	Chi phí đi vay đã trả	-	36.711.320
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên	Chi phí tài chính và phí giao dịch cho HDHTKD Hợp đồng hợp tác kinh doanh	87.544.192 -	1.584.414 1.000.000.000
Công ty mẹ cấp trung			
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan	Chi phí đi vay đã trả	28.249.448	18.288.680
Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan	Bán các khoản tiền bồi thường được thanh toán bằng đối trừ nợ với NPM Bán các khoản tiền bồi thường được thanh toán bằng tiền cho NPM	- -	224.000.000 22.200.000
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Đối trừ nợ Chi phí đi vay đã trả	- -	324.000.000 22.200.000
Công ty liên kết của Công ty mẹ cấp cao nhất			
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (*)	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay Khoản vay nhận được Khoản vay đã trả	42.134.207 1.194.606.630 977.695.578	125.288.479 1.602.550.679 3.027.719.261
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác	23.444.644	18.727.458

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2017 Nghìn VND	2016 Nghìn VND
Nhà đầu tư			
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyễn	Chi phí đi vay đã trả	-	36.711.320
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyễn	Chi phí tài chính và phí giao dịch cho HDHTKD Hợp đồng hợp tác kinh doanh	87.544.192 -	1.584.414 1.000.000.000
Công ty mẹ cấp trung			
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan	Chi phí đi vay đã trả	28.249.448	18.288.680
Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan	Bán các khoản tiền bồi thường được thanh toán bằng đối trừ nợ Bán các khoản tiền bồi thường được thanh toán bằng tiền	- -	224.000.000 22.200.000
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Đối trừ nợ Chi phí đi vay đã trả	- -	324.000.000 22.200.000
Công ty con			
Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck	Chuyển lãi vay phải thu thành gốc vay Thu nhập lãi từ cho vay Nhận tiền hoàn trả khoản cho vay Doanh thu bán Vonfram Thu nhập từ các chi phí yêu cầu công ty con hoàn trả Bán tài sản cố định hữu hình	57.295.411 57.325.648 - 2.337.228.512 107.165.938 -	53.272.537 54.937.601 34.122.825 1.763.443.848 91.597.452 4.646.327
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (*)	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay Khoản vay nhận được Khoản vay đã trả	42.134.207 1.194.606.630 977.695.578	125.288.479 1.602.550.679 3.027.719.261
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác	12.405.587	10.240.786

(*) Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn và Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Nghĩa vụ tiềm tàng

Trong năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn tất cuộc thanh tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, khoáng sản, đất đai và tài nguyên nước đối với Công ty và theo đó đã ban hành bản Kết luận Thanh tra. Bản Kết luận Thanh tra này đã chỉ ra một số điểm cần khắc phục liên quan đến những vấn đề thanh tra nêu trên và yêu cầu một số sửa đổi đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của Công ty. Ngoài khoản phạt vi phạm hành chính không trọng yếu, Công ty không có khoản phạt nào khác liên quan đến môi trường.

Cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã có những trao đổi tích cực với Bộ Tài nguyên và Môi trường về các biện pháp khắc phục, phương án sửa đổi và tính khả thi của các sửa đổi này. Kết quả cuối cùng về các nội dung sửa đổi phụ thuộc vào quá trình làm việc cũng như sự phê duyệt của các cơ quan chức năng liên quan, vì vậy Công ty chưa có ước tính đáng tin cậy về ảnh hưởng tài chính của những sửa đổi này. Do đó, không có khoản dự phòng nào được ghi nhận trong báo cáo tài chính.

34. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2017	2016	2017	2016
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí khấu hao và phân bổ được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	-	15.031	-	15.031
Chuyển lãi vay phải trả thành gốc vay	34.097.152	32.967.256	-	-
Chuyển lãi phải thu thành gốc vay	-	-	57.295.411	53.272.537

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và riêng của Công ty và Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người lập:



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nikhil Kamran
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

08-03-2018

BẢN SAO

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 1710/GP-BTNMT

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2010

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 07/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ủy quyền Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ký thừa ủy quyền Bộ trưởng các Văn bản liên quan đến hoạt động khoáng sản;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 580/VPCP-QHQT ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Văn phòng Chính phủ về việc cơ cấu lại Công ty liên doanh khai thác khoáng sản Núi Pháo;

Căn cứ Quyết định số 514/QĐ-HĐĐGTLKS ngày 29 tháng 5 năm 2003 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản về việc phê chuẩn "Báo cáo kết quả thăm dò tỷ mỷ mỏ vonfram - đa kim Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên";

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường Dự án "khai thác, chế biến vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên"; Quyết định số 370/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án "Khai thác vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng Núi Pháo";

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển nhượng vốn đầu tư và



chuyển đổi thành doanh nghiệp 100% vốn Việt Nam; Giấy chứng nhận đầu tư số 17 121 000026 chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo;

Xét Đơn và hồ sơ kèm theo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo xin khai thác khoáng sản vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng tại mỏ Núi Pháo, thuộc các xã Hà Thượng, Hùng Sơn và Tân Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nộp tại Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ngày 06 tháng 8 năm 2010 và nộp bổ sung ngày 10 tháng 9 năm 2010;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo khai thác, chế biến vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng tại mỏ vonfram - đa kim Núi Pháo thuộc xã Hà Thượng, Hùng Sơn và Tân Linh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo các nội dung sau đây:

1. Diện tích khu vực khai thác: 90,0 ha (chín mươi hecta), thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 VN 2000 số hiệu F-48-56-C (hoặc bản đồ tỷ lệ 1/50.000 UTM số hiệu 6152 III) được giới hạn bởi 09 điểm khép góc có tọa độ như sau:

Điểm góc	Hệ tọa độ UTM		Hệ tọa độ VN-2000 KTT 105 ⁰ , múi 6 ⁰	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	2393 788	568 523	2394 217	567 906
2	2393 768	569 253	2394 197	568 636
3	2393 808	569 853	2394 237	569 236
4	2393 438	570 173	2393 867	569 556
5	2393 094	569 950	2393 523	569 333
6	2393 108	569 303	2393 537	568 686
7	2393 338	568 963	2393 767	568 346
8	2393 388	568 543	2393 817	567 926
9	2393 538	568 413	2393 967	567 796

2. Trữ lượng khai thác: 83.220.000 tấn quặng vonfram - đa kim cấp B và C₁, bao gồm:

a) Khai thác lộ thiên: 55.192.000 tấn;

b) Khai thác hầm lò: 28.028.000 tấn;

3. Sản lượng khai thác: Khai thác lộ thiên 3.500.000 tấn quặng nguyên khai vonfram - đa kim/năm;

4. Thời hạn giấy phép khai thác: Khai thác lộ thiên 17,5 năm, kể từ ngày được cấp phép, trong đó thời gian khai thác là 16 năm, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 1,5 năm (hoàn thành xây dựng cơ bản mỏ vào tháng 3 năm 2012);

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo có trách nhiệm:

1. Tiến hành hoạt động khai thác quặng vonfram - đa kim mỏ Núi Pháo theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, sản lượng quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

Thực hiện đúng ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 580/VPCP-QHQT ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Văn phòng Chính phủ về việc cơ cấu lại Công ty liên doanh khai thác khoáng sản Núi Pháo;

2. Hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2011 công tác lập Báo cáo chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên khoáng sản rắn mỏ vonfram - đa kim Núi Pháo trình Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản phê duyệt, công nhận theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh Giấy phép trên cơ sở trữ lượng mới theo quy định;

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản. Thiết kế mỏ phải được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật;

Hoạt động khai thác hầm lò chỉ được tiến hành sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo đã hoàn thành việc lập, trình duyệt Dự án khai thác hầm lò chi tiết và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên để chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh kiểm tra tại thực địa để xác định toạ độ, diện tích và bàn giao mốc giới khu vực khai thác mỏ quy định tại khoản 1 Điều 1 Giấy phép này; thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với các công trình khai thác mỏ có sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

5. Thực hiện công tác thăm dò, đánh giá tài nguyên khoáng sản trong khu vực kho quân sự (K10) cũ, khu vực có thiếc gốc mỏ Tây Núi Pháo thuộc diện tích thăm dò 9,211 km² và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định trước khi triển khai xây dựng công trình trong các khu vực này;

6. Phải thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định tại các Quyết định số 233/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm

2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác, chế biến vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng Núi Pháo”, Quyết định số 370/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường bổ sung của Dự án “Khai thác vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng Núi Pháo” và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; lập Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện việc ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định;

Trong thời gian không quá 09 tháng kể từ ngày ký Giấy phép, Công ty phải lập dự án Nhà máy chế biến sâu quặng vonfram (WO_3), fluorit, bismut, đồng và vàng trình Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy chế biến trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, phê duyệt để đưa nhà máy chế biến sâu vào vận hành đầy đủ vào tháng 9 năm 2012 theo đúng cam kết của Công ty tại Công văn số 128-2010/CV-NPM ngày 09 tháng 9 năm 2010.

7. Việc khai thác phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ công nghiệp; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng quặng vonfram - đa kim mỏ Núi Pháo và các khoáng sản khác (nếu có) cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

8. Thực hiện chế biến vonfram, fluorit, bismut, đồng và vàng theo quy định, bảo đảm thu hồi tối đa các thành phần khoáng sản có ích trong quặng;

Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến được phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

9. Phải thường xuyên thực hiện các biện pháp kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật có liên quan;

Trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn theo quy định, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

10. Thực hiện các quy định về đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; quy định về báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo chỉ được phép tiến hành hoạt động khai thác quặng vonfram - đa kim mỏ Núi Pháo sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; có Quyết định cho thuê đất của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thực hiện việc ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; nộp cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo vi phạm các quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản pháp luật có liên quan hoặc không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Giấy phép này, Giấy phép sẽ bị thu hồi theo quy định của pháp luật về khoáng sản và Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề có liên quan./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Vụ Pháp chế (Bộ TN và MT);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 2;
- Sở TN và MT tỉnh Thái Nguyên;
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo (02);
- Lưu: HS, VT, ĐCKS(DP.14).

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
VIỆT NAM



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 19-11-2019

Giấy phép khai thác khoáng sản được đăng ký nhà nước tại Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

Số đăng ký 28.2010/ĐK/KT.

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2010

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



TRINH XUÂN BÈN



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lương Thị Nga

BẢN KÝ

03

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 05 tháng 11 năm 2019

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

SỐ : 01/2019/BHA/NPM-TCBS

giữa

TRƯỞNG PHÒNG PHÁP LÝ

Phạm Nguyên Hải

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN
NÚI PHÁO**

với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KÝ THƯƠNG

với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Ngày 5 tháng 6 năm 2019



MUC LUC

	Trang
ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI	2
1.01 Định Nghĩa.....	2
1.02 Nguyên Tắc Diễn Giải.....	3
ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	4
ĐIỀU 3. DỊCH VỤ	5
3.01 Dịch Vụ Liên Quan Đến Việc Thực Hiện Quyền Và Nghĩa Vụ Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	6
3.02 Dịch Vụ Thanh Toán.....	7
3.03 Các Dịch Vụ Khác.....	8
ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU	8
4.01 Giá Trị Phát Hành.....	8
4.02 Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu.....	8
4.03 Tính Chất Trái Phiếu.....	9
4.04 Trích Lục Sổ Đăng Ký Và Giấy Chứng Nhận Sở Hữu.....	9
4.05 Giao Dịch Trái Phiếu.....	9
4.06 Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	9
4.07 Xác Định Lãi Suất Trái Phiếu.....	10
4.08 Thanh Toán Theo Trái Phiếu.....	12
ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	14
5.01 Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	14
5.02 Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	15
ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT	16
6.01 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành.....	16
6.02 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	19
ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ	19
ĐIỀU 8. BỒI HOÀN	20
ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	21
9.01 Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	21
9.02 Thay Thế Do Từ Nhiệm.....	21
9.03 Thay Thế Bất Buộc.....	22
9.04 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động.....	22
ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT	23
ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	23
11.01 Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy.....	23
11.02 Bảo Mật.....	24
11.03 Chuyển Giao.....	24
11.04 Thông Báo.....	24
11.05 Luật Điều Chỉnh.....	25
11.06 Giải Quyết Tranh Chấp.....	25
11.07 Sửa Đổi.....	25

11.08	Hiệu Lực Riêng Rẽ	25
11.09	Ngôn Ngữ Và Số Bản	25
PHỤ LỤC I CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU		27
PHỤ LỤC II TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TÔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẢNG VĂN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU.....		28
PHỤ LỤC III MẪU THỎA THUẬN THAM GIA		36

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU NÀY (“Hợp Đồng”) được lập vào ngày ___ tháng ___ năm 2019 giữa:

(A) CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Địa Chi : Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Thành Lập : Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5 tháng 7 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung từ từng thời điểm

Người Đại Diện : **VŨ HỒNG**

Chức Vụ : **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Văn Bản Ủy Quyền : Giấy ủy quyền số 05 -UQ/NPM-2019 ngày 5 tháng 6 năm 2019 của Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

(Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo sau đây được gọi là “**Tổ Chức Phát Hành**”);

và

(B) CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG hành động với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây)

Địa Chi : Tầng 10 và Tầng 21, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Thành Lập : Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 125/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018 (được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Người Đại Diện : Nguyễn Thị Thu Hiền

Chức Vụ : Tổng Giám Đốc

Văn Bản Ủy Quyền : Số 010/2018/UQ-CT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

(Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương sau đây được gọi là “**TCBS**”).

CƠ SỞ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

XÉT RẰNG:

- (A) Tổ Chức Phát Hành dự định phát hành trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành với tổng khoản gốc tối đa không vượt quá 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng) (“**Trái Phiếu**”) với các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”) được đính kèm tại Phụ Lục I của Hợp Đồng này;
- (B) Tổ Chức Phát Hành mong muốn chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này; và
- (C) TCBS đồng ý thực hiện nhiệm vụ đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.

DO VẬY, NAY, các Bên thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

1.01 Định Nghĩa

Trừ khi được định nghĩa khác đi trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Hợp Đồng này (kể cả phần giới thiệu các bên tham gia Hợp Đồng này và phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng) sẽ có nghĩa như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu. Ngoài ra, khi được sử dụng trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

“**Bên**” có nghĩa là mỗi bên trong số Tổ Chức Phát Hành và TCBS với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu.

“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

“**Dịch Vụ**” có nghĩa như được quy định tại Điều 3.

“**Đại Biểu**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục II.

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều 2(a) và cũng là “Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**” có nghĩa như được quy định tại Điều 9.01(a).

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**” có nghĩa như được quy định tại Điều 9.01(a).

“**Giấy Chứng Nhận Sở Hữu**” có nghĩa như được quy định tại Điều 4.04(b).

“**Hội Nghị**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.1 của Phụ Lục II.

“**Hợp Đồng**” có nghĩa là hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu này, cùng với các Phụ Lục.

“**Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu**”, liên quan đến mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó.

“**Ngân Hàng Tham Chiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều 4.07(b).

“**Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là tài khoản ngân hàng dưới đây hoặc bất kỳ tài khoản nào khác được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo trước bằng văn bản ít nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc từ ngày đến hạn chuyển tiền thanh toán:

Số tài khoản:	138-33336666-016
Chủ tài khoản:	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương
Ngân hàng:	Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch

“**TCBS**” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“**Thông Báo Lấy Ý Kiến**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.6 của Phụ Lục II.

“**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.6 của Phụ Lục II.

“**Tổ Chức Phát Hành**” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“**Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

“**VIAC**” có nghĩa như được quy định tại Điều 11.06.

“**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.2 của Phụ Lục II.

“**Yêu Cầu Triệu Tập**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.2 của Phụ Lục II.

1.02 Nguyên Tắc Diễn Giải

(a) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều 1.01 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp văn cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.

(b) Tiêu đề của các Điều, khoản chỉ nhằm để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản của Hợp Đồng này.

(c) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Hợp Đồng này đến các Phụ Lục, Điều, khoản và đoạn là dẫn chiếu đến các phụ lục, điều, khoản và đoạn của Hợp Đồng này.

(d) Các từ “của Hợp Đồng này”, “trong Hợp Đồng này”, và “theo Hợp Đồng này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Hợp Đồng này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Hợp Đồng.

(e) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ đính, phụ lục, và các phụ mục khác đính kèm văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.

(f) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà đã được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.

(g) Dẫn chiếu đến “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách lấy ý kiến theo các hình thức khác được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

(h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(i) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành, được thanh toán đầy đủ bởi Bên Mua Trái Phiếu và/hoặc Bên Nhận Chuyển Nhượng nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ.

(j) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.

(k) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.

ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

(a) Bằng Hợp Đồng này, Tổ Chức Phát Hành chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện cho quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các công việc, nhiệm vụ và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích quy định cụ thể trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”). Bằng Hợp Đồng này, TCBS đồng ý việc chỉ định này.

(b) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, công nhận và đồng ý không hủy ngang việc chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu và các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng này.

(c) Trong khi Hợp Đồng này vẫn còn hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định theo Hợp Đồng này. Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực cho đến khi Hợp Đồng này chấm dứt.

(d) Để tránh nhầm lẫn, trừ khi được quy định khác đi tại Điều 2(g) dưới đây và Các Điều Khoản Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị thay thế theo quy định tại Điều 9.

(f) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, và Tổ Chức Phát Hành đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Trái Phiếu có thể là cùng một tổ chức và đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có khả năng phát sinh trong tương lai.

(g) Nếu:

(i) theo Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng (đang có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong tương lai) hoặc theo phán quyết, quyết định có hiệu lực của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được phép hoặc không thể thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ hoặc quyền, lợi ích bất kỳ nào của mình được trao theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc

(ii) xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và/hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác nhưng việc thay thế đó chưa hoàn tất,

thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực thi theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác có thể được thực hiện trực tiếp bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức/Cá Nhân khác được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

ĐIỀU 3. DỊCH VỤ

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu các dịch vụ được quy định tại Điều 3 này (“**Dịch Vụ**”).

3.01 Dịch Vụ Liên Quan Đến Việc Thực Hiện Quyền Và Nghĩa Vụ Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp các dịch vụ sau để hỗ trợ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác:

- (i) ký kết và thực hiện Hợp Đồng này và bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (ii) phù hợp với quy định tại Điều 5.02, giám sát việc thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu, và nhanh chóng thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ cam kết nào theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;
- (iii) triệu tập và tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức lấy ý kiến các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu (bao gồm cả việc quyết định hình thức lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 4.06 của Hợp Đồng này), và ký biên bản Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- (iv) nhận và thông báo ngay cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng) gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (v) nhận và gửi ngay cho các bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (vi) trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, thông báo về Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan phù hợp với quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu và phối hợp với Đại Lý Trái Phiếu để lấy danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan muộn nhất 1 (một) Ngày Làm Việc sau Ngày Đăng Ký Cuối Cùng đó; sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, hỗ trợ hoặc thay mặt Tổ Chức Phát Hành (trong phạm vi pháp luật cho phép) gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền nhằm mục đích chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại từng thời điểm cho Trung Tâm Lưu Ký;
- (vii) thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu thực hiện các quyết định/ngợi quyết của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu

trong phạm vi các quyết định/ng nghị quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu; và

- (viii) tạo điều kiện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này, Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác trên cơ sở có thu phí đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu đó. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng có thể cho phép nhà đầu tư tiềm năng tiếp cận các tài liệu nêu trên hoặc cung cấp bản sao của các tài liệu đó cho nhà đầu tư tiềm năng trên cơ sở tuân thủ nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 11.02 và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan và có thu phí đối với nhà đầu tư đó.

3.02 Dịch Vụ Thanh Toán

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp các dịch vụ sau để hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong việc xác định và thực hiện hoặc phân bổ (tùy từng trường hợp áp dụng) các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu:

- (i) xác định mức Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng vào Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu tương ứng và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định tại Điều Kiện 7.1 của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Điều 4.07 dưới đây;
- (ii) tính toán và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các bên liên quan khác về các khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán liên quan đến Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (iii) nhận từ Tổ Chức Phát Hành, và thực hiện việc phân bổ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu theo Điều 4.08 và Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (iv) ít nhất 5 (năm) Ngày Làm Việc trước ngày đến hạn của bất kỳ khoản thanh toán nào liên quan đến Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và Các Điều Kiện Trái Phiếu, thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành về kết quả tính toán tại đoạn (ii) trên đây và bất kỳ khoản thuế, phí, lệ phí nào được ấn định hoặc tính bởi cơ quan thuế Việt Nam liên quan đến khoản thanh toán đó;
- (v) khấu trừ và/hoặc giữ lại bất kỳ khoản thuế nào (nếu có) từ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu phù hợp với quy định tại Điều 4.08, và cung cấp các văn bản, tài liệu hoặc chứng từ khi có yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành liên quan đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện việc khấu trừ và/hoặc giữ lại như vậy; và
- (vi) nhận các bản gốc Giấy Chứng Nhận Sở Hữu được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nộp lại (nếu có) và, trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận các bản gốc Giấy Chứng Nhận Sở Hữu nói trên, bàn giao các bản gốc Giấy Chứng Nhận Sở Hữu đó cho Đại Lý Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành (tùy trường hợp áp dụng) khi Tổ Chức Phát Hành đã hoàn thành việc thanh toán các khoản gốc, lãi

và các khoản tiền khác đối với Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

3.03 Các Dịch Vụ Khác

Bên cạnh các dịch vụ được quy định tại các Điều 3.01 và 3.02, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp các dịch vụ sau:

- (i) các dịch vụ khác bổ trợ cho các dịch vụ được quy định tại các Điều 3.01 và 3.02 và các dịch vụ bổ sung khác nhằm hỗ trợ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc việc thực hiện các khoản thanh toán liên quan đến các Trái Phiếu khi Tổ Chức Phát Hành hoặc các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu hợp lý;
- (ii) cung cấp các thông tin và thực hiện các hành động khác theo yêu cầu hợp lý của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy từng trường hợp áp dụng) để bên đó có thể thực hiện một cách hợp lý các nghĩa vụ của mình liên quan đến các Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và các Văn Khoản Trái Phiếu khác;
- (iii) lưu trữ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được hoặc có được (trong vai trò là tổ chức đại diện cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) liên quan đến Trái Phiếu, trừ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải chuyển giao cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác hoặc phải tiêu hủy theo quy định của Hợp Đồng này, các Văn Khoản Trái Phiếu khác và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan; và
- (iv) thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Khoản Trái Phiếu khác.

ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU

4.01 Giá Trị Phát Hành

Tổng mệnh giá Trái Phiếu được phát hành vào Ngày Phát Hành tối đa là 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng). Tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm cụ thể sẽ được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký.

4.02 Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu

(a) Trái Phiếu được điều chỉnh bởi Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Khoản Trái Phiếu khác.

(b) Các Điều Khoản Trái Phiếu, cùng với các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Khoản Trái Phiếu khác, quy định toàn bộ các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và xác lập quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với và liên quan đến Trái Phiếu.

4.03 Tính Chất Trái Phiếu

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, được bảo đảm và không kèm chứng quyền. Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau mà không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào.

4.04 Trích Lọc Sổ Đăng Ký Và Giấy Chứng Nhận Sở Hữu

(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm bảo đảm Đại Lý Trái Phiếu cấp trích lục Sổ Đăng Ký cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (khi và chỉ khi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu bằng văn bản hoặc có thông báo bằng hình thức khác được chấp thuận bởi Đại Lý Trái Phiếu) theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý.

(b) Trong trường hợp Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền, Trung Tâm Lưu Ký hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán có yêu cầu (kể cả cho mục đích lưu ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký), Tổ Chức Phát Hành, trên cơ sở thông tin trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Trái Phiếu cung cấp, sẽ cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu một giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Trái Phiếu theo mẫu do Tổ Chức Phát Hành quy định ("**Giấy Chứng Nhận Sở Hữu**").

(c) Nếu Giấy Chứng Nhận Sở Hữu đã được cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bị mất, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác hoặc bị rách, nhòe thì Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan có thể đề nghị Tổ Chức Phát Hành cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu với điều kiện là việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu phù hợp với yêu cầu tại mục (b) trên đây. Giấy Chứng Nhận Sở Hữu bị rách hoặc bị nhòe đó phải được nộp lại cho Tổ Chức Phát Hành. Nếu Giấy Chứng Nhận Sở Hữu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác hoặc bị nhòe hoặc rách đến mức Tổ Chức Phát Hành không thể xác định được các thông tin cần thiết trên đó thì văn bản đề nghị cấp lại của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan phải có các cam kết chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện phát sinh từ việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu và đồng ý bồi thường và bồi hoàn cho Tổ Chức Phát Hành đối với mọi thiệt hại, tổn thất, chi phí, khiếu nại, kiện tụng mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh chịu liên quan đến việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu. Tổ Chức Phát Hành sẽ cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

4.05 Giao Dịch Trái Phiếu

Trong khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng) sẽ theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý. Trong giai đoạn Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng) sẽ thực hiện theo quy định có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

4.06 Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua các quyết định/nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu bằng hình thức biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách lấy

ý kiến thông qua các hình thức phù hợp với quy định của Hợp Đồng này và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hình thức bỏ phiếu điện tử, và các hình thức khác phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan). Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định việc lựa chọn hình thức lấy ý kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của Hợp Đồng này khi nhận được yêu cầu lấy ý kiến các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu.

Trình tự và thủ tục tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng này. Trình tự và thủ tục lấy ý kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (nếu áp dụng) hoặc các hình thức khác sẽ theo quy chế bỏ phiếu điện tử hoặc các quy chế khác có liên quan do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu công bố tại từng thời điểm và sẽ được gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu lấy ý kiến có liên quan với điều kiện là các quy chế đó phải đảm bảo thời hạn lấy ý kiến tối đa không quá thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản quy định tại Phụ Lục II.

4.07 Xác Định Lãi Suất Trái Phiếu

(a) Vào mỗi Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nhiệm vụ xác định mức Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định dưới đây.

(b) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thu thập thông tin về mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng Đồng Việt Nam do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó (để làm rõ, mỗi ngân hàng trên được gọi là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” trong Hợp Đồng này).

(c) Để được sử dụng cho việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu, lãi suất tiền gửi quy định tại Điều 4.07(b) phải đáp ứng được các điều kiện sau:

- (i) Mức lãi suất đó là mức lãi suất áp dụng chung, được công bố công khai mà không phải là mức lãi suất áp dụng cho một hoặc một số đối tượng khách hàng cụ thể (dù có hay không có ưu đãi);
- (ii) Nếu Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan không có mức lãi suất cho kỳ hạn 12 (mười hai) tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên, lãi suất tiền gửi này sẽ là mức lãi suất tương đương. Mức lãi suất tương đương là mức lãi suất cho kỳ hạn tương đương gần nhất với kỳ hạn 12 (mười hai) tháng; và
- (iii) Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn xuống đến ba chữ số ở phần thập phân (nếu không phải là số nguyên).

(d) Việc thu thập lãi suất tiền gửi của các Ngân Hàng Tham Chiếu để xác định Lãi Suất Tham Chiếu sẽ theo nguyên tắc sau:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ưu tiên chọn mức lãi suất được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan;
- (ii) Nếu, tại thời điểm thu thập, trên trang thông tin điện tử của một Ngân Hàng Tham Chiếu bất kỳ không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không thể xác định được mức lãi suất cụ thể của Ngân Hàng Tham Chiếu đó thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ đồng thời thực hiện việc thu thập lãi suất của Ngân Hàng Tham Chiếu đó theo các phương thức sau:
 - (A) cử đại diện đến trực tiếp địa điểm kinh doanh tương ứng của Ngân Hàng Tham Chiếu đó để thu thập; và
 - (B) gửi đề nghị xác nhận mức lãi suất tiền gửi cần thu thập đến các địa điểm kinh doanh của Ngân Hàng Tham Chiếu đó.

Nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được văn bản xác nhận mức lãi suất cần thu thập từ Ngân Hàng Tham Chiếu nơi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi đề nghị xác nhận theo đoạn (B) trên trước ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành về kết quả xác định Lãi Suất theo Điều 4.07(g) thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng mức lãi suất theo đoạn (A) trên để xác định Lãi Suất Tham Chiếu. Nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng không thu thập được mức lãi suất theo đoạn (A) trên hoặc có lý do hợp lý để nghi ngờ kết quả thu thập được thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền xem như không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan.

(e) Bằng chứng về thông tin thu thập được có thể là văn bản, thông báo của các Ngân Hàng Tham Chiếu (dù công bố công khai tại các địa điểm kinh doanh tương ứng nêu trên, công bố trên trang thông tin điện tử hay gửi riêng cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), bản chụp màn hình trang thông tin điện tử của các Ngân Hàng Tham Chiếu hoặc bất kỳ bằng chứng hợp lệ nào khác (theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

(f) Nếu một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có mức lãi suất tiền gửi để xác định Lãi Suất Tham Chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu có liên quan theo quy định tại các đoạn (b), (c) và (d) trên thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tiền gửi do các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố theo quy định tại các đoạn (b), (c) và (d) trên.

(g) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo về Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và các Văn Khoản Trái Phiếu khác trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc sau Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu có liên quan. Khi gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng gửi cả các bằng chứng về việc thu thập các mức lãi suất tiền gửi có liên quan. Nếu không đồng ý với kết quả xác định Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thì Tổ Chức Phát Hành phải gửi ý kiến phản đối cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong thời hạn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được kết quả đó. Quá thời hạn trên mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được ý kiến phản đối của Tổ Chức Phát Hành thì kết quả xác định Lãi Suất Tham Chiếu và Lãi Suất đã thông báo trước đó sẽ mặc nhiên có hiệu lực và

ràng buộc Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (trừ trường hợp Các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua một quyết định/ng nghị quyết) và Tổ Chức Phát Hành có thỏa thuận khác). Để tránh nhầm lẫn, Tổ Chức Phát Hành chỉ được gửi ý kiến phản đối nếu (i) có sai sót trong tính toán của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc (ii) có sự khác biệt trong thông tin mà Tổ Chức Phát Hành có được về mức lãi suất tham chiếu của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào dùng để xác định Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan, và ý kiến phản đối của Tổ Chức Phát Hành chỉ được xem là hợp lệ nếu được thông báo bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử (từ địa chỉ thư điện tử được đăng ký hợp lệ) bởi một trong số những người đại diện được ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành theo danh sách sẽ được Tổ Chức Phát Hành thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu trong vòng 7 (bảy) ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng này.

(h) Trong trường hợp Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được ý kiến phản đối của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Điều 4.07(g) nêu trên, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành sẽ nhanh chóng trao đổi để cùng nhau thống nhất Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan phù hợp với quy định tại Điều 4.07 này chậm nhất là 2 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó. Trong trường hợp Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành không thể thống nhất về Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng đó thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi văn bản yêu cầu các Ngân Hàng Tham Chiếu xác nhận mức lãi suất tham chiếu của từng Ngân Hàng Tham Chiếu áp dụng vào Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu có liên quan chậm nhất là 2 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó. Trong trường hợp này Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng sẽ được xác định theo quy tắc nêu tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Điều 4.07 này và sẽ có giá trị ràng buộc với Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất áp dụng cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày hoàn thành việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu như trên.

(i) Nếu các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam không cho phép áp dụng một mức Lãi Suất cụ thể nào, thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nhiệm vụ xác định lãi suất được áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam nhằm thay thế cho mức Lãi Suất cụ thể không được phép đó, cụ thể là (i) áp dụng mức lãi suất tối đa theo quy định trong trường hợp Lãi Suất cao hơn mức lãi suất tối đa đó hoặc (ii) áp dụng mức lãi suất tối thiểu theo quy định trong trường hợp Lãi Suất thấp hơn mức lãi suất tối thiểu đó, và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày mức lãi suất tối đa hoặc mức lãi suất tối thiểu đó có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(j) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải xác định Lãi Suất Tham Chiếu và Lãi Suất một cách cẩn trọng và hợp lý. Nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã hành động một cách cẩn trọng khi xác định Lãi Suất Tham Chiếu và Lãi Suất theo các quy định nêu trên thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào phát sinh từ hoặc liên quan đến việc xác định các mức lãi suất đó.

4.08 Thanh Toán Theo Trái Phiếu

(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký hoặc sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký nhưng theo quy định của Trung Tâm Lưu Ký, Tổ

Chức Phát Hành phải thanh toán các khoản liên quan đến Trái Phiếu không thông qua Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ phối hợp thực hiện các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định sau:

- (i) vào hoặc trước 15:00 giờ (giờ Việt Nam) của Ngày Làm Việc ngay trước ngày đến hạn của bất kỳ khoản thanh toán nào theo Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải chuyển đầy đủ khoản thanh toán đó vào Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng nguồn tiền có thể sử dụng ngay;
- (ii) ngay sau khi nhận được các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu từ Tổ Chức Phát Hành vào Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ phân bổ khoản tiền đó cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này;
- (iii) trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chuyển tiền vào Tài Khoản Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký tại Sổ Đăng Ký hoặc tài khoản chứng khoán mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) trong trường hợp thông tin về Tài Khoản Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký không chính xác;
- (iv) sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, nếu thông báo của Trung Tâm Lưu Ký không có thông tin về tài khoản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chuyển khoản vào tài khoản mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký tại Sổ Đăng Ký ngay trước thời điểm Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký hoặc tài khoản chứng khoán của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) trong trường hợp thông tin về tài khoản đăng ký tại Sổ Đăng Ký không đúng, trừ trường hợp Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thông báo khác về tài khoản nhận tiền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) mọi khoản phân bổ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này sẽ được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khấu trừ và giữ lại các khoản thuế (nếu việc khấu trừ và giữ lại các khoản thuế này là bắt buộc) từ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan trước khi thực hiện việc phân bổ và phải cung cấp văn bản, tài liệu hoặc chứng từ khi có yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến việc khấu trừ và giữ lại như vậy; và
- (vi) việc thanh toán chỉ được xem là hoàn tất khi Tổ Chức Phát Hành đã chuyển đầy đủ các khoản thanh toán tương ứng vào Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại đoạn (i) trên đây, và kể từ thời điểm đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phân bổ khoản tiền đó cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Nếu các khoản thanh toán đến Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sau thời điểm nêu tại đoạn (i) trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ nỗ lực tối đa để phân bổ khoản thanh toán đó cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong cùng ngày mà Đại Diện Chủ Sở

Hữu Trái Phiếu nhận được khoản thanh toán đó, *tuy nhiên với điều kiện là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu không thể phân bổ khoản tiền thanh toán đó cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong ngày đến hạn có liên quan do Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đúng quy định tại đoạn (i) trên đây.*

(b) Sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký mà, theo quy định của Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành không phải trực tiếp thực hiện các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu, việc thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy chế của Trung Tâm Lưu Ký, và các quy định có liên quan của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký).

(c) Không phụ thuộc vào việc Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký hay chưa, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải tính bất kỳ khoản tiền nào phát sinh và phải được Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu, và thông báo kết quả tính toán cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 3.02(i) và 3.02(iii) của Hợp Đồng này (trừ trường hợp thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn quy định tại Điều Khoản 8.4(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu). Nếu không có sai sót rõ ràng, kết quả tính toán của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với kết quả tính toán nêu trên vì bất kỳ lý do nào sau khi kết quả tính toán đã được gửi cho các Bên có liên quan theo quy định của Hợp Đồng này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải nhanh chóng cập nhật kết quả tính toán và thông báo cho các bên có liên quan.

ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

5.01 Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải cung cấp các Dịch Vụ một cách cẩn trọng và phù hợp với thông lệ thị trường trong nước đã được công nhận áp dụng cho các dịch vụ tương tự như các Dịch Vụ tại Việt Nam.

(b) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được ủy quyền cho Tổ Chức/Cá Nhân khác thực hiện bất kỳ Dịch Vụ nào mà không có chấp thuận trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành.

(c) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện mọi quyền, quyền hạn và thẩm quyền và hưởng các lợi ích được quy định cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong các Văn Khoản Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, kể cả các quyền và quyền hạn sau:

- (i) quyết định các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu hoặc các Văn Khoản Trái Phiếu trừ các vấn đề mà các Văn Khoản Trái Phiếu quy định phải xin ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được đưa ra quyết định phù hợp với ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (ii) dựa vào bất kỳ văn kiện, thông báo hay tài liệu nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đánh giá là xác thực, chính xác và đã được ký kết, phê duyệt hợp lệ và không phải kiểm tra hay xác minh việc ký kết hay phê duyệt bất kỳ tài liệu nào như vậy; và
 - (iii) bằng chi phí của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thuê các tổ chức tư vấn (luật, tài chính, kiểm toán hoặc khác) có uy tín và kinh nghiệm hỗ trợ việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện Dịch Vụ và các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu, và dựa vào các tư vấn đó để quyết định việc thực hiện hay không thực hiện bất kỳ Dịch Vụ, công việc hoặc nhiệm vụ nào.
- (d) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền đầu tư vào Trái Phiếu, nhận Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia bất kỳ giao dịch nào với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan cho phép.
- (e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không bị hạn chế thực hiện vai trò đại diện (hay bất kỳ vai trò tương tự nào) cho người sở hữu bất kỳ chứng khoán nào không phải là Trái Phiếu trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này.

5.02 Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành và mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu, công nhận và đồng ý rằng:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ thuộc bất kỳ loại nào ngoài Dịch Vụ và các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (ii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có thể trái với, bất kỳ quy định nào của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quyết định, phán quyết của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào hay quy chế của Trung Tâm Lưu Ký hoặc bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán nào;
- (iii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ phải thông báo về việc xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đối với bất kỳ cam kết nào của Tổ Chức Phát Hành khi có bằng chứng rõ ràng về việc xảy ra Sự Kiện Vi Phạm hoặc vi phạm đó và việc thông báo về Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đó (tùy trường hợp áp dụng) không dẫn đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vi phạm nghĩa vụ bảo mật đối với các Tổ Chức/Cá Nhân khác (mà không phải là Tổ Chức Phát Hành). Nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giám sát việc thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành được quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu được giới hạn trong phạm vi hiểu biết thông thường và trong khả năng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (iv) khi có chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ hành động theo chỉ thị đó nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được cam kết hoặc bảo đảm (đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc bồi hoàn bất kỳ tổn thất, trách nhiệm hay nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc chi trả khi hành động theo chỉ thị đó; và
- (v) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ Dịch Vụ, công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng chỉ thị của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT

6.01 Cam Đuan, Bảo Đam Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành

(a) Cam Đuan Và Bảo Đam

Tổ Chức Phát Hành đưa ra các cam đuan và bảo đam dưới đây với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành rằng các cam đuan và bảo đam dưới đây là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn:

- (i) ngoại trừ các chấp thuận của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền mà Tổ Chức Phát Hành bắt buộc phải có để chào bán Trái Phiếu ra công chúng, đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành đã có được tất cả các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền để (A) phát hành các Trái Phiếu, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên (nếu có);
- (ii) ngoại trừ chấp thuận của hội đồng thành viên và/hoặc cơ quan quản lý nội bộ khác của Tổ Chức Phát Hành đối với việc đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán mà Trung Tâm Lưu Ký, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và/hoặc Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền khác có thể yêu cầu tại từng thời điểm, Tổ Chức Phát Hành đã có được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để (A) phát hành các Trái Phiếu, đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên;

- (iii) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ xác lập các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực, có giá trị ràng buộc và có khả năng thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các điều khoản của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu đó, trừ trường hợp việc thi hành các nghĩa vụ đó có thể bị hạn chế bởi các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản, tái cơ cấu hoặc về các vấn đề tương tự mà liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc thi hành các quyền của chủ nợ nói chung; và
- (iv) việc Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu và việc Tổ Chức Phát Hành ký kết, chuyển giao và thực hiện Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện nội bộ của Tổ Chức Phát Hành hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ hợp đồng hoặc thoả thuận quan trọng nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên tham gia.

(b) Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành cam kết với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng:

- (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ hợp tác và hỗ trợ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tối đa trong việc cung cấp các Dịch Vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ có được và duy trì hiệu lực của tất cả phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận liên quan đến các Trái Phiếu phù hợp với các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các văn kiện công ty của Tổ Chức Phát Hành, và cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông tin chi tiết về các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó theo yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (iii) Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu) các thông tin sau, với điều kiện là việc cung cấp thông tin không dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào, quyết định hoặc yêu cầu của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào:
 - (A) (các) bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành và kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Phương Án Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn như được quy định tại Điều Kiện 11(p) của Các Điều Kiện Trái Phiếu;
 - (B) trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày có bất kỳ thay đổi nào về (xx) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ thành viên góp vốn nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (yy) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành và (zz) người đại diện theo pháp luật của

Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về sự thay đổi đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trừ trường hợp các thay đổi đó đã được công bố thông tin theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật;

- (C) Báo Cáo Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có Báo Cáo Tài Chính đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính có liên quan;
- (D) Báo Cáo Tài Chính bán niên của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo có liên quan; và
- (E) Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi Trái phiếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hàng năm cho đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào;
- (F) tối thiểu 5 (năm) Ngày Làm Việc sau khi hoàn tất bất kỳ giao dịch tổ chức lại doanh nghiệp và/hoặc chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành thỏa mãn quy định tại Điều Kiện 11(h) của Các Điều Kiện Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về việc hoàn tất giao dịch đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kèm theo các thông tin hoặc tài liệu liên quan (nếu có);
- (G) thông tin về bất kỳ vụ kiện tụng nào (xx) theo đánh giá của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi nhận được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (yy) theo đánh giá của Tổ Chức Phát Hành là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó; và
- (H) thông tin về bất kỳ sự kiện nào mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó.

Bất kể có quy định nào khác đi trong Hợp Đồng này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào (mà không phải là thông tin đã được công khai một cách hợp pháp) nhận được từ Tổ Chức Phát Hành theo đoạn (iii) này cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào trừ trường hợp (A) bắt buộc phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan hoặc yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền, (B) được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận trước hoặc (C) việc tiết lộ thông tin được thực hiện theo yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và

- (iv) Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ đầy đủ các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán về nghĩa vụ công bố thông tin của một tổ chức phát hành có trái phiếu được phát

hành ra công chúng và niêm yết (khi được áp dụng) trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

6.02 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Cam Đoan Và Bảo Đảm

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đưa ra các cam đoan và bảo đảm dưới đây với Tổ Chức Phát Hành vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một công ty được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, có đầy đủ quyền, thẩm quyền và quyền hạn nội bộ cần thiết và đã thực hiện tất cả các thủ tục nội bộ và đã có được tất cả các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết để (A) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và (B) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này. Các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ phê duyệt, giấy phép, đăng ký hay chấp thuận nào như vậy;
- (ii) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này sẽ xác lập các nghĩa vụ pháp lý có giá trị ràng buộc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và có khả năng thi hành theo các điều khoản của Hợp Đồng này; và
- (iii) việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký kết, chuyển giao hoặc thực hiện Hợp Đồng này sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện công ty của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ và giấy phép hoạt động của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận quan trọng nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên tham gia.

(b) Cam Kết

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cam kết không tự chấm dứt vai trò hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của mình trừ trường hợp được quy định trong Hợp Đồng này và Các Điều Kiện Trái Phiếu.

ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ

(a) Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khoản phí liên quan đến Dịch Vụ mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này với mức phí và theo lịch thanh toán cụ thể được quy định tại một thư thỏa thuận phí được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(b) Liên quan đến bất kỳ công việc hay dịch vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể cung cấp cho các Tổ Chức/Cá Nhân khác (không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên

quan đến Trái Phiếu, với điều kiện là việc thực hiện các công việc hay dịch vụ này không gây tổn hại hoặc có ảnh hưởng bất lợi đối với các quyền mà Tổ Chức Phát Hành có được theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền ấn định và giữ lại cho mình tất cả các khoản phí mà các Tổ Chức/Cá Nhân khác đó phải thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(c) Mọi chi phí và phí tổn liên quan đến việc gửi thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, lấy ý kiến bằng văn bản của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và phân bổ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các nhiệm vụ hay công việc khác phù hợp với Hợp Đồng này mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý trên thực tế sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 20 (hai mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được các hóa đơn và bằng chứng hợp lệ có liên quan từ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là các khoản phí và chi phí này đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo bằng văn bản và nhận được chấp thuận trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành. Để tránh nhầm lẫn, trong trường hợp Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, chi phí mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý để thực hiện các nhiệm vụ hay công việc có liên quan sẽ do các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thỏa thuận giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó.

(d) Mọi khoản phí và chi phí liên quan đến việc chuyển tiền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Tổ Chức Phát Hành thanh toán. Mọi khoản phí và chi phí liên quan đến việc chuyển tiền để thanh toán khoản gốc, Lãi và các khoản tiền khác phát sinh trên các Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán.

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được giữ lại bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và khoản tiền đó đến hạn thanh toán và còn nợ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

ĐIỀU 8. BỒI HOÀN

(a) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý bồi thường và bồi hoàn (tính theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu trên thực tế (trừ trường hợp và trong phạm vi thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm đó là phát sinh trực tiếp từ lỗi vô ý nghiêm trọng, lỗi cố ý và/hoặc bất kỳ vi phạm nào đối với Hợp Đồng này của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) khi hành động theo chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

(b) Mỗi Bên phải bồi thường và bồi hoàn cho Bên còn lại mọi thiệt hại, tổn thất, chi phí, phí và phí tổn hợp lý, bao gồm cả phí luật sư và phí trọng tài (nếu có) dưới bất kỳ hình thức nào mà Bên còn lại phải gánh chịu trên thực tế phát sinh trực tiếp từ hoặc liên quan đến bất kỳ hành vi vi phạm nào của Bên phải bồi thường theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

9.01 Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**”) có thể bị thay thế bởi một tổ chức khác (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**”) theo các quy định tại Điều 9 này.

(b) Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ có hiệu lực từ ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và Tổ Chức Phát Hành ký kết thỏa thuận tham gia về cơ bản theo mẫu quy định tại Phụ Lục III của Hợp Đồng này, trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thỏa thuận khác.

(c) Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) nếu phù hợp với Điều 9 này sẽ (i) không yêu cầu phải có chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) sẽ ràng buộc Tổ Chức Phát Hành, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Trái Phiếu và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu.

(d) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, có uy tín và kinh nghiệm và đáp ứng các điều kiện cần thiết để làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(e) Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) sẽ gửi thông báo cho Bên còn lại, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Trái Phiếu (nếu áp dụng) và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc từ ngày hoàn thành việc chỉ định đó.

(f) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bàn giao các hồ sơ, tài liệu, hoặc vật dụng mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có được khi thực hiện Dịch Vụ liên quan đến Trái Phiếu cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế ngay khi có thể thực hiện được trên thực tế (nhưng sau khi đã nhận đủ tất cả các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này).

9.02 Thay Thế Do Từ Nhiệm

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể từ nhiệm và ngừng thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến từ nhiệm.

(b) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo từ nhiệm của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

(c) Nếu Tổ Chức Phát Hành không chỉ định được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong thời hạn quy định tại Điều 9.02(b) thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có quyền chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

9.03 Thay Thế Bất Buộc

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể bị thay thế theo một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối nếu:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm vi phạm nghiêm trọng nhiệm vụ của mình như được quy định trong Hợp Đồng này và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (ii) có sự thay đổi đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà sự thay đổi này chưa được thi hành và chưa có hiệu lực vào ngày ký kết Hợp Đồng hoặc thỏa thuận tham gia có liên quan (tùy từng trường hợp áp dụng) nhưng gây ra ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, điều kiện tài chính, hoặc triển vọng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, hoặc khả năng thực hiện các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác; hoặc
- (iii) theo đánh giá của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình.

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo đây đồng ý rằng, ngay khi bất kỳ sự kiện nào quy định tại các mục (i) và (ii) của Điều 9.03(a) này xảy ra trên thực tế hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành về việc xảy ra sự kiện đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm biết về việc sự kiện đó đã xảy ra hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế.

(b) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

(c) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bị thay thế nếu có kết luận hoặc quyết định đã có hiệu lực của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền về việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không được thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có bất kỳ kết luận hoặc quyết định nào như vậy. Trong trường hợp này, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trước thời điểm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bắt buộc phải thôi thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo kết luận hoặc quyết định có liên quan của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền.

9.04 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có bất kỳ quyết định nào về việc chấm dứt hoạt động của mình.

(b) Ngay khi có thể sau khi nhận được thông báo nêu trên của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 25 (hai mươi

lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo đó, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

(c) Tổ Chức Phát Hành công nhận và cam kết rằng kể cả và trong khi chưa có tổ chức nào được chỉ định làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm đã chấm dứt hoạt động thì Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm là một bên sẽ tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc Tổ Chức Phát Hành như thể sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Điều 9.04 này chưa xảy ra.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

(a) Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký và bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây:

- (i) không có bất kỳ Trái Phiếu nào được phát hành trước hoặc vào 30 tháng 6 năm 2020;
- (ii) theo thỏa thuận của các Bên và được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận; hoặc
- (iii) không còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào.

(b) Ngay sau khi Hợp Đồng này chấm dứt (với điều kiện là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận đầy đủ các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chuyển giao cho Tổ Chức Phát Hành tất cả sổ sách, hồ sơ, băng, đĩa mềm máy tính, chứng chỉ và tất cả các tài liệu và vật dụng khác thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ liên quan đến Hợp Đồng này.

(c) Việc chấm dứt Hợp Đồng này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm mà mỗi Bên có trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại các Điều 8, 10(b), 10(c), 11.02, 11.04, 11.05 và 11.06 vẫn có giá trị ràng buộc các Bên sau khi Hợp Đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

11.01 Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy

(a) Việc một Bên không thực hiện hay chậm thực hiện bất kỳ quyền nào của mình theo Hợp Đồng này sẽ không được hiểu là Bên đó từ bỏ quyền đó hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ có liên quan. Việc một Bên từ bỏ quyền hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ phải được lập bằng văn bản và được ký bởi Bên đó.

(b) Các quyền của một Bên theo Hợp Đồng này hoặc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan có thể được thực hiện cùng nhau mà không loại trừ lẫn nhau trừ trường hợp việc thực hiện cùng nhau đó không được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.02 Bảo Mật

Mỗi Bên phải bảo đảm giữ bí mật nội dung của Hợp Đồng này và không tiết lộ sự tồn tại, hiệu lực và nội dung của Hợp Đồng này và việc thực hiện Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào ngoại trừ:

- (i) việc tiết lộ đó đã được Bên kia chấp thuận trước bằng văn bản;
- (ii) việc tiết lộ cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Trái Phiếu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (iii) việc tiết lộ là bắt buộc theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy định của Trung Tâm Lưu Ký và bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan nào, hoặc theo yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền;
- (iv) việc tiết lộ bởi Tổ Chức Phát Hành cho nhà đầu tư hiện tại hoặc nhà đầu tư tiềm năng vào Tổ Chức Phát Hành và đối tác tham gia giao dịch với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu;
- (v) việc tiết lộ bởi một Bên cho Công Ty Con, công ty liên kết và cán bộ, nhân viên, nhà đầu tư hiện tại hoặc nhà đầu tư tiềm năng liên quan đến Trái Phiếu, kế toán, luật sư, đơn vị tư vấn và người đại diện tương ứng của Bên đó trong phạm vi mà các Tổ Chức/Cá Nhân này là những người cần được biết nội dung của Hợp Đồng này nhằm thực hiện nghĩa vụ của bên đó theo Hợp Đồng này; hoặc
- (vi) thông tin đã trở nên công khai (ngoại trừ trường hợp là hậu quả của việc vi phạm Điều 11.02 này),

tuy nhiên, với điều kiện là, trước khi tiết lộ thông tin theo các Điều 11.02(iv) và 11.02(v) trên đây, Bên tiết lộ thông tin phải thông báo cho các Tổ Chức/Cá Nhân tiếp nhận thông tin về điều khoản bảo mật này và tính chất bảo mật của nội dung của Hợp Đồng này đồng thời đảm bảo các Tổ Chức/Cá Nhân đó cam kết tuân thủ nghĩa vụ bảo mật được quy định của Điều 11.02 này.

11.03 Chuyển Giao

Trừ trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, không Bên nào được chuyển giao hoặc chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này khi chưa được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ việc chuyển giao hoặc chuyển nhượng vì lý do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.04 Thông Báo

Việc gửi thông báo theo Hợp Đồng này sẽ theo phương thức quy định tại Điều Khoản 13 của Các Điều Khoản Trái Phiếu.

11.05 Luật Điều Chỉnh

Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

11.06 Giải Quyết Tranh Chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này (kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến sự tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Hợp Đồng này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

11.07 Sửa Đổi

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này đều phải được lập bằng văn bản và được ký kết bởi các Bên. Các Bên có thể sửa đổi Hợp Đồng này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nếu (i) việc sửa đổi không ảnh hưởng bất lợi đến quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào hoặc việc sửa đổi hoàn toàn mang tính hình thức để sửa chữa các sai sót hiển nhiên hoặc mang tính kỹ thuật hoặc (ii) việc sửa đổi đó đã được dự kiến trong Hợp Đồng này mà không yêu cầu phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận. Bất kỳ sửa đổi nào khác đối với Hợp Đồng này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận trước.

11.08 Hiệu Lực Riêng Rẽ

Mỗi quy định trong Hợp Đồng này và mỗi phần của nó là riêng rẽ và phân biệt so với các quy định khác. Nếu có bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này là không có giá trị, không hợp pháp hoặc không có giá trị thì hành theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan thì giá trị, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các quy định còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào.

11.09 Ngôn Ngữ Và Số Bản

Hợp Đồng này được lập thành 4 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giữ 2 (hai) bản gốc.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống.
Phần chữ ký nằm ở trang tiếp theo.]*

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, các Bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Hợp Đồng này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Hợp Đồng này.

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ
BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO**

Với tư cách là Tổ Chức Phát Hành



Chữ ký: _____

Họ tên: _____

Chức vụ: _____

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
KỸ THƯƠNG** với tư cách là Đại Diện Chủ
Sở Hữu Trái Phiếu



Chữ ký: _____

Họ tên: Nguyễn Thị Thu Hiền

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

PHU LUC I

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1 Các điều khoản và điều kiện này ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") điều chỉnh các trái phiếu ("**Trái Phiếu**") do Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo ("**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**NPM**") phát hành theo phương án phát hành trái phiếu được Hội Đồng Thành Viên của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt theo Nghị Quyết số ____/2019/NQ-HĐTV ngày ____ tháng ____ năm 2019 ("**Phương Án Phát Hành Trái Phiếu**"). Các thuật ngữ viết hoa khi được sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 17.1.
- 1.2 Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức làm đại lý lưu ký để thực hiện việc đăng ký và quản lý chuyển nhượng đối với Trái Phiếu ("**Đại Lý Trái Phiếu**"). Căn cứ hợp đồng đại lý lưu ký trái phiếu ngày ____ tháng ____ năm 2019 giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS ("**Hợp Đồng Đại Lý**"), Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Lý Trái Phiếu ban đầu.
- 1.3 Cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có một tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"). Căn cứ hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu ngày ____ tháng ____ năm 2019 giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS ("**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"), Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu.
- 1.4 Mọi nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu được bảo đảm bằng các Biện Pháp Bảo Đảm được xác lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Việc bảo đảm cho Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Điều Kiện 6.
- 1.5 Các Điều Kiện Trái Phiếu này, cùng với các quy định có liên quan của các Văn Kiện Trái Phiếu khác, quy định các quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các bên liên quan khác đối với Trái Phiếu. Các Văn Kiện Trái Phiếu được lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể nghiên cứu, xem xét hoặc sao chụp hợp lệ.
- 1.6 Bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (i) chấp nhận việc lựa chọn TCBS làm Đại Lý Trái Phiếu ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, (ii) đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Trái Phiếu có thể là cùng một tổ chức, (iii) ủy quyền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để, nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, ký kết các Văn Kiện Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, (iv) đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có thể xảy ra trong tương lai, (v) được xem là đã nghiên cứu, đồng ý và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, và (vi) có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ gắn với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

2. TÍNH CHẤT

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang bằng mà không Trái Phiếu nào sẽ có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào. Nếu khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm nhưng nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu còn tồn đọng do số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ thì phần nghĩa vụ còn tồn đọng đó sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất *ngang bằng* với các nghĩa vụ khác, không phải là nợ thứ cấp và không được bảo đảm ở thời điểm hiện tại hoặc tương lai của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

3. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu cho mục đích cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành.

4. HÌNH THỨC, MỆNH GIÁ, THỜI HẠN, QUYỀN SỞ HỮU, SỐ ĐĂNG KÝ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG TRÁI PHIẾU

4.1. Hình Thức, Mệnh Giá Và Thời Hạn

- (a) Trái Phiếu được phát hành ra công chúng thông qua phương thức bảo lãnh phát hành theo hình thức cố gắng tối đa. Trái Phiếu được phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ (quyền sở hữu đối với Trái Phiếu được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký) với mệnh giá mỗi Trái Phiếu là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng).
- (b) Số lượng Trái Phiếu được phát hành tối đa là 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu.
- (c) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Trái Phiếu có liên quan trong trường hợp Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, Trung Tâm Lưu Ký, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các Cơ Quan Nhà Nước khác có yêu cầu.
- (d) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc có thông báo bằng hình thức khác được Đại Lý Trái Phiếu chấp nhận, sẽ được Đại Lý Trái Phiếu cấp 1 (một) bản trích lục hợp lệ Sổ Đăng Ký ghi nhận việc sở hữu số Trái Phiếu được đăng ký của mình phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này, Hợp Đồng Đại Lý và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc cấp trích lục Sổ Đăng Ký hoặc tài liệu tương đương sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).
- (e) Thời hạn của Trái Phiếu sẽ bắt đầu từ Ngày Phát Hành và kết thúc vào ngày tròn 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành ("**Ngày Đáo Hạn**").

4.2. Quyền Sở Hữu, Sổ Đăng Ký Và Chuyển Nhượng Trái Phiếu

- (a) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do chuyển nhượng, hoặc được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia các quan hệ dân sự, thương mại hợp pháp khác phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (b) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký:
 - (i) Đại Lý Trái Phiếu sẽ lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký sẽ ghi nhận tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, Ngày Phát Hành, Ngày Đáo Hạn, mọi giao dịch chuyển nhượng, tên, địa chỉ, thư điện tử, thông tin định danh khác, tài khoản và số lượng Trái Phiếu thuộc sở hữu của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và các thông tin chi tiết khác mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Trái Phiếu cho là phù hợp hoặc cần phải được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan; và
 - (ii) Quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao thông qua chuyển nhượng và được đăng ký vào Sổ Đăng Ký theo thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Lý. Bên nhận chuyển nhượng bất kỳ Trái Phiếu nào chỉ được xem là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu đó khi thông tin về bên nhận chuyển nhượng và việc sở hữu Trái Phiếu của bên nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ Đăng Ký. Bên chuyển nhượng chỉ chấm dứt tư cách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được chuyển nhượng nếu thông tin về bên chuyển nhượng trong Sổ Đăng Ký được xóa hoặc được cập nhật tương ứng với số Trái Phiếu còn lại mà bên chuyển nhượng sở hữu vào Sổ Đăng Ký.
- (c) Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký, nội dung và hình thức của Sổ Đăng Ký và việc chuyển nhượng Trái Phiếu sẽ tuân theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng). Việc tạm ngừng giao dịch Trái Phiếu (nếu có) nhằm phục vụ việc đăng ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký sẽ tuân theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký.
- (d) Trừ trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan quy định khác, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được xem là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký có giá trị hợp lệ và cao nhất để xác định quyền sở hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

5. ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ VÀ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

- 5.1. Phụ thuộc vào việc (i) Tổ Chức Phát Hành đã nhận được thông báo bằng văn bản của Đại Lý Trái Phiếu về việc đã có đủ số lượng Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tối thiểu nhằm niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán và (ii) Tổ Chức Phát Hành đã đáp ứng các điều kiện để đăng ký và niêm yết Trái Phiếu theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc một thời hạn khác dài hơn được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc đăng ký và niêm

yết Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ phối hợp với Đại Lý Trái Phiếu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Sau đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì việc đăng ký và niêm yết đó cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành (trừ khi được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận khác).

- 5.2. Sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự lưu ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký.

6. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm, Trái Phiếu được bảo đảm bằng tài sản với các nội dung cơ bản như sau (phụ thuộc vào các sửa đổi, bổ sung đối với Các Hợp Đồng Bảo Đảm tại từng thời điểm):

6.1. Phương Thức Bảo Đảm

- (a) Để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các Tổ Chức/Cá Nhân khác ("**Các Bên Bảo Đảm**") sẽ xác lập các biện pháp bảo đảm theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm (các "**Biện Pháp Bảo Đảm**"), bao gồm nhưng không giới hạn bởi các Biện Pháp Bảo Đảm được liệt kê dưới đây sao cho, tại bất kỳ thời điểm nào kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành đầy đủ việc thanh toán các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, Tổng Giá Trị Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó, trừ khi được chấp thuận khác đi bằng văn bản bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:

- (i) MH hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan sẽ thế chấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một số lượng nhất định cổ phần phổ thông của MSR ("**Cổ Phần MSR**") để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm ("**Cổ Phần Thế Chấp MSR**") nhưng phải tuân thủ theo các điều kiện được quy định cụ thể tại Điều Khoản 6.1(c) dưới đây. Việc thế chấp này sẽ được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR; và/hoặc

- (ii) (các) Biện Pháp Bảo Đảm khác (nếu có) giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác vào từng thời điểm để bổ sung hoặc thay thế cho Biện Pháp Bảo Đảm nêu tại mục (i) trên đây để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

- (b) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận rằng Tổng Giá Trị Bảo Đảm vào một ngày định giá lại/dánh giá lại tài sản thế chấp theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm, là tổng giá trị bảo đảm của các Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm ("**Tổng Giá Trị Bảo Đảm**") và được xác định theo công thức sau:

$$TV = S + C + OA$$

trong đó:

- TV** là Tổng Giá Trị Bảo Đảm vào ngày định giá lại/đánh giá lại có liên quan;
- S** là Giá Trị Bảo Đảm Của Cổ Phần Thế Chấp MSR vào ngày định giá lại/đánh giá lại có liên quan;
- C** là tổng các khoản tiền (nếu có) trong các tài khoản hoặc khoản tiền gửi theo các hợp đồng tiền gửi được cầm cố hoặc thế chấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động thay mặt và nhân danh Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (như được định nghĩa bên dưới) để bảo đảm cho việc thực hiện các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm được xác định vào 10:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của ngày định giá lại/đánh giá lại có liên quan; và
- OA** là tổng giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm khác (nếu có),

với điều kiện là nếu (i) bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm khác nào không được yêu cầu là phải được định giá lại/đánh giá lại vào cùng ngày định giá/đánh giá có liên quan, và (ii) không có bất kỳ thay đổi nào đối với Tài Sản Bảo Đảm khác đó từ ngày định giá/đánh giá gần nhất của Tài Sản Bảo Đảm khác đó, thì giá trị của Tài Sản Bảo Đảm khác đó sẽ là giá trị được xác định vào ngày định giá/đánh giá gần nhất của Tài Sản Bảo Đảm khác đó.

(c) Liên quan đến việc xác định giá trị của Cổ Phần Thế Chấp MSR, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu, chấp thuận rằng:

(i) giá trị bảo đảm của Cổ Phần Thế Chấp MSR ("**Giá Trị Bảo Đảm Của Cổ Phần Thế Chấp MSR**") có nghĩa là giá trị được xác định theo công thức sau:

$$S = (A + WFT) \times \frac{\text{Giá Thị Trường}}{k}$$

trong đó:

S là Giá Trị Bảo Đảm Của Cổ Phần Thế Chấp MSR vào ngày định giá/đánh giá có liên quan;

A là tổng số Cổ Phần Thế Chấp MSR vào ngày định giá/đánh giá có liên quan;

WFT là tổng số Cổ Phần Thế Chấp MSR Có Liên Quan mà MH hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan đã được chốt quyền nhận vào hoặc trước ngày định giá/đánh giá có liên quan theo thông báo của Trung Tâm Lưu Ký nhưng chưa được ghi nhận hoặc đã được ghi nhận dưới trạng thái chứng khoán chờ về trên tài khoản chứng khoán của Bên Bảo Đảm mở tại Thành Viên Lưu Ký. Để làm rõ, trong trường hợp MSR hủy bỏ việc phát hành Cổ Phần Thế Chấp MSR Có Liên Quan dẫn đến việc Bên Bảo Đảm không nhận được

số Cổ Phần Thế Chấp MSR Có Liên Quan đó sau ngày có thông báo chốt quyền của Trung Tâm Lưu Ký nêu trên, số Cổ Phần Thế Chấp MSR Có Liên Quan đó sẽ không được tính vào công thức này; và

- k là tỷ lệ phần trăm (%) được dùng để tính toán Giá Trị Bảo Đảm Của Cổ Phần Thế Chấp MSR tại từng thời điểm và được xác định trong từng trường hợp cụ thể tại các đoạn (ii), (iii) và (iv) bên dưới.
- (ii) Liên quan đến việc xác định Giá Trị Bảo Đảm Của Cổ Phần Thế Chấp MSR theo đoạn (i) bên trên, Giá Thị Trường của Cổ Phần Thế Chấp MSR sẽ được định giá tại thời điểm thế chấp ban đầu bởi một tổ chức định giá độc lập thuộc danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện thẩm định giá của Bộ Tài Chính ban hành ("**Tổ Chức Thẩm Định Giá Được Phép**");
- (iii) Liên quan đến việc xác định Giá Trị Bảo Đảm Của Cổ Phần Thế Chấp MSR theo đoạn (i) bên trên, Giá Thị Trường của Cổ Phần Thế Chấp MSR cũng sẽ được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đánh giá lại theo phương pháp đánh giá được xác định trong Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan (x) vào Ngày Giao Dịch cuối cùng của mỗi quý trong mỗi năm dương lịch trong suốt thời hạn Trái Phiếu và (y) khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
- (A) khi MSR phát hành các Công Cụ Tài Chính Có Khả Năng Chuyển Đổi;
- (B) khi MSR phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ (trừ trường hợp (x) MSR phát hành cổ phần dẫn đến việc Bên Bảo Đảm nhận được các Cổ Phần Thế Chấp MSR Có Liên Quan, (y) MSR phát hành cổ phần để chuyển đổi các Công Cụ Tài Chính Có Khả Năng Chuyển Đổi đã được phát hành theo đoạn bên trên, hoặc (z) MSR phát hành cổ phần mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động)
- (C) khi, theo kết quả theo dõi của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổng Giá Trị Bảo Đảm thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu hoặc theo yêu cầu của Bên Bảo Đảm khi Bên Bảo Đảm theo dõi trên cơ sở hợp lý và thấy rằng Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút cao hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó;
- (D) theo quyết định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi (x) xảy ra một sự kiện gây ra Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể đối với MSR hoặc (y) MSR tiến hành các sự kiện liên quan đến việc thực hiện quyền của cổ đông của MSR (kể cả phân chia cổ tức không phải bằng cổ phần hoặc mua cổ phiếu quỹ) làm vốn chủ sở hữu của MSR trên cơ sở hợp nhất bị giảm trên 10% (mười phần trăm) so với thời điểm định giá/đánh giá gần nhất; hoặc
- (E) khi Tổ Chức Phát Hành có yêu cầu định giá lại Tài Sản Bảo Đảm và rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm tương ứng sau khi thực hiện việc mua lại trước hạn theo Điều Kiện 9.3(d) của Các Điều Kiện Trái Phiếu;

- (iv) nhằm mục đích xác định Tổng Giá Trị Bảo Đảm tại ngày định giá lại/đánh giá lại có liên quan, Giá Trị Bảo Đảm Của Cổ Phần Thế Chấp MSR sẽ được xác định theo công thức tại đoạn (i) nêu trên với **k bằng 150%** (một trăm năm mươi phần trăm);
 - (v) nhằm mục đích xác định Giá Trị Bảo Đảm Của Cổ Phần Thế Chấp MSR tại thời điểm được thế chấp ban đầu để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì, Giá Trị Bảo Đảm Của Cổ Phần Thế Chấp MSR sẽ được xác định theo công thức tại đoạn (i) nêu trên với **k bằng 200%** (hai trăm phần trăm); và
 - (vi) nhằm mục đích xác định Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút, Giá Trị Bảo Đảm Của Cổ Phần Thế Chấp MSR sẽ được xác định theo công thức tại đoạn (i) nêu trên với **k bằng 250%** (hai trăm năm mươi phần trăm).
- (d) Trường hợp giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm sụt giảm dẫn đến Tổng Giá Trị Bảo Đảm tại một ngày định giá lại/đánh giá lại thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành phải bổ sung thêm tài sản bảo đảm bao gồm (i) tiền gửi; (ii) Cổ Phần MSR; hoặc (iii) Tài Sản Bảo Đảm khác (nếu được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận theo quyết định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc theo một nghị quyết của chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thấy cần thiết) sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu.
- (e) Tổ Chức Phát Hành có thể rút bớt một phần hoặc toàn bộ các Tài Sản Bảo Đảm đang được sử dụng để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan, với điều kiện là (A) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút lớn hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, và (B) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì sau khi rút bớt Tài Sản Bảo Đảm đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó với điều kiện là thứ tự rút Tài Sản Bảo Đảm sẽ là (i) đầu tiên, tiền gửi hoặc tiền trên tài khoản ngân hàng; và (ii) tiếp theo, Cổ Phần Thế Chấp MSR.
- (f) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua hoặc nhận chuyển nhượng trái phiếu, chấp thuận ủy quyền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nhân danh và vì quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) được quyền
- (i) chỉ định một Tổ Chức/Cá Nhân đáp ứng các yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan làm đại lý nhận và quản lý các Tài Sản Bảo Đảm (“**Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**”) để cùng với hoặc thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận và quản lý các Tài Sản Bảo Đảm theo các điều khoản và điều kiện do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm thỏa thuận, với điều kiện là việc chỉ định này chỉ được thực hiện trên cơ sở bàn bạc và trao đổi với Tổ Chức Phát Hành; và
 - (ii) quyết định các nội dung cụ thể của Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR, hợp đồng bảo đảm đối với Tài Sản Bảo Đảm là tiền gửi hoặc Tài Sản Bảo Đảm khác và các tài liệu khác liên quan đến việc thế chấp Cổ Phần MSR, tiền gửi hoặc các Tài Sản Bảo Đảm khác đó trên cơ sở không trái với các quy định có liên quan tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý miễn trừ các nghĩa vụ và trách nhiệm cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với các thiệt hại có thể xảy ra cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

6.2. Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm

Các nghĩa vụ được bảo đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm là toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu ("**Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm**") bao gồm nhưng không giới hạn: (i) nghĩa vụ thanh toán gốc của các Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm áp dụng, (ii) nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên các Trái Phiếu (bao gồm cả trong hạn và quá hạn), (iii) tiền phạt và bồi thường thiệt hại của Tổ Chức Phát Hành đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và (iv) các nghĩa vụ thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

6.3. Thủ Tục Thi Hành Biện Pháp Bảo Đảm

Khi một Sự Kiện Vi Phạm được xác định là đã xảy ra theo quy định tại Điều Khoản 12.1 và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận được thông báo bằng văn bản của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn theo Điều Khoản 12.2, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Các Bên Bảo Đảm và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Nếu các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành chưa được thanh toán vào hoặc trước Ngày Thanh Toán Cuối Cùng, phụ thuộc vào các quy định tại Điều Khoản 12.2, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, sẽ thực hiện các hành động nhằm xử lý toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi Thông Báo Xử Lý Tài Sản (như được định nghĩa trong Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan) cho Tổ Chức Phát Hành, Các Bên Bảo Đảm, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Trái Phiếu (nếu áp dụng) và đăng ký Thông Báo Xử Lý Tài Sản và/hoặc việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm với các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm có thẩm quyền (nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu).

6.4. Đăng Ký Giao Dịch Bảo Đảm

Biện Pháp Bảo Đảm được quy định tại mỗi Hợp Đồng Bảo Đảm sẽ được các bên liên quan ký kết và công chứng (nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu phải công chứng) hợp lệ, được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hợp lệ với các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm có thẩm quyền theo quy định tương ứng của Hợp Đồng Bảo Đảm đó và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng.

6.5. Quyền Và Nhiệm Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Liên Quan Đến Tài Sản Bảo Đảm

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có các quyền và nhiệm vụ sau:

- (i) ký kết Các Hợp Đồng Bảo Đảm;

- (ii) quản lý hồ sơ, giấy tờ và tài liệu liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm; quản lý Tài Sản Bảo Đảm được giao cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc ủy quyền cho Tổ Chức/Cá Nhân khác quản lý theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (iii) thực hiện và thi hành bất kỳ quyền, quyền lợi, quyền hạn và thẩm quyền nào của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Khoản Trái Phiếu này đối với Tài Sản Bảo Đảm và các Biện Pháp Bảo Đảm được xác lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm, kể cả xử lý Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (iv) xem xét chấp thuận việc chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm bởi Các Bên Bảo Đảm cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào với điều kiện là Tổ Chức/Cá Nhân nhận chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm đó sẽ phải cầm cố và/hoặc thế chấp lại các Tài Sản Bảo Đảm đó cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện tương đương với các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng đã được ký kết đối với Tài Sản Bảo Đảm đó và các điều khoản, điều kiện khác theo yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu); và
- (v) các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

Ngoại trừ việc chỉ định Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Điều Khoản 6.1(f), nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật liên quan có yêu cầu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định một Tổ Chức/Cá Nhân đáp ứng các yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan làm đại lý nhận và quản lý tài sản bảo đảm để cùng với hoặc thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận và quản lý các Tài Sản Bảo Đảm theo các điều khoản và điều kiện do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và đại lý nhận và quản lý tài sản bảo đảm đó thỏa thuận, với điều kiện là việc chỉ định Tổ Chức/Cá Nhân đó phải được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận trước bằng văn bản (tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành không được từ chối đưa ra chấp thuận đó một cách bất hợp lý).

7. LÃI TRÁI PHIẾU

7.1. Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi với lãi suất (“**Lãi Suất**”) như sau:

- (i) đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng 10% (mười phần trăm) một năm; và
- (ii) đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó cộng với 3,1% (ba phẩy một phần trăm) một năm.

Trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này,

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân với lãi trả sau bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Phố Hà

Nội, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch I công bố vào Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, (i) lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân để tính Lãi Suất Tham Chiếu nêu trên là lãi suất áp dụng chung (mà không chỉ áp dụng cho một hoặc một số đối tượng cụ thể) và (ii) trong trường hợp đặc biệt khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không xác định được hoặc không có cơ sở để xác định một hay nhiều mức lãi suất tiền gửi nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được xác định theo quy định có liên quan của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến chữ số thứ 3 (ba) ở phần thập phân (nếu không phải là số nguyên), và được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn. Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó.

Nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với Lãi Suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định tại câu liền trước thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

- 7.2. Trái Phiếu sẽ hưởng lãi cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- 7.3. Lãi trên gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:
- (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên; và
 - (ii) đối với bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đó.

Trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này, “**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào tròn 6 (sáu) tháng và 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành và bất kỳ ngày tròn năm nào của các ngày như vậy trong bất kỳ năm dương lịch nào trong suốt thời hạn Trái Phiếu.

- 7.4. Trong trường hợp tiền lãi phát sinh trên mỗi Trái Phiếu không phải là một số nguyên thì tiền lãi trên mỗi Trái Phiếu đó sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ 3 (ba) sau dấu phẩy và tổng số tiền lãi phát sinh trên các Trái Phiếu mà mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị.

8. THANH TOÁN

8.1. Thanh Toán Gốc, Lãi Và Các Khoản Tiền Khác Theo Trái Phiếu

- (a) Việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định dưới đây. Tuy nhiên, nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký).
- (b) Gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) vào ngày đến hạn có liên quan bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký (tài khoản này được quy định cụ thể hơn tại Điều Kiện 8.2).
- (c) Thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) trong các trường hợp mua lại vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng). Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, và lãi (bao gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu và lãi quá hạn, nếu có) sẽ được tính theo Điều Kiện 7, Điều Kiện 8.3(b) và/hoặc Điều Kiện 8.4(b) (tùy trường hợp áp dụng). Khi thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu cùng với thanh toán gốc theo Điều Kiện 8.1(c) này, Tổ Chức Phát Hành được xem là đã hoàn thành việc thanh toán lãi quy định tại Điều Kiện 8.1(d).
- (d) Thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán trên Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tương ứng tại Điều Kiện 7 cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.
- (e) Tổ Chức Phát Hành được xem là hoàn thành việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào theo Trái Phiếu khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận được toàn bộ khoản tiền đó phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (f) Các khoản thanh toán đối với Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu tương ứng của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó và theo thứ tự sau (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác):
- (i) thứ nhất, thanh toán tiền lãi phát sinh trên lãi Trái Phiếu bị quá hạn;
 - (ii) thứ hai, thanh toán tiền lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu bị quá hạn;
 - (iii) thứ ba, thanh toán tiền lãi Trái Phiếu; và
 - (iv) thứ tư, thanh toán tiền gốc Trái Phiếu.

8.2. Tài Khoản Đăng Ký

Tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa là tài khoản ngân hàng bằng tiền Đồng được duy trì bởi hoặc nhân danh Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký cùng với tài khoản chứng khoán của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tài khoản khác (theo thông báo của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để chuyển các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu với thông tin chi tiết được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng.

8.3. Thanh Toán Vào Ngày Làm Việc

- (a) Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải là Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Trừ trường hợp quy định tại Điều Khoản 8.3(b), Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.
- (b) Nếu Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng) không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái Phiếu đang lưu hành vào ngày đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên khoản gốc Trái Phiếu theo Lãi Suất đang áp dụng vào ngày đó cho giai đoạn tính từ (và bao gồm cả) ngày đó đến (nhưng không bao gồm) Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

8.4. Các Quy Định Khác

- (a) Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó, khoản gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Trong trường hợp đó, khoản gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất được quy định tại Điều Khoản 8.4(b).
- (b) Trừ khi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có chấp thuận khác, Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên bất kỳ khoản tiền nào bị chậm thanh toán (dù là gốc, lãi hay bất kỳ khoản thanh toán nào khác theo Trái Phiếu) phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này với lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 7.1. Trong trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức lãi suất quá hạn tối đa đối với bất kỳ khoản tiền chậm thanh toán nào nêu trên mà mức lãi suất quá hạn tối đa đó thấp hơn 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 7.1 thì mức lãi suất quá hạn tối đa đó sẽ được áp dụng. Lãi quá hạn sẽ được tính cho số ngày thực tế trôi qua trong giai đoạn từ (và bao gồm cả) ngày đến hạn thanh toán đến (nhưng không bao gồm) ngày khoản tiền chậm thanh toán được Tổ Chức Phát Hành thanh toán trên thực tế trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Để tránh nhầm lẫn, (i) phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2, nếu phát sinh việc chậm thanh toán, Tổ Chức Phát Hành có thể thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày đến hạn thanh toán có liên quan, và (ii) sẽ không có khoản lãi nào phát sinh trên lãi chậm trả trong bất kỳ trường hợp nào.

- (c) Thuế áp dụng đối với bất kỳ khoản thanh toán nào mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu sẽ do Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu. Việc nộp thuế sẽ theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (d) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ để thực hiện một đợt thanh toán mới được nhận khoản tiền thanh toán tương ứng trong đợt thanh toán đó.

9. MUA LẠI, MUA VÀ HỦY BỎ

9.1. Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá Trái Phiếu, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên toàn bộ Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn.

9.2. Mua Lại Khi Có Sự Kiện Vi Phạm

Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2 khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản 12.1.

9.3. Mua Lại Theo Quyền Chọn Của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành và khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại Đại Lý Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành bằng việc công bố, công khai cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kế hoạch mua lại Trái Phiếu trước hạn và gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu ("**Thông Báo Chào Mua**") đến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) và Đại Lý Trái Phiếu (nếu áp dụng) chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn, nêu rõ số lượng Trái Phiếu được chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu ("**Thời Hạn Đăng Ký Bán**") và Ngày Mua Lại Trước Hạn.
- (b) Sau khi nhận được Thông Báo Chào Mua của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu sẽ thực hiện các thủ tục chào mua phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (c) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành. Trường hợp chấp nhận bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo xác nhận bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Đại Lý Trái Phiếu quy định, trong đó nêu rõ số lượng Trái Phiếu mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại ("**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**") đến Đại Lý Trái Phiếu trước khi kết thúc Thời Hạn Đăng Ký Bán. Kể từ thời điểm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo đăng ký bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý không hủy ngang sẽ chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán cho Tổ Chức Phát Hành theo các điều kiện được quy định trong Thông Báo Chào Mua, và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán đó cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành.

- (d) Sau khi thực hiện chào mua Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 9.3 này, nếu Tổ Chức Phát Hành chỉ mua lại một phần các Trái Phiếu đang lưu hành và muốn rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm, với điều kiện là Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì sau khi rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó, thì Tổ Chức Phát Hành được quyền yêu cầu định giá lại Tài Sản Bảo Đảm (trong trường hợp cần thiết) và rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm tương ứng theo quy định của Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.

9.4. Mua Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết

Khi Trái Phiếu được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành theo phương thức phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế và hướng dẫn có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

9.5. Mua Lại Khi Không Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm

- (a) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không tự mình hoặc yêu cầu một hoặc một số Tổ Chức/Cá Nhân khác bổ sung Tài Sản Bảo Đảm hoặc tạo lập các Biện Pháp Bảo Đảm bổ sung theo quy định tại Điều Khoản 11(j) và Các Hợp Đồng Bảo Đảm, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại từ tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và khi đó tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại cho Tổ Chức Phát Hành, một số Trái Phiếu nhất định theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì được xác định theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm ngay sau khi mua lại số lượng Trái Phiếu đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó.
- (b) Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ công bố, công khai thông tin về việc mua lại Trái Phiếu và gửi thông báo mua lại Trái Phiếu (nêu rõ số lượng Trái Phiếu mua lại, giá mua lại và Ngày Mua Lại Trước Hạn) cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) và Đại Lý Trái Phiếu (nếu áp dụng) chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn có liên quan.
- (c) Trừ trường hợp việc thanh toán giá mua lại Trái Phiếu sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn bổ sung Tài Sản Bảo Đảm (để làm rõ, thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc này là thời hạn khắc phục vi phạm cam kết quy định tại Điều Khoản 12.1(c)), Tổ Chức Phát Hành sẽ, thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mức giá mua lại bằng tổng của (i) khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại, (ii) bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại kể từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) ngày thanh toán tương ứng, và (iii) tất cả các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu được mua lại mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm đó theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (nếu có). Ngoại trừ khoản thanh toán giá mua lại các Trái Phiếu theo quy định tại câu liền trước, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ phải thanh toán bất kỳ khoản tiền

nào khác liên quan đến các Trái Phiếu được mua lại nêu trên vào hoặc sau Ngày Mua Lại Trước Hạn đó.

9.6. **Hủy Bỏ**

Trái Phiếu sau khi được Tổ Chức Phát Hành hoàn tất việc mua lại sẽ bị hủy bỏ ngay lập tức và không được phát hành lại hoặc bán lại. Khi Trái Phiếu bị hủy bỏ phù hợp với quy định tại câu liên trước, mọi nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu đó sẽ chấm dứt.

9.7. **Xử Lý Phần Lẻ Trái Phiếu**

Trong mọi trường hợp mua lại Trái Phiếu, số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành có quyền hoặc phải mua lại từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được làm tròn xuống số nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên). Đối với số lượng Trái Phiếu còn lại (được hình thành từ phần lẻ Trái Phiếu do số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành mua từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ không phải là một số nguyên), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền chỉ định một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhất định để mua lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.

10. **HỘI NGHỊ CÁC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**

- (a) Tổ Chức Phát Hành hoặc một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**") hoặc tổ chức lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp như hội nghị qua điện thoại (teleconference), hội nghị trực tuyến (video conference) hoặc các hình thức khác được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thỏa thuận bằng văn bản. Việc triệu tập và tiến hành Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo trình tự và thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Phụ thuộc vào quy định tại Điều Kiện 10(a) nêu trên, Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được xem là được triệu tập hợp lệ nếu có sự tham dự của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu Trái Phiếu với tỷ lệ tương ứng như sau:
- (i) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ nhất về (A) (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị, và (B) (các) Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 70% (bảy mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị;
 - (ii) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu lần thứ hai (do lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện số người tham dự cần thiết), trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định triệu tập lần thứ nhất, về (A) (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm

tiến hành hội nghị, và (B) (các) Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị; và

- (iii) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu lần thứ ba (do lần triệu tập thứ hai không đủ điều kiện số người tham dự cần thiết), trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định triệu tập lần thứ hai, về tất cả các vấn đề (bao gồm (các) Vấn Đề Loại Trừ và (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ), là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu bất kỳ số lượng Trái Phiếu nào.
- (c) Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác được tiến hành phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có giá trị như nghị quyết được thông qua tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Thủ tục lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (d) Ngoại trừ Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, nghị quyết hoặc quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) của (i) tổng mệnh giá các Trái Phiếu được nắm giữ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự hội nghị nếu được biểu quyết tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (ii) tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó nếu được biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Mọi Vấn Đề Loại Trừ phải được quyết định bởi một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối. Tỷ lệ cần thiết để thông qua Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được xác định trong định nghĩa "Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối" tại Điều Khoản 17.1.
- (e) Nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (kể cả Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối) được thông qua hợp lệ sẽ có giá trị ràng buộc tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (cho dù Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tham dự Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hay đưa ra ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác hay không). Bất kỳ nghị quyết nào của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điều Khoản 10 này mà:
 - (i) có quyết định mâu thuẫn hoặc không nhất quán với bất kỳ quy định nào trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác;
 - (ii) đòi hỏi hoặc dẫn đến việc sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc
 - (iii) làm phát sinh thêm hoặc làm tăng thêm nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào so với trước khi thông qua nghị quyết đó,

sẽ chỉ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành nếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận bằng văn bản.

Để tránh nhầm lẫn, Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua hợp lệ nhằm xác định Sự Kiện Vi Phạm hoặc yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu do xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Kiện 12 sẽ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà không cần chấp thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành.

- (f) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ cho một lần triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác mới được tham dự và biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó hoặc đưa ra ý kiến trong lần lấy ý kiến đó.

11. CAM KẾT

Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ tuân thủ các nghĩa vụ dưới đây tại mọi thời điểm từ Ngày Phát Hành đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào:

(a) Tư Cách Pháp Lý

Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý của Tổ Chức Phát Hành và bảo đảm mỗi Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý là một công ty hoạt động theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, trừ các trường hợp được phép theo quy định tại các Điều Kiện 11(g) và 11(h).

(b) Tuân Thủ Luật

Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành tuân thủ bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

(c) Sửa Đổi Điều Lê

Tổ Chức Phát Hành đảm bảo rằng, trừ khi được yêu cầu khác đi bởi các quy định bắt buộc của bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng nào hoặc trừ khi được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động theo một nghị quyết thông thường của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận bằng văn bản, không có sửa đổi nào đối với điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại bất kỳ thời điểm nào sẽ được thông qua dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến các quyền của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu.

(d) Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán

Tổ Chức Phát Hành sẽ ngay lập tức thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và kiểm soát, hệ thống quản lý thông tin, và sổ sách kế toán và các chứng từ khác, mà cùng với nhau đủ để thể hiện một cách khách quan, chính xác và đúng đắn điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với CMKTVN và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

(e) Bảo Hiểm

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, nếu có thể mua được tại Việt Nam, mua bảo hiểm và duy trì bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm có uy tín và lành mạnh về tài chính, đối với tất cả các tài sản và công việc kinh doanh quan trọng của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành khỏi các tổn thất lớn.

(f) Thuế

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, thanh toán và hoàn thành hợp lệ và đúng hạn mọi khoản thuế ấn định cho Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con có liên quan đó hoặc ấn định lên tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng liên quan đến thuế.

(g) Không Giải Thể

Tổ Chức Phát Hành phải bảo đảm rằng sẽ không có bất kỳ quyết định giải thể nào (được quy định tại Khoản 1 Điều 202 của Luật Doanh Nghiệp) được thông qua đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành trừ khi việc giải thể là vì mục đích, hoặc là kết quả, của việc tổ chức lại doanh nghiệp được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Kiện Trái Phiếu này hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(h) Tổ Chức Lai Doanh Nghiệp Và Chuyển Nhượng Tài Sản

Tổ Chức Phát Hành không được:

- (i) cam kết hoặc cho phép bất kỳ giao dịch sáp nhập, chia, tách, hợp nhất hay tổ chức lại doanh nghiệp theo hình thức khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành;
- (ii) chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành với tổng giá trị chuyển nhượng trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Tổ Chức Phát Hành (tính trên cơ sở hợp nhất) hoặc Công Ty Con Chính đó (tính trên cơ sở hợp nhất) theo Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Tổ Chức Phát Hành/Công Ty Con Chính cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào; hoặc
- (iii) giảm tỷ lệ sở hữu (trực tiếp và gián tiếp) của Tổ Chức Phát Hành trong Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành xuống dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Công Ty Con Chính đó,

trừ trường hợp các hành động nêu trên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- (A) dẫn đến hoặc không dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành bị chấm dứt tồn tại và (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu;
- (B) dẫn đến hoặc không dẫn đến việc Công Ty Con Chính đó bị chấm dứt tồn tại với điều kiện là (xx) (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ có liên quan của Công Ty Con Chính đó, và (yy) (I) Công Ty Con Chính đó hoặc (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan đồng ý bảo lãnh, hoặc tạo lập các biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, hoặc (II) được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận;
- (C) không gây ra một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành;
- (D) nhằm tái cơ cấu hoạt động nội bộ của Tổ Chức Phát Hành hoặc các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành;
- (E) khoản tiền nhận được từ việc chuyển nhượng tài sản được dùng để (xx) nhận chuyển nhượng hoặc mua các tài sản sẽ được sử dụng trong hoạt động kinh doanh thông thường của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc tăng quy mô vốn hoạt động hoặc thực hiện các chương trình dự án đầu tư của Tổ Chức Phát hành hay Công Ty Con Chính, hoặc (yy) thanh toán bất kỳ khoản nợ nào mà có thứ tự ưu tiên thanh toán không thấp hơn nghĩa vụ thanh toán Trái Phiếu, trong thời hạn 364 (ba trăm sáu mươi tư) ngày kể từ ngày chuyển nhượng; hoặc
- (F) được chấp thuận bởi một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau khi cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua các chấp thuận nội bộ về việc thực hiện bất kỳ hành động nào được quy định tại các đoạn (i), (ii), và (iii) và thuộc bất kỳ trường hợp nào được quy định tại các đoạn (A) đến (F) nêu trên kèm theo thời gian dự kiến thực hiện và các tài liệu hoặc thông tin thể hiện các giao dịch đó được phép thực hiện theo các quy định nêu trên.

(i) Biện Pháp Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành sẽ không tạo lập hoặc cho phép tồn tại bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào đối với các Tài Sản Bảo Đảm (ngoại trừ các Biện Pháp Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm) trừ trường hợp được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận khác đi bằng văn bản.

(j) Định Giá Lại Tài Sản Bảo Đảm Và Thay Đổi Đối Với Tài Sản Bảo Đảm

Các Tài Sản Bảo Đảm tương ứng sẽ được định giá lại/dánh giá lại trong các trường hợp được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này, mỗi Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan và trong trường hợp có yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành khi bất kỳ Trái Phiếu nào được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước Ngày Đáo Hạn theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này, và nếu cần thiết, sẽ được bổ sung, thay thế hoặc rút bớt theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Các Bên Bảo Đảm cam kết sẽ hỗ trợ tối đa cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc các tổ chức định giá độc lập có liên quan nhằm đảm bảo thời hạn định giá lại Tài Sản Bảo Đảm và thanh toán mọi chi phí hợp lý phát sinh liên quan đến việc định giá lại Tài Sản Bảo Đảm nêu trên.

(k) Các Chấp Thuận

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, xin được, duy trì hiệu lực (kể cả gia hạn hoặc xin cấp mới) và tuân thủ các Chấp Thuận cần thiết và quan trọng cho (i) hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, và (ii) việc tuân thủ tất cả các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu (để tránh nhầm lẫn, nếu xảy ra bất kỳ sự kiện không tuân thủ nào đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật trong phạm vi liên quan đến Chấp Thuận thì sẽ áp dụng quy định tại Điều Khoản 11(k) này mà không phải quy định tại Điều Khoản 11(b) để xử lý).

(l) Thông Báo Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng

Nếu một sự kiện xảy ra mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được sự tồn tại của sự kiện đó trong đó nêu các chi tiết hợp lý của sự kiện đó.

(m) Vi Trí Ngang Bằng

Các Trái Phiếu sẽ tạo thành các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và được bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành và, tại mọi thời điểm, được xếp ít nhất là *ngang bằng* với tất cả các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và không được bảo đảm của của Tổ Chức Phát Hành trong hiện tại cũng như trong tương lai.

(n) Giao Dịch Với Người Có Liên Quan

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa để đảm bảo rằng các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, ký kết các Giao Dịch Với Người Có Liên Quan theo các điều kiện thương mại thông thường, chỉ trên cơ sở bình đẳng và phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(o) Công Bố Thông Tin

Tổ Chức Phát Hành cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định về công bố tất cả các thông tin mà Tổ Chức Phát Hành được yêu cầu phải công bố theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sẽ cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông

qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) hoặc công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành tất cả các thông tin mà Tổ Chức Phát Hành được yêu cầu phải cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu/thông tin sau đây:

- (i) Báo Cáo Tài Chính năm của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có Báo Cáo Tài Chính đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính có liên quan;
- (ii) Báo Cáo Tài Chính bán niên của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo có liên quan; và
- (iii) Thông tin về bất kỳ thay đổi nào về (A) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ cổ đông nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành, và (C) người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày diễn ra thay đổi đó.

(p) Sử Dụng Số Tiền Thu Được

Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ sử dụng số tiền thu được từ Trái Phiếu cho mục đích quy định tại Điều Kiện 3. Vì mục đích của quy định này, Tổ Chức Phát Hành sẽ bảo đảm rằng:

- (i) cho đến khi Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tròn mỗi giai đoạn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Lý Trái Phiếu hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn 6 (sáu) tháng đó kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều Kiện 3 của Các Điều Kiện Trái Phiếu này; và
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Lý Trái Phiếu hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn kể từ ngày gần nhất Tổ Chức Phát Hành cung cấp báo cáo theo quy định tại đoạn (i) nêu trên cho đến ngày sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều Kiện 3 của Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

(q) Cam Kết Khác

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có đủ nguồn tiền để thanh toán bất kỳ khoản gốc và lãi Trái Phiếu nào khi đến hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành với tư cách là cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong

một hoặc một số Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành để chấp thuận việc phân chia lợi nhuận của các Công Ty Con đó (trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng cho phép) để Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc thanh toán khoản gốc và lãi Trái Phiếu đã đến hạn.

(r) Đáp Ứng Điều Kiện Phát Hành Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành bảo đảm rằng, tại Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành đã đáp ứng các điều kiện để phát hành trái phiếu của doanh nghiệp theo hình thức phát hành ra công chúng tại thị trường Việt Nam theo các quy định có liên quan của Luật Chứng Khoán, Nghị Định 58 và Thông Tư 162, bao gồm, nhưng không giới hạn, việc Tổ Chức Phát Hành không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 1 (một) năm.

12. SỰ KIẾN VI PHẠM

12.1. Sự Kiến Vi Phạm

Nếu (i) có bất kỳ sự kiện nào dưới đây đã xảy ra và đang tiếp diễn và (ii) đã có một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được thông qua hợp lệ xác định sự kiện đó đã xảy ra và cấu thành một vi phạm theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và do đó Trái Phiếu cần bị tuyên bố đến hạn để Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn (điều kiện nêu tại mục (ii) này không áp dụng đối với bất kỳ sự kiện nào quy định tại đoạn (a) hay (b) dưới đây) thì sự kiện đó được xem là một sự kiện vi phạm ("**Sự Kiến Vi Phạm**"):

(a) Không Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc hoặc lãi Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán có liên quan và việc không thanh toán đó không được Tổ Chức Phát Hành khắc phục trong thời hạn 7 (bảy) Ngày Làm Việc liên tục từ ngày đến hạn thanh toán có liên quan.

(b) Vi Phạm Pháp Luật Và/Hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành vi phạm nghiêm trọng bất kỳ quy định có liên quan nào của pháp luật Việt Nam về phát hành trái phiếu ra công chúng (trong phạm vi liên quan đến Trái Phiếu) hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành không chấm dứt và/hoặc không khắc phục vi phạm đó trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan.

(c) Vi Phạm Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ bất kỳ cam kết nào được quy định tại Điều Kiện 11 sau khi Trái Phiếu đã được phát hành và việc không tuân thủ đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan, *tuy nhiên với điều kiện là* việc không tuân thủ các cam kết quy định tại các điều kiện sau:

- (i) Điều Kiện 11(b) (Tuân Thủ Luật);
- (ii) Điều Kiện 11(d) (Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán);
- (iii) Điều Kiện 11(e) (Bảo Hiểm);
- (iv) Điều Kiện 11(f) (Thuế);
- (v) Điều Kiện 11(k) (Các Chấp Thuận); và
- (vi) Điều Kiện 11(n) (Giao Dịch Với Người Có Liên Quan),

sẽ chỉ được xem là Sự Kiện Vi Phạm nếu gây ra, hoặc có thể được dự tính một cách hợp lý và rõ ràng là sẽ gây ra, một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành. Cho dù có quy định tại câu liên trước, việc Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ các cam kết nêu trên là kết quả của hoặc có liên quan đến việc thực hiện các hành động phù hợp với các Điều Kiện 11(g) và 11(h) sẽ không được xem là Sự Kiện Vi Phạm trong bất kỳ trường hợp nào và theo bất kỳ cách thức nào.

(d) Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng Theo Các Thỏa Thuận Khác

- (i) Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào (cho dù là một Khoản Nợ riêng lẻ hay một nhóm các Khoản Nợ có liên quan) khi đến hạn (nhưng chỉ sau khi kết thúc khoảng thời gian ân hạn có liên quan) hoặc có bất kỳ Khoản Nợ nào phải được thanh toán trước ngày đáo hạn của Khoản Nợ đó do vi phạm của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Khoản Nợ đó.

Vì mục đích của quy định này, “**Khoản Nợ**” có nghĩa là bất kỳ khoản nợ nào với tổng số tiền gốc trên 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến:

- (A) các khoản tiền vay;
- (B) giấy nhận nợ, trái phiếu, hối phiếu nhận nợ hoặc các chứng khoán nợ tương tự khác;
- (C) thư tín dụng chấp nhận thanh toán (acceptance credit);
- (D) các khoản phải thu đã bán hoặc chiết khấu (trừ trường hợp được bán hoặc chiết khấu trên cơ sở không truy đòi);
- (E) chi phí mua bất kỳ tài sản nào phải thanh toán trước hoặc sau thời điểm người có nghĩa vụ thanh toán mua hoặc sở hữu tài sản đó nếu khoản thanh toán trước hoặc khoản tiền trả chậm chủ yếu được thu xếp như một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;

- (F) bất kỳ hợp đồng thuê tài sản nào được ký kết chủ yếu như là một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
 - (G) bất kỳ giao dịch hoán đổi tiền tệ hay hoán đổi lãi suất nào, giao dịch về mức trần hoặc mức sàn hoặc bất kỳ giao dịch phái sinh nào được ký kết nhằm tránh bị ảnh hưởng bởi hoặc nhằm thu lợi từ việc biến động lãi suất hoặc giá (trừ trường hợp đối với một khoản tiền không được thanh toán, khoản tiền đó sẽ được tính bằng cách sử dụng giá trị được điều chỉnh theo giá trị thị trường của bất kỳ giao dịch phái sinh nào);
 - (H) bất kỳ khoản tiền nào được huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có giá trị về mặt thương mại như là một khoản vay hoặc hoạt động huy động vốn;
 - (I) bất kỳ nghĩa vụ bồi hoàn đối ứng nào đối với bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn, trái phiếu, thư tín dụng hoặc bất kỳ công cụ nào khác do một ngân hàng hoặc một định chế tài chính cấp; hoặc
 - (J) bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn hoặc biện pháp đảm bảo có tính chất tương tự nào cho tổn thất tài chính của một Tổ Chức/Cá Nhân nào liên quan đến bất kỳ mục nào nêu tại các đoạn từ (A) đến (I) trên.
- (ii) Có bất kỳ tài sản nào có giá trị lớn hơn 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị xử lý theo diện xử lý tài sản bảo đảm.

(e) Mất Khả Năng Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán (kể cả do ngừng hoặc đe dọa ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó của chủ nợ nói chung (kể cả các chủ nợ đối với các khoản phải thanh toán của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo bất kỳ bản án hoặc quyết định nào của tòa án được ban hành và có hiệu lực thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản doanh nghiệp và tình trạng đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(f) Quốc Hữu Hóa

Bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào tịch thu, quốc hữu hóa, tịch biên, sung công hoặc bằng cách khác đoạt quyền chiếm hữu hoặc kiểm soát tất cả hoặc về cơ bản là tất cả các công việc kinh doanh, hoạt động, bất động sản hoặc tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc vốn điều lệ/phần vốn góp của Tổ Chức Phát Hành và biện pháp hoặc hành động đó không được giải trừ hoặc hủy bỏ trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(g) Bất Hợp Pháp

Việc Tổ Chức Phát Hành thực hiện hoặc tuân thủ các nghĩa vụ quan trọng của Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Kiện Trái Phiếu là hoặc trở nên bất hợp pháp theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sự kiện này không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

12.2. **Biện Pháp Khắc Phục Sự Kiện Vi Phạm**

- (a) Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào xảy ra, bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.
- (b) Ngay sau khi nhận được thông báo từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Kiện 12.2(a), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn ("**Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn**") và khi đó tất cả tiền gốc, lãi và các khoản thanh toán khác theo Trái Phiếu sẽ lập tức đến hạn và phải được thanh toán trong thời hạn quy định tại Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn. Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải nêu rõ Sự Kiện Vi Phạm dẫn đến việc mua lại trước hạn Trái Phiếu, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng và ngày Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán toàn bộ các khoản tiền liên quan đến việc mua lại trước hạn Trái Phiếu ("**Ngày Thanh Toán Cuối Cùng**"). Để làm rõ:
- (i) nếu Trái Phiếu chưa được lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn và Ngày Thanh Toán Cuối Cùng sẽ là Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) kể từ ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn; hoặc
- (ii) nếu Trái Phiếu đã lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ấn định phù hợp với quy chế thực hiện quyền của Trung Tâm Lưu Ký. Trong trường hợp này, trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc ngay sau ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn, Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành) phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đến Trung Tâm Lưu Ký để thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền có liên quan.
- (c) Tổ Chức Phát Hành phải mua lại tất cả Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với giá mỗi Trái Phiếu bằng tổng mệnh giá, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu đó tính đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Cuối Cùng (trừ trường hợp Trái Phiếu đã niêm yết tại thời điểm mua lại và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại thời điểm đó có quy định khác).
- (d) Nếu đến hết Ngày Thanh Toán Cuối Cùng mà Tổ Chức Phát Hành vẫn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Kiện 12.2(c) và phụ thuộc vào quy định tại Điều Kiện 12.2(e) dưới đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền xử lý các Tài Sản Bảo Đảm thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu, các điều khoản của Các Hợp Đồng

Bảo Đảm tương ứng và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, *tuy nhiên, với điều kiện là* việc xử lý các Tài Sản Bảo Đảm đó chỉ trong phạm vi các khoản nợ gốc chưa thanh toán của các Trái Phiếu, bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán và các khoản thanh toán khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.

- (e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không bị buộc phải tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng hoặc hành động nào khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm trừ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ thị hoặc được yêu cầu thực hiện các thủ tục hoặc hành động khác đó theo một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, và chỉ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bồi hoàn và/hoặc đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ trách nhiệm mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc có thể phải chịu khi thực hiện theo Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối đó.
- (f) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và/hoặc Các Hợp Đồng Bảo Đảm (kể cả quyền yêu cầu xử lý Tài Sản Bảo Đảm).
- (g) Cho dù đã có các quy định trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền thực hiện bất kỳ hành động hoặc tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng nào đối với Tổ Chức Phát Hành trừ khi trước lúc tiến hành hành động hoặc thủ tục tố tụng đó, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã xử lý các Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc thi hành Biện Pháp Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc đã tiến hành các thủ tục để xử lý các Tài Sản Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm nhưng Các Bên Bảo Đảm hoặc Tổ Chức Phát Hành có hành động gây cản trở việc xử lý các Tài Sản Bảo Đảm đó.

13. THÔNG BÁO VÀ ĐỊA CHỈ ĐĂNG KÝ

13.1. Thông Báo

- (a) Trừ trường hợp có quy định khác tại các Văn Kiện Trái Phiếu, mọi thông báo và thư từ liên lạc gửi cho hoặc gửi từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có) sẽ được xem là được gửi hợp lệ bằng cách (i) giao tận tay, (ii) gửi bằng thư bảo đảm, (iii) gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, (iv) gửi qua thư điện tử, (v) gửi qua tin nhắn điện thoại (vi) gửi qua fax (và bản gốc phải được gửi bằng đường bưu điện trong thời hạn 2 (hai) Ngày Làm Việc sau đó) đến địa chỉ và số fax được quy định tại Điều Khoản 13.1(c) dưới đây hoặc (vii) công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có). Để tránh nhầm lẫn, phương thức thông báo tại mục (iv) và (v) trong câu liên trước chỉ áp dụng đối với các thông báo và thư từ liên lạc gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Bất kỳ thông báo hoặc thư từ liên lạc nào như vậy sẽ được xem là đã nhận được:
 - (i) nếu được giao tận tay, tại thời điểm giao;

- (ii) nếu được gửi bằng thư bảo đảm, tại thời điểm kết thúc thời hạn 3 (ba) Ngày Làm Việc sau khi gửi (có xác nhận của bưu điện);
 - (iii) nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo hoặc thư từ liên lạc có liên quan;
 - (iv) nếu được gửi qua thư điện tử, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thư điện tử đến đúng địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được thư điện tử của người gửi do địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại thư điện tử của người gửi);
 - (v) nếu được gửi qua tin nhắn điện thoại, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi tin nhắn đến đúng số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được tin nhắn của người gửi do số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại tin nhắn của người gửi);
 - (vi) nếu được gửi qua fax, khi người gửi nhận được báo cáo chuyên fax xác nhận rằng thông báo hoặc điệp đã được gửi đầy đủ đến máy fax của người nhận, hoặc cách thức nhận báo cáo xác nhận tương tự khác; hoặc
 - (vii) nếu được công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có), thời điểm tròn 24 (hai mươi bốn) giờ từ thời điểm công bố.
- (c) Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng. Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu là các địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax tương ứng được quy định tại Điều Khoản 13.2.

13.2. Địa Chỉ Đăng Ký

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này được ghi dưới đây hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác được bên tương ứng thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan theo phương thức quy định tại Điều Khoản 13.1:

Đối với Tổ Chức Phát Hành:

Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

Địa chỉ: Văn Phòng Đại Diện - Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo tại Hà Nội, Tầng 15, Tòa Nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84 - 24 - 3718 2490
Fax: 84 - 24 - 3718 2491
Người nhận: Kế Toán Trưởng
Website: <https://www.masangroup.com/masanresources/npmc>

Đối với Đại Lý Trái Phiếu ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84 - 24 - 3944 6368
Số fax: 84 - 24 - 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84 - 24 - 3944 6368
Số fax: 84 - 24 - 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

14. SỬA ĐỔI

- (a) Bất kỳ sửa đổi nào đối với Các Điều Kiện Trái Phiếu này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận và phải được Tổ Chức Phát Hành đồng ý bằng văn bản. Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành có thể tự mình sửa đổi Các Điều Kiện Trái Phiếu này để xử lý bất kỳ lỗi hoặc sai sót rõ ràng nào, bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi các sai sót về lỗi chính tả, kỹ thuật soạn thảo văn bản và dẫn chiếu trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là bất kỳ sửa đổi nào như vậy sẽ chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và việc sửa đổi đó sẽ được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có thể nhưng không muộn hơn 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ khi việc sửa đổi được hoàn tất.
- (b) Việc sửa đổi, bổ sung mỗi Văn Kiện Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo phương thức quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu đó.

15. LUẬT ÁP DỤNG

Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

16. TRỌNG TÀI

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này (kể cả tranh chấp liên quan đến việc tính toán bất kỳ khoản tiền nào theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là tại Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

17. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

17.1. Định Nghĩa

Khi được sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này:

“**Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể**” có nghĩa, liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc MSR (tùy trường hợp áp dụng) là việc xảy ra một sự kiện mà có thể được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dự tính một cách hợp lý là sẽ dẫn đến việc giảm doanh thu hợp nhất và/hoặc lợi nhuận thuần hợp nhất sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông thiểu số của Tổ Chức Phát Hành hoặc MSR trong Năm Tài Chính có liên quan ở mức bằng hoặc cao hơn 20% (hai mươi phần trăm) doanh thu hợp nhất và/hoặc lợi nhuận thuần hợp nhất sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông thiểu số tương ứng của Tổ Chức Phát Hành hoặc MSR trong Năm Tài Chính trước đó.

“**Báo Cáo Tài Chính**” có nghĩa,

- (i) đối với Tổ Chức Phát Hành, là các báo cáo tài chính năm được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận và khoản lỗ) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ và hợp nhất (nếu có) và bản thuyết minh của các báo cáo được lập phù hợp với CMKTVN.
- (ii) đối với Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, là các báo cáo tài chính năm hoặc bán niên được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành thông qua, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận và khoản lỗ) riêng lẻ và hợp nhất (nếu có) được lập phù hợp với CMKTVN và bản thuyết minh của các báo cáo (nếu có).

“**Biện Pháp Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 6.1(a).

“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 1.1.

“**Các Bên Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 6.1(a).

“**Các Hợp Đồng Bảo Đảm**” có nghĩa là các hợp đồng/thỏa thuận sau:

- (i) Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR; và/hoặc
- (ii) bất kỳ hợp đồng và/hoặc thỏa thuận nào khác giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành và/hoặc một Bên Bảo Đảm có hiệu lực xác lập Biện Pháp Bảo Đảm để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu; và
- (iii) bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận, xác nhận hoặc tài liệu nào thuộc loại khác được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý là một “Hợp Đồng Bảo Đảm” vì mục đích của Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

“**Chấp Thuận**” có nghĩa là (i) chấp thuận, giấy phép, cho phép, đồng ý, phê duyệt hoặc chấp thuận thuộc bất kỳ loại nào khác do bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào cấp hoặc (ii) đăng ký, báo cáo với hay thông báo cho bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào có thẩm quyền.

“**Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là chủ sở hữu của Trái Phiếu và là Tổ Chức/Cá Nhân có thông tin được ghi trong Sổ Đăng Ký. Để tránh nhầm lẫn, nếu Trái Phiếu đã được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, việc xác định “Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” phải tuân theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).

“**CMKTVN**” có nghĩa là các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty hoạt động tại Việt Nam.

“**Cổ Phần MSR**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 6.1(a)(i).

“**Cổ Phần Thế Chấp MSR**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 6.1(a)(i).

“**Cổ Phần Thế Chấp MSR Có Liên Quan**” có nghĩa là tất cả các Cổ Phần MSR mà Bên Bảo Đảm nhận được (liên quan đến các Cổ Phần Thế Chấp MSR) khi xảy ra các sự kiện sau đây:

- (i) MSR chia cổ tức bằng Cổ Phần MSR;
- (ii) MSR phát hành Cổ Phần MSR từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- (iii) MSR thực hiện tách hoặc gộp Cổ Phần MSR;
- (iv) MSR tiến hành tổ chức lại doanh nghiệp; hoặc
- (v) các sự kiện khác có tính chất tương tự như các sự kiện nêu trên.

Để làm rõ, số lượng Cổ Phần Thế Chấp MSR Có Liên Quan sẽ được xác định trên cơ sở hợp lý dựa trên nguyên tắc chi trả hoặc phân bổ và phương thức làm tròn do MSR công bố.

“**Công Cụ Tài Chính Có Khả Năng Chuyển Đổi**” có nghĩa là trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền hoặc các công cụ tài chính khác có khả năng chuyển đổi thành Cổ Phần MSR.

“**Công Ty Con**” có nghĩa, đối với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào, là bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh nào khác của Tổ Chức/Cá Nhân đó mà Tổ Chức/Cá Nhân đó trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát (cho dù trực tiếp hoặc thông qua một hoặc nhiều công ty hoặc thực thể kinh doanh khác) hơn năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc quyền sở hữu khác có quyền biểu quyết để bổ nhiệm giám đốc, người quản lý hoặc người đại diện của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó hoặc bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh khác nào mà tại bất kỳ thời điểm nào sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó hoặc theo quy định của bất kỳ luật có liên quan nào khác, các quy chế hoặc chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung tại từng thời điểm thì các sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó phải được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó.

“**Công Ty Con Chính**” có nghĩa, là bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành có doanh thu thuần riêng lẻ và lợi nhuận sau thuế riêng lẻ trong Năm Tài Chính liền trước chiếm từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với doanh thu thuần hợp nhất và lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành trong Năm Tài Chính liền trước (trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính năm có liên quan của Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Con).

“**Cơ Quan Nhà Nước**” bao gồm chính phủ Việt Nam hoặc các tổ chức hoặc cơ quan thuộc chính phủ Việt Nam, cơ quan chịu sự quản lý một phần của chính phủ hoặc cơ quan tư pháp hoặc cơ quan lập pháp có liên quan.

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.3.

“**Đại Lý Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2.

“**Đồng**” hoặc “**VND**” có nghĩa là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

“**Giá Thị Trường**” có nghĩa tại ngày xác định giá trị bảo đảm, là giá trị của mỗi Cổ Phần MSR được xác định tại từng thời điểm trên cơ sở (i) kết quả định giá của Tổ Chức Thẩm Định Giá Được Phép theo Điều Khoản 6.1(c)(ii) hoặc (ii) kết quả đánh giá của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định tại Điều Khoản 6.1(c)(iii) và Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.

“**Giá Trị Bảo Đảm Của Cổ Phần Thế Chấp MSR**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(c)(i).

“**Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu**” nghĩa là tổng mệnh giá của tất cả các Trái Phiếu đang lưu hành.

“**Giá Trị Giao Dịch**” có nghĩa, liên quan đến mỗi Ngày Giao Dịch, là tổng giá trị các giao dịch Cổ Phần MSR được thực hiện thành công theo phương thức khớp lệnh liên tục trên Hệ Thống Giao Dịch. Để làm rõ, Giá Trị Giao Dịch sẽ được xác định dựa trên thông tin công bố trên website của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

“**Giao Dịch Với Người Có Liên Quan**” nghĩa là bất kỳ giao dịch nào được quy định tại Khoản 1 Điều 67, Khoản 1 Điều 86 và Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh Nghiệp.

“**Hệ Thống Giao Dịch**” có nghĩa là hệ thống nơi Cổ Phần MSR được giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (hay còn gọi là hệ thống giao dịch UPCoM), Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

“**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 10(a).

“**Hợp Đồng Bảo Đám Bằng Cổ Phần MSR**” có nghĩa hợp đồng bảo đảm bằng cổ phần được ký trước Ngày Phát Hành (như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) giữa MH hoặc Tổ Chức/Cá Nhân khác với tư cách là bên bảo đảm và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với tư cách là tổ chức đại diện và thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, theo đó MH hoặc Tổ Chức/Cá Nhân khác thế chấp một số lượng nhất định các cổ phần của MSR thuộc sở hữu của MH cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động thay mặt cho và nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.3.

“**Hợp Đồng Đại Lý**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2.

“**Khoản Nợ**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1(d)(i).

“**Khối Lượng Giao Dịch**” có nghĩa, liên quan đến mỗi Ngày Giao Dịch, là tổng số lượng Cổ Phần MSR được thực hiện thành công theo phương thức khớp lệnh liên tục trên Hệ Thống Giao Dịch. Để làm rõ, Khối Lượng Giao Dịch sẽ được xác định dựa trên thông tin công bố trên website của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lãi Suất**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1(ii).

“**Luật Chứng Khoán**” có nghĩa là Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 06 năm 2006, được sửa đổi và bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán số 62/2010/QH12 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2010, Luật Chứng Khoán số 35/2018/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua ngày ngày 20 tháng 11 năm 2018, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

“**Luật Doanh Nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2014, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

“**MH**” có nghĩa là Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966871 do Sở Kế Hoạch Và Đầu

Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010 (như được sửa đổi tại từng thời điểm).

“**MSR**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, như được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm, và có địa chỉ đăng ký tại Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

“**Năm Tài Chính**” có nghĩa là giai đoạn tính từ và bao gồm ngày 1 tháng 1 của một năm dương lịch cho đến và bao gồm ngày 31 tháng 12 của cùng năm dương lịch đó.

“**Ngày Đáo Hạn**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 4.1(e).

“**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**”, liên quan đến việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ theo Trái Phiếu (kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu), có nghĩa là:

- (i) trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký:
 - (A) Ngày Làm Việc thứ mười một (11) trước ngày đến hạn thanh toán hoặc ngày thực hiện quyền khác có liên quan, tùy trường hợp áp dụng (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (i)(B) và (i)(C) dưới đây);
 - (B) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác; hoặc
 - (C) ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn; hoặc
- (ii) trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký:
 - (A) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (ii)(B), (ii)(C) hoặc (ii)(D) dưới đây); hoặc
 - (B) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong phạm vi phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký nhằm thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại Điều Khoản 12.2(c); hoặc
 - (C) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành lựa chọn phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

hoặc lấy ý kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác; hoặc

- (D) Ngày Làm Việc được xác định theo quy chế của Trung Tâm Lưu Ký để chốt danh sách đó trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có quyền ấn định ngày chốt danh sách đó.

“Ngày Giao Dịch” có nghĩa, trừ trường hợp Sở Giao Dịch Chứng Khoán có quy định khác tại từng thời điểm, là bất kỳ ngày nào từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ tại Việt Nam theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật.

“Ngày Làm Việc” có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật và bất kỳ ngày nghỉ chính thức nào (kể cả ngày nghỉ bù) tại Việt Nam.

“Ngày Phát Hành” có nghĩa là ngày hoàn thành việc phát hành Trái Phiếu và được xác định tại báo cáo kết quả phát hành Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo quy định tại Thông Tư 162.

“Ngày Mua Lại Trước Hạn” có nghĩa là ngày mà Tổ Chức Phát Hành mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu theo các sự kiện mua lại trước hạn quy định tại Điều Khoản 9.

“Ngày Thanh Toán Cuối Cùng” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“Ngày Thanh Toán Lãi” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.3.

“Nghị Định 58” nghĩa là Nghị Định số 58/2012/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 20 tháng 07 năm 2012, được sửa đổi và bổ sung bởi Nghị Định số 60/2015/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 26 tháng 06 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

“Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối” có nghĩa là nghị quyết hoặc quyết định bằng văn bản được thông qua bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 70% (bảy mươi phần trăm) của (i) tổng mệnh giá các Trái Phiếu được nắm giữ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự hội nghị nếu được biểu quyết tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (ii) tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó nếu được biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

“Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.2.

“Phương Án Phát Hành Trái Phiếu” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“Sổ Đăng Ký” có nghĩa là sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu hợp pháp của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Trong các quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này về tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc về việc xác định Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc có nghĩa vụ tương ứng khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc thanh toán

theo Trái Phiếu (kể cả thanh toán khi mua lại) sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, dẫn chiếu đến “Sổ Đăng Ký” còn bao gồm cả danh sách tổng hợp Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) được Trung Tâm Lưu Ký lập và gửi cho Tổ Chức Phát Hành theo quy chế thực hiện quyền có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký cho lần thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ tương ứng.

“**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**” có nghĩa là bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào của Việt Nam mà trên đó Trái Phiếu được phép niêm yết để giao dịch tập trung theo lựa chọn của Tổ Chức Phát Hành. Sở Giao Dịch Chứng Khoán ban đầu sẽ là Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

“**Sự Kiện Vi Phạm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1.

“**Tài Sản Bảo Đảm**” có nghĩa là (i) Cổ Phần Thế Chấp MSR và (ii) các tài sản bảo đảm khác theo các Hợp Đồng Bảo Đảm khác (nếu có).

“**TCBS**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương, một công ty chứng khoán được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 125/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi bổ sung từ thời điểm.

“**Thời Điểm Khóa Sổ**” có nghĩa là (i) nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, thời điểm 18:00 giờ (giờ Việt Nam) của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan hoặc (ii) nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, thời điểm mà Trung Tâm Lưu Ký thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan.

“**Thời Hạn Đăng Ký Bán**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a).

“**Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“**Thông Báo Chào Mua**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a).

“**Thông Tư 162**” có nghĩa là Thông Tư số 162/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu.

“**Tổ Chức/Cá Nhân**” có nghĩa là cá nhân hoặc pháp nhân theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2015.

“**Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(f)(i).

“**Tổ Chức Phát Hành**” hay “**NPM**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Tổ Chức Thẩm Định Giá Được Phép**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(c)(ii).

“**Tổng Giá Trị Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b).

“**Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì**” có nghĩa như được quy định trong Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

“**Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút**” có nghĩa như được quy định trong Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

“**Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(c).

“**Trung Tâm Lưu Ký**” có nghĩa là bất kỳ tổ chức nào thực hiện chức năng đăng ký và lưu ký chứng khoán tập trung của Việt Nam mà tại đó chứng khoán giống hoặc tương tự như Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung để đáp ứng điều kiện niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Trung Tâm Lưu Ký ban đầu tại đó Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký sẽ là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.

“**Tỷ Lệ Điều Chỉnh**” có nghĩa là các điều chỉnh đối với Giá Trị Giao Dịch do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu xác định theo:

- (i) giá trị cổ tức được nhận đối với Cổ Phần MSR phù hợp với quy định của Hệ Thống Giao Dịch áp dụng tại từng thời điểm;
- (ii) giá trị của các quyền được nhận kèm theo Cổ Phần MSR phù hợp với quy định của Hệ Thống Giao Dịch áp dụng tại từng thời điểm; và/hoặc
- (iii) các trường hợp khác điều chỉnh giá tham chiếu của Cổ Phần MSR phù hợp với quy định của Hệ Thống Giao Dịch áp dụng tại từng thời điểm.

“**Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật**” có nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại các Điều 2, 4, 172.2 và 172.4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 80/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 22 tháng 6 năm 2015, và trong trường hợp các Điều trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì sẽ bao gồm cả bất kỳ văn bản nào mà sau đó được định nghĩa là một văn bản quy phạm pháp luật theo quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của các Điều đó.

“**Văn Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa là mỗi trong số các văn kiện sau:

- (i) Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (ii) Hợp Đồng Đại Lý;
- (iii) Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và
- (iv) Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

“**Vấn Đề Loại Trừ**” có nghĩa là bất kỳ vấn đề nào dưới đây:

- (i) điều chỉnh Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào;
- (ii) giảm hoặc ngừng thanh toán gốc Trái Phiếu;
- (iii) điều chỉnh Lãi Suất;
- (iv) thay đổi loại tiền tệ thanh toán đối với Trái Phiếu;
- (v) thay đổi điều kiện tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hợp lệ;
- (vi) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (vii) sửa đổi định nghĩa về Vấn Đề Loại Trừ; hoặc
- (viii) bất kỳ vấn đề nào khác được yêu cầu một cách cụ thể là phải được thông qua bởi Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối theo Các Điều Kiện Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác.

“**VIAC**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 16.

“**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

17.2. Nguyên Tắc Diễn Giải

- (a) Các tiêu đề của bất kỳ Điều Kiện hay đoạn nào chỉ để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung của Điều Kiện hay đoạn đó.
- (b) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này đến các Điều Kiện và đoạn là dẫn chiếu đến các điều kiện và đoạn của Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- (c) Các cụm từ “của Các Điều Kiện Trái Phiếu này”, “trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này” và “theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Các Điều Kiện Trái Phiếu này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- (d) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ lục đính kèm văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.
- (e) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà có thể

được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.

- (f) Đề cập đến một chủ thể (kể cả Đại Lý Trái Phiếu hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này là đề cập đến cả chủ thể kế nhiệm, chủ thể nhận chuyển nhượng hoặc chủ thể nhận chuyển giao quyền và/hoặc nghĩa vụ từ chủ thể đó.
- (g) Dẫn chiếu đến “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (i) Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu cách diễn giải khác, việc xác định thời hạn sẽ được thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc Hội Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- (j) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành hợp lệ và được thanh toán đầy đủ bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (k) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Khoản Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.
- (l) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều Khoản 17.1 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.
- (m) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.
- (n) Việc “đánh giá” hoặc “đánh giá lại” Tài Sản Bảo Đảm trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này có nghĩa là việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu xác định giá trị của Tài Sản Bảo Đảm đó theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.

PHỤ LỤC II

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

1. Triệu Tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

- 1.1 Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị**") sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- 1.2 Khi có nhu cầu triệu tập Hội Nghị, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về việc triệu tập Hội Nghị ("**Yêu Cầu Triệu Tập**"). Yêu Cầu Triệu Tập phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) có thông tin về người yêu cầu triệu tập, và (iii) đính kèm dự thảo nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.
- 1.3 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị, (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Trái Phiếu về Yêu Cầu Triệu Tập và Thời Điểm Khóa Sổ đó, và (iii) chỉ trong trường hợp một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu triệu tập Hội Nghị, đề nghị Đại Lý Trái Phiếu xác nhận thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị của (các) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan.
- 1.4 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với người yêu cầu triệu tập và Tổ Chức Phát Hành để xác định địa điểm, phương thức tổ chức Hội Nghị và thống nhất nội dung và chương trình họp của Hội Nghị, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của người yêu cầu triệu tập.
- 1.5 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Trái Phiếu để bảo đảm Đại Lý Trái Phiếu sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.
- 1.6 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu triệu tập về việc chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 1.5 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị (*với điều kiện là ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan*) và gửi thông báo mời tham dự Hội Nghị ("**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**") cho tất cả các Đại Biểu (như được định nghĩa tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục II này). Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có đầy đủ thông tin về địa điểm, ngày,

giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị. Kèm theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có mẫu văn bản chỉ định đại diện họp pháp dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Chương Trình Và Nội Dung

- 2.1 Người yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải chuẩn bị dự thảo nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 2.2 Nếu không phải là người yêu cầu triệu tập, Tổ Chức Phát Hành hoặc Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Mục 3 của Phụ Lục II này sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền gửi văn bản kiến nghị bổ sung một hoặc một số vấn đề để đưa vào chương trình họp của Hội Nghị. Văn bản kiến nghị đó phải được gửi đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Hội Nghị.
- 2.3 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa kiến nghị bổ sung nêu tại Đoạn 2.2 trên đây vào chương trình họp của Hội Nghị. Tuy nhiên, kiến nghị bổ sung sẽ chỉ được thảo luận trong chương trình họp của Hội Nghị nếu được Hội Nghị chấp thuận.

3. Quyền Tham Dự Hội Nghị

- 3.1 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng sẽ có quyền tham dự Hội Nghị được triệu tập theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 3.2 Chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Đoạn 3.1 trên đây và đại diện họp pháp của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Đại Biểu**") được tham dự và phát biểu tại Hội Nghị, tuy nhiên, chỉ có Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện họp pháp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được biểu quyết tại Hội Nghị.

4. Thủ Thức Tiến Hành Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

- 4.1 Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền họp pháp của mình tham dự Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là nếu tham dự thông qua người đại diện, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi văn bản ủy quyền được công chứng/chứng thực đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày tiến hành Hội Nghị.
- 4.2 Trước thời điểm dự kiến khai mạc Hội Nghị, Đại Biểu phải đăng ký tham dự Hội Nghị bằng cách (i) xuất trình Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị, văn bản chỉ định đại diện dự họp đã được ký và đóng dấu (nếu có) họp lệ và giấy tờ họp pháp thể hiện thông tin nhận diện cá nhân của Đại Biểu để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối chiếu, và (ii) ký vào danh sách đại biểu tham dự Hội Nghị tương ứng với tên của Đại Biểu đó (nếu Đại Biểu đó chính là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), tên của cá nhân mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

cá nhân), hoặc tên của tổ chức mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức).

- 4.3 Thời điểm xác định số Đại Biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu là lúc kết thúc khoảng thời gian 45 (bốn mươi lăm) phút sau giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị được quy định trong Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 4.4 Nếu lần triệu tập Hội Nghị thứ nhất không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ nắm giữ Trái Phiếu tối thiểu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị lần thứ nhất bằng cách gửi một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập) theo quy định tại Đoạn 1.6 của Phụ Lục II này.
- 4.5 Nếu lần triệu tập Hội Nghị thứ hai không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ nắm giữ Trái Phiếu tối thiểu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ ba trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị lần thứ hai bằng cách gửi một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập) theo quy định tại Đoạn 1.6 của Phụ Lục II này.
- 4.6 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định chủ tọa Hội Nghị và một hoặc một số người làm thư ký Hội Nghị khi bắt đầu Hội Nghị.
- 4.7 Hội Nghị sẽ bầu ban kiểm phiếu không quá 3 (ba) người trong số các Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Chủ tọa và thư ký không được tham gia ban kiểm phiếu.
- 4.8 Nội dung và chương trình họp của Hội Nghị phải được Hội Nghị thông qua trước khi Hội Nghị bắt đầu thảo luận. Hội Nghị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Hội Nghị. Với mỗi Trái Phiếu sở hữu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có một phiếu biểu quyết.
- 4.9 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ đại diện hợp pháp dự họp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào đến sau khi Hội Nghị đã khai mạc sẽ phải đăng ký dự họp theo quy định tại Đoạn 4.2 của Phụ Lục II này và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký đó. Chủ tọa không được dùng cuộc họp để những người nêu trên đăng ký dự họp; và trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 4.10 Cho dù có các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu, khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình họp của Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết hay được đề cập trong văn bản kiến nghị bổ sung theo quy định tại Đoạn 2.2 của Phụ Lục II này (kể cả việc bầu ban kiểm phiếu và ấn định nội dung và chương trình họp

của Hội Nghị), vấn đề đó sẽ được xem là được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá của các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

5. Biên Bản Hội Nghị

5.1 Diễn biến và nội dung Hội Nghị phải được ghi vào biên bản, lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) thông tin về Tổ Chức Phát Hành (tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh);
- (ii) thông tin về Trái Phiếu;
- (iii) thời gian và địa điểm tổ chức Hội Nghị;
- (iv) chương trình và nội dung Hội Nghị;
- (v) chủ tọa và thư ký;
- (vi) tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội Nghị về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- (vii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị, phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị với số Trái Phiếu và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- (viii) tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành và không tán thành; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị; và
- (ix) các quyết định đã được thông qua.

5.2 Biên bản Hội Nghị phải được lập và thông qua trước khi bế mạc Hội Nghị và phải được ký bởi hoặc nhân danh tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị. Trong trường hợp biên bản đã có đủ các nội dung nêu tại Đoạn 5.1 của Phụ Lục II này mà bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc đại diện của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào từ chối ký biên bản thì chữ ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đại diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó để xác nhận việc tham dự Hội Nghị theo quy định tại Đoạn 4.2(ii) của Phụ Lục II này sẽ được xem là chữ ký của họ trong biên bản. Biên bản Hội Nghị được lập theo quy trình nêu trên kèm theo các biên bản kiểm phiếu (nếu có) sẽ là bằng chứng chính thức về các nội dung và quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị có liên quan. Để tránh nhầm lẫn, quyết định về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Đoạn 4.10 của Phụ Lục II này) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm được thông qua, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

5.3 Trên cơ sở biên bản Hội Nghị, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua tại Hội Nghị và công bố tại Hội Nghị. Văn bản

tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

6. **Tổ Chức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Nếu Trái Phiếu Chưa Được Đăng Ký Với Trung Tâm Lưu Ký**

6.1 Việc lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

6.2 Khi có nhu cầu lấy ý kiến bằng văn bản của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu bằng văn bản về việc lấy ý kiến ("**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**"). Yêu Cầu Lấy Ý Kiến phải (i) được Tổ Chức Phát Hành ký và đóng dấu hợp lệ, (ii) nêu vấn đề cần lấy ý kiến và ngày dự kiến kết thúc thời hạn nhận ý kiến và (iii) đính kèm dự thảo phiếu lấy ý kiến (theo mẫu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp).

6.3 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích lấy ý kiến bằng văn bản, và (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Trái Phiếu về Yêu Cầu Lấy Ý Kiến và Thời Điểm Khóa Sổ đó. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến có liên quan.

6.4 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với Tổ Chức Phát Hành để thống nhất nội dung phiếu lấy ý kiến và dự thảo nội dung quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của Tổ Chức Phát Hành.

6.5 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Trái Phiếu để bảo đảm Đại Lý Trái Phiếu sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.

6.6 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu lấy ý kiến về việc chi trả chi phí tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản (bảo đảm đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.5 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (với điều kiện là ngày kết thúc thời hạn đó trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo lấy ý kiến ("**Thông Báo Lấy Ý Kiến**") cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông báo theo quy định tại Đoạn 6.7 dưới đây. Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có thông tin về thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Kèm theo Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có phiếu lấy ý kiến và dự thảo quyết định/nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền gia hạn thời gian lấy ý kiến trong trường hợp đã kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến mà chưa đủ phiếu lấy ý kiến cần thiết để thông qua một, một số hoặc toàn bộ

nội dung xin ý kiến nhưng trong mọi trường hợp thời gian gia hạn lấy ý kiến không được vượt quá 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến và phải thông báo cho Những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc gia hạn này.

- 6.7 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cũng sẽ có quyền được lấy ý kiến theo Thông Báo Lấy Ý Kiến đó.
- 6.8 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi Thông Báo Lấy Ý Kiến cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, các Bên Bảo Đảm, tuy nhiên, chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mới được đưa ra ý kiến.
- 6.9 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải được Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ vào một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành (theo chọn lựa của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến.
- 6.10 Phiếu lấy ý kiến gửi về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải được đựng trong phong bì dán kín và không được mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến bị xem là không hợp lệ và không được tính khi kiểm phiếu nếu:
 - (i) được gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sau khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến được quy định trong Thông Báo Lấy Ý Kiến; hoặc
 - (ii) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến trong phiếu lấy ý kiến đó, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chọn nhiều hơn một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành.
- 6.11 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành kiểm phiếu tại các thời điểm như sau, tùy từng trường hợp áp dụng:
 - (a)
 - (i) Khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được số lượng phiếu lấy ý kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết để thông qua quyết định theo Các Điều Kiện Trái Phiếu (để làm rõ, trong trường hợp có nhiều nội dung lấy ý kiến thì số lượng phiếu lấy ý kiến cần thiết là số lượng phiếu lấy ý kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết đối với vấn đề cần tỷ lệ thông qua cao nhất) hoặc (ii) khi hết thời hạn lấy ý kiến mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý gia hạn thời gian lấy ý kiến theo quy định tại Mục 6.6 thì:
 - (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu theo quy định tại Mục 6.12; và
 - (B) Trong trường hợp một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được thông qua bởi những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu cần thiết theo Các Điều Kiện Trái Phiếu, căn cứ vào biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ký và ban hành nghị quyết đối với một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được chấp thuận (nếu có).

- (b) Đến thời điểm cuối cùng nhận ý kiến mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không gia hạn thời gian lấy ý kiến theo quy định tại Mục 6.6 hoặc (ii) khi kết thúc thời gian gia hạn thời gian lấy ý kiến theo quy định tại Mục 6.6 hoặc (iii) khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận đủ phiếu lấy ý kiến của toàn bộ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, ký và ban hành nghị quyết đối với các nội dung lấy ý kiến trên cơ sở biên bản kiểm phiếu đã lập, trừ nội dung đã được chấp thuận tại Mục 6.11(a)(ii) (nếu có).
- 6.12 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tổ Chức Phát Hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (ii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham gia biểu quyết;
 - (iii) tổng số phiếu hợp lệ tán thành và không tán thành đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
 - (iv) tổng số phiếu không gửi về cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến; và
 - (v) các quyết định đã được thông qua.

Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đại diện của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ. Để tránh nhầm lẫn, quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm lập biên bản kiểm phiếu, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

- 6.13 Tỷ lệ cần thiết để thông qua một quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được quy định cụ thể tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- 6.14 Trên cơ sở biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong lần lấy ý kiến có liên quan và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vào cùng ngày lập biên bản kiểm phiếu.
- 7. Triệu Tập Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Trong Trường Hợp Trái Phiếu Đã Được Đăng Ký Tại Trung Tâm Lưu Ký**
- 7.1 Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm tổ chức Hội Nghị hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan,

các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng), và các quy định có liên quan của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng)).

- 7.2 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Trung Tâm Lưu Ký để nhận danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chốt tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cho mục đích tổ chức Hội Nghị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng).

8. Các Quy Định Chung

- 8.1. Thời điểm xác định số đại biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị là lúc kết thúc 45 (bốn mươi lăm) phút tính từ thời điểm ấn định khai mạc Hội Nghị.
- 8.2. Khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình tổ chức Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết (hay trong kiến nghị bổ sung chương trình) (kể cả bầu ban kiểm phiếu và ấn định chương trình và nội dung Hội Nghị), vấn đề đó được xem là được quyết định hoặc chấp thuận bởi Hội Nghị nếu được tán thành bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá số Trái Phiếu đang lưu hành của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.
- 8.3. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi bản sao của biên bản Hội Nghị hoặc biên bản kiểm phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ) cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu trong thời hạn 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến bằng văn bản (tùy từng trường hợp áp dụng). Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (i) lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của mình bản gốc mọi biên bản Hội Nghị, biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu liên quan đến việc tổ chức Hội Nghị và lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) cung cấp bản sao của các tài liệu nêu trên theo yêu cầu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu trên cơ sở có thu phí.
- 8.4. Mọi chi phí, phí tổn thực tế (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay lấy ý kiến là Tổ Chức Phát Hành) hoặc mọi chi phí, phí tổn hợp lý (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay lấy ý kiến không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến việc triệu tập và tổ chức Hội Nghị hay lấy ý kiến bằng văn bản sẽ do Tổ Chức Phát Hành gánh chịu.

PHU LUC III

MẪU THỎA THUẬN THAM GIA

THỎA THUẬN THAM GIA NÀY (“Thỏa Thuận Tham Gia”) được lập vào ngày [●] tháng [●] năm [●] bởi và giữa:

- (1) **[Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia] (“Tổ Chức Phát Hành”)**

Mã số doanh nghiệp : [Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]
(hoặc tương đương)

Địa chỉ đăng ký : [Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

và

- (2) **[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia] (“Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế”)**

Mã số doanh nghiệp : [Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]
(hoặc tương đương)

Địa chỉ đăng ký : [Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

CƠ SỞ KẾT LẬP THỎA THUẬN

XÉT RẰNG,

- (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế đã nghiên cứu Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được ký ngày [●] tháng [●] năm 2019 giữa Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm (“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”) và đồng ý thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm ngay trước ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này) để thực hiện các công việc, nhiệm vụ và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và
- (B) Theo quy định tại Điều 9.01(b) của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này với Tổ Chức Phát Hành,

DO VẬY, NAY, các bên thỏa thuận như sau:

1. Công Nhận Quyền Và Nghĩa Vụ

- 1.1 Bằng Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế công nhận và đồng ý với Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế (i) sẽ trở thành Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm và (ii) do vậy, sẽ thực hiện mọi nhiệm vụ, công việc và được hưởng mọi quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- 1.2 Kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

2. Thông Báo

Vì mục đích được quy định tại Điều Khoản 13.2 của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Điều 11.04 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, địa chỉ, số fax và người nhận của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế như sau:

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế]

Địa chỉ: [●]

Số fax: [●]

Người nhận: [●]

3. Các Quy Định Khác

- 3.1 Thỏa Thuận Tham Gia này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và được xem là một Văn Kiện Trái Phiếu. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Thỏa Thuận Tham Gia này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Thỏa Thuận Tham Gia này sẽ có nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 3.2 Các quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được áp dụng với những sửa đổi cần thiết cho phù hợp với ngữ cảnh cho Thỏa Thuận Tham Gia này như thể được quy định rõ ràng trong Thỏa Thuận Tham Gia này.
- 3.3 Thỏa Thuận Tham Gia này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 3.4 Thỏa Thuận Tham Gia này được ký thành 4 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế giữ 2 (hai) bản gốc.

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, các bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Thỏa Thuận Tham Gia này.

[Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành] với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế] với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

